

diễn đàn

Số 75 / 1.6.1998

ISSN 1164-2378

F O R U M



Nguyễn Đán, Tháp Bình Sơn, tranh khắc, 1973

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & những vấn đề

- | | |
|--------------------------------------|----------|
| 1 Phát huy nội lực... | Hoà Vân |
| 4 Tin tức | |
| 6 Đọc báo trong nước : Giáo dục | |
| 10 Long Vương trong làng báo Sài Gòn | Na-Tra |
| 12 Thư gửi ông Nông Đức Mạnh | Trần Độ |
| 14 Tuyên ngôn cộng sản 150 năm sau | Trần Đạo |

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|---|--------------------|
| 15 Sổ tay | Kiến Văn |
| 17 Lê Lai... rai Nguyễn Dư, Nguyễn Thắng, Đặng Tiến | |
| 22 Album hay sổ tay ký hoạ ? | Văn Ngọc |
| 25 Câu chuyện TT | Vịnh Khai |
| 28 Xôn xao Yên Tử | Hoa Ngõ Hạnh |
| 30 Lời hứa của thời gian | Nguyễn Quang Thiều |

Thơ : Bùi Kinh Quốc (tr.13),
Đoàn Huyền Thư (tr.21)

Đề phát huy nội lực : một bước đi cần thiết

Hoà Vân

Có thể nói, “ phát huy nội lực ” là cụm từ thời thượng nhất trong ngôn ngữ chính trị VN từ đầu năm nay. Không cần truy nguyên “ tác giả ” của nó, ông X, bà Y hay tổ chức A, cơ quan B nào, người ta ghi nhận là nó đã được đưa vào vị trí sang trọng đó từ hội nghị trung ương lần thứ 4, tháng 12.1997 (theo tổng bí thư Lê Khả Phiêu, tại cuộc toạ đàm với báo chí quốc tế ngày 5.5.1998). Và ngay từ tháng 1.98, trong hai cuộc gặp mặt với giới doanh nghiệp và giới khoa học - công nghệ, thủ tướng Phan Văn Khải đã diễn giải một số ý theo ông cần được nhấn mạnh về khái niệm “ nội lực của Việt Nam trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu ” (xem Diễn Đàn số 72, tháng 3.1998). Một số ý khác được ông tổng bí thư phát triển trong cuộc gặp các nhà báo quốc tế nói trên. Tới bài diễn văn bế mạc kỳ họp quốc hội vừa qua của chủ tịch Nông Đức Mạnh thì “ phát huy nội lực ” đương nhiên đã trở thành một “ yêu cầu bức xúc của cuộc sống ”, chẳng cần phải lý giải vòng vo.

Đúng quá ! Ai đã luyện võ, dù ở võ trường hay... trên trang sách Kim Dung, mà không biết rằng nội lực là căn bản nhất, nếu không đủ thì chẳng làm sao thi thố nổi những miếng võ tinh thông, dù đã nhập tâm các bước. Về ý nghĩa kinh tế - chính trị thì như tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã nói : “ Chúng tôi cho rằng có phát huy nội lực tốt thì mới tiếp nhận được tốt hơn sự hợp tác quốc tế ”. Chẳng phải đúng như lời dạy của cổ nhân “ Tiên trách kỷ, hậu trách nhân ” ư ? Hơn 10 năm đổi mới, hẳn là bộ mặt đất nước đã thay đổi nhiều nhờ vào hàng tỷ đôla đầu tư của nước ngoài. Song có thể nào đạt được những kết quả đó nếu những năng động tiềm tàng trong nhân dân đã không phần nào được giải toả qua các chính sách “ cởi trói ” về kinh tế, bãi bỏ ngăn sông cấm chợ, phát triển kinh doanh... ? Hay nói cách khác, lật ngược vấn đề, chẳng phải chính là vì những chính sách đó chưa thật nhất quán, còn vướng đầy mâu thuẫn, ách tắc, mà sự huy động các nguồn lực trong dân còn xa mới đạt yêu cầu, mà cuộc tăng trưởng đang chững lại, thối lui ?

(xem tiếp trang 9)

HỘI HOẠ VIỆT NAM

*Chuyên gia tìm mua tác phẩm
của các họa sĩ*

Nguyễn Gia Trí
Nguyễn Sáng
Lưu Văn Sìn
Lương Xuân Nhị
Dương Bích Liên
Mai Thú
Lê Phổ
Vũ Cao Đàm

ĐT (buổi tối) : 01 39 52 70 56

Tìm con trai

25 tuổi, tên là Bùi Anh Thủ, quê quán Hải Hưng, xa nhà từ năm lên mười, nay đang ở Pháp.

Liên lạc với cha là Bùi Quang Đăng, mẹ là Vũ Thị Chuông (đội 1, Quỳnh Khuê, Kim Xuyên, Kim Thành, Hải Dương). Điện thoại : 00 84 32 820484, hỏi ông Lê Văn Thân là người thân với cha mẹ.

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30

ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30

le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00

Métro : Réaumur-Sébastopol

Programme de juin 1998

ARTS PLASTIQUES

**Mortel alter ego, dispositifs de sculpture in situ,
de Isabelle HERSANT**

du 8 au 20 juin 1998

vernissage : samedi 6 juin à partir de 18 h

**Exposition de laque moderne
de trois artistes de Hà Nội : Trinh Tuấn,**

Công Kim Hoa, Công Quốc Hà

du 24 juin au 31 juillet 1998

Bạn đọc và Diễn Đàn

Muộn còn hơn không...

Hôm nay ngồi buồn bỗng lật lại vô tình *Diễn Đàn Xuân* Đỉnh Sầu số 60 (2.1997) tình cờ đọc thấy câu đối Tết của ai đó như thế này :

*Tên là Đào, họ là Mai, phận má hồng,
kiếp tâm gửi, sầu riêng một gánh*

Tôi bỗng cảm hứng, xin mạn phép đối lại như sau :

*Trần kêu Tùng, tục gọi Lâm, thân điểm cỏ,
phận sầu đông, bông bong ngàn nổi.*

Ai đó, đọc chơi đỡ buồn ! Muộn còn hơn không !

D.V.D. (Trois Rivières, Québec, Canada)

Một vài đề nghị...

Đầu tiên là một đề nghị vụ lợi : DD nên có bài chỉ dẫn về các bộ chữ tiếng Việt (cho PC hay Mac), các chương trình chuyển mã từ bộ chữ này sang bộ chữ khác để dùng trên máy, để lướt trên mạng Internet..., cũng như có bài giới thiệu các sites Việt Nam hấp dẫn và hữu ích để mọi người tiết kiệm thời giờ (và tiền điện thoại).

Nói chung, DD thiếu những bài có lợi ích thực dụng hay gắn liền với sinh hoạt địa phương (Pháp). Có thể chẳng : hàng tháng chắc ban biên tập đều có họp, sau đó nên đi ăn ở một tiệm, sau đó viết bài giới thiệu và phê bình. Đừng quên tiết mục rượu. Đó là tiết mục không thể thiếu : bên Mỹ, ở Little Saigon, nhiều tiệm ngon và rẻ nhưng không tìm đâu ra được một chai trong thực đơn, thiếu thốn thế nào đó, rất cuộc là bớt ngon. Người từ xa tới (như tôi), tiệm nào cũng giống tiệm nào. Rất cần có những bài như thế. Tất nhiên, có vấn đề : ban biên tập đi ăn như vậy, ai trả tiền, đã làm báo chùa rồi... Nhưng thôi, đó là chuyện *biết rồi, khổ lắm...*

Đĩa hát, băng nhạc Việt Nam cũng thế. Về nước, sang Cali, hay đến quận 13 Paris cũng vậy : sao mà nhiều thế, và dở thế. Nhưng trong cả trăm cả ngàn cái dở đó, chắc cũng có vài cái/chục cái đáng nghe. Chẳng lẽ trong ban biên tập, hay bên cạnh ban biên tập, không có người sành điệu chỉ dùm sao ?

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Sẵn dịp nói luôn : bấy lâu nay, tôi vẫn chưa nhận ra mục đích của việc đăng một bức tranh ở góc trang đầu mỗi số. Để giới thiệu một tác phẩm lớn của hội hoạ ? Chắc không phải, vì sự lựa chọn rất lung tung. Để trang trí ư ? Cũng không phải thế, vì nhiều bức tranh không có tính cách gì trang trí cả, trước tiên vì kỹ thuật ấn loát của báo không cho phép dùng màu, hay dùng dégradé nhiều, thành thử trên thực tế, có nhiều bức không làm đẹp gì hơn cho trang đầu, trái lại ! Và chỉ tội nghiệp cho những tác phẩm bị hành hạ. Không biết có phải sợ tác giả kiện hay không mà nhiều khi lại không đề tên hoạ sĩ, như hai lần trong mấy tháng gần đây, một lần đối với Đinh Ý Nhi và một lần với ??? Chỉ còn một giả thuyết chót, rất-có-thể : để phân biệt các số báo với nhau. Nếu như vậy, hay bất luận thế nào, cũng nên lựa những bức vẽ *au trait dessiné* để khi sao chụp không bị mất mát quá nhiều. Đọc những bài gần đây của Văn Ngọc về hội hoạ, thấy rất dễ cảm thông và chia sẻ. Việc lựa chọn tranh ở trang đầu cho đến nay, quá dễ dãi và không thấy dây định hướng (*fil directeur*), tôi chắc không phải do Văn Ngọc.

P.V.Đ (Lannemezan, Pháp)

☒ *Mục đích chính của tấm hình trang 1 đúng là để thoát trông để phân biệt các số báo. Đôi khi người trình bày cũng muốn tiện dịp giới thiệu một tác phẩm, hoặc minh hoạ một đề tài trong số báo. Khi một tác phẩm được chọn làm bìa (như trường hợp Đinh Ý Nhi) thì tên tác giả và tác phẩm được ghi ở mục lục (bìa sau). Xin ghi nhận các gợi ý, đặc biệt về quán ă. Riêng mục rượu nho, từ lâu ĐĐ có ý định giới thiệu tên tuổi những chai rượu đã được dùng để sản xuất... mỗi số báo.*

sách mới sách mới sách mới

Trần Vũ, Sous une pluie d'épines

nouvelles, trad. du vietnamien par Phan Huy Đường
Ed. Flammarion, Paris, 1998, 192 p., 105 FF.

Cùng với Đỗ Kh., Trần Vũ là một trong hai tác giả đáng theo dõi trong các nhà văn trẻ hải ngoại. Đây là tập truyện ngắn đầu tiên của Trần Vũ được dịch ra tiếng Pháp, và được nhà xuất bản Flammarion chọn để phát hành, mở đầu cho một tủ sách văn học Việt Nam. Thế là sau Ed. Des Femmes, Ed. de l'Aube, Philippe Picquier, Actes Sud, nay có thêm Flammarion giới thiệu văn học Việt Nam.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM-TOM) : 250 FF

châu Âu ngoài Pháp : 280 FF

các nước ngoài châu Âu : 330 FF

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** : xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, sec đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Không thông qua Luật khiếu nại và tố cáo

Quốc hội khoá 10 đã bế mạc kỳ họp thứ 3 vào ngày 20.5.1998, chỉ thông qua được 5 đạo luật sửa đổi và một đạo luật mới là luật Tài nguyên nước (xem ĐĐ số trước). Đạo luật khiếu nại và tố cáo mặc dù, theo lời của chủ tịch Nông Đức Mạnh, đã được “soạn thảo công phu”, vẫn “còn một số vấn đề cần được nghiên cứu thêm”, và được giao cho Ủy ban thường vụ quốc hội, chính phủ và các cơ quan hữu quan chính lý dự án Luật để trình quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 4, vào mùa thu tới. Xuất phát từ yêu cầu “bảo đảm các quyền dân chủ của nhân dân ở cấp cơ sở”, sau những biến động xã hội năm ngoái đặc biệt ở Thái Bình, Luật khiếu nại và tố cáo là đạo luật được thảo luận nhiều nhất ở kỳ họp. Theo thông tấn xã AFP, các đại biểu quốc hội không đi tới được thoả thuận về các biện pháp trừng phạt những viên chức phạm tội khi họ là đảng viên, và cũng không thoả thuận được về việc chỉ định cơ quan nào đứng ra nhận đơn khiếu nại hoặc tố cáo của dân.

Quốc hội cũng đã góp ý kiến về các dự án luật hình sự (sửa đổi) và luật hôn nhân và gia đình (cũng sửa đổi) để chuẩn bị thông qua trong những kỳ họp sau.

Ngoài ra, quốc hội đã phê chuẩn việc bổ nhiệm phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kiêm giữ chức thống đốc ngân hàng nhà nước và quyết định đổi tên bộ nội vụ thành bộ công an. Theo thủ tướng Phan Văn Khải, việc cử một phó thủ tướng kiêm nhiệm thống đốc ngân hàng quốc gia là cần thiết để có đủ quyền hạn tái lập trật tự trong hoạt động của các ngân hàng, nếu không muốn sụp đổ. Phụ tá cho ông Dũng về mặt nghiệp vụ ngân hàng là ông Lê Đức Thuý, phó thống đốc. Một trong những hành động đầu tiên của ông Dũng, theo một bài báo của tạp chí Ngân hàng một tuần trước khi việc bổ nhiệm ông trong chức vụ này được phê chuẩn, sẽ là quyết định cấm các quan chức ở các địa phương viết thư hoặc điện thoại để yêu cầu các ngân hàng cho những công ty trong địa phương mình vay vốn kinh doanh. (Reuters 7.5, AP 10.5, AFP 20.5, Nhân Dân 21.5.1998)

Thiếu nước cho các nhà máy thủy điện

Tới ngày 20.5, mưa xuống vẫn chưa đủ bù vào mức nước thiếu do hạn hán, các nhà máy thủy điện Hoà Bình và Trị An đều có nguy cơ thiếu nước, buộc phải hoạt động chậm lại. Nhà máy thủy điện Hoà Bình cung cấp hơn 42 % điện dùng cho cả nước. Ngày 19.5, mực nước trong hồ xuống tới mức 81, 56 mét, và tiếp tục xuống mỗi ngày khoảng 30 cm. Nhà máy sẽ phải ngưng hoạt động ở mực nước 75 m, và cho các tuốc bin chạy dưới công suất bình thường khi mực nước xuống dưới 80 m. Ở Trị An, mực nước đầu tháng 5 là 54,6 m, trên mức tối thiểu 4,6 m. Nước từ nguồn chảy vào hồ chứa

của nhà máy chỉ được dưới 60 mét khối / giây, trong khi nhà máy tiêu thụ 100 mét khối / giây.

Công ty Điện Việt Nam (ĐVN) đã bắt đầu hạn chế tiêu thụ điện ở Hà Nội và TPHCM. Những biển quảng cáo dùng điện và cả đèn đường phố đã bị cắt điện. Các doanh nghiệp có máy phát điện riêng (dùng dầu thô) đã nhận được thông tri của ĐVN yêu cầu cho máy chạy trong những giờ cao điểm thay vì dùng điện của lưới. (VNA 14, 20.5, Reuters 19.5.1998)

Bùng nổ đại học : khi số sinh viên tăng lên gấp hơn 5 lần...

Theo những thống kê mới nhất, có 700 ngàn sinh viên hiện đăng ký học ở các trường đại học Việt Nam, gồm 391 ngàn sinh viên theo học hệ tập trung (chính quy) và 309 ngàn sinh viên theo học hệ không tập trung (đào tạo tại chức, bán thời gian, mở rộng, từ xa ...). Riêng số lượng tuyển sinh mới vào đại học năm 1997 đã lên đến 146 ngàn. Hai mươi năm trước đây và trong suốt thập niên từ 1976 đến 1987, tổng số sinh viên ở Việt Nam chỉ vào khoảng trên dưới 125 ngàn người.

Trong khi số lượng người học bùng nổ gần 500%, thì đội ngũ dạy học hầu như giậm chân tại chỗ, từ 20 ngàn giáo viên năm 1987 lên 22 ngàn người năm 1997 : 10 % trong 10 năm. Tỷ lệ sinh viên / giáo viên đã không ngừng tăng : từ 6,25 lên 31,8 trong vòng 10 năm. Hệ thống giáo viên đại học đang ở mức độ quá tải về lượng giờ dạy (một số đông dạy từ 220 đến 480 tiết/học kỳ) cũng như về độ tuổi (bình quân trên 50 tuổi). Trong những điều kiện đó, chất lượng giảng dạy không thể không bị ảnh hưởng, xuống cấp.

Cơ sở vật chất cũng không theo kịp sự bùng nổ của số sinh viên và tốc độ mở những trường mới. Chỉ trong vòng 5 năm trở lại đây, có đến 29 trường đại học và cao đẳng mới đã được thành lập, trong đó có 15 trường đại học dân lập. Hầu hết các trường này đều không có cơ sở vật chất, phải thuê phòng học, mượn phòng thí nghiệm, và tất nhiên không có thư viện riêng. Ở một số trường, sinh viên phải học 3 ca. Như báo Lao Động nhận xét, chất lượng đào tạo nói chung đang xuống cấp nghiêm trọng, trong khi đó quy mô đào tạo vẫn không ngừng tăng.

Về mặt quản lý giáo dục, một cuộc thanh tra ở 34 trường đại học cho thấy trường nào cũng dính “tiêu cực”. Rối loạn nhất là tình trạng trong hệ đào tạo không tập trung, ở đâu vào cũng như đâu ra. Trước tiên, việc mở lớp đào tạo mà không xin phép hoặc vượt chỉ tiêu của bộ giáo dục là hiện tượng phổ biến. Chẳng hạn, như trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội đã liên kết với hàng loạt địa phương để mở 535 lớp với hơn 20 ngàn sinh viên đào tạo tại chức và từ xa, trong đó phân nửa (269 lớp) là không có phép. Hoặc, trường Đại học mở TPHCM, mà học phí thu hàng năm vượt 40 tỷ đồng, đã tuyển sinh quá chỉ tiêu đến hơn 11 ngàn học viên chỉ trong hai năm 1995 và 1996. Ngoài ra, khi kiểm tra xác suất 3 920 hồ sơ sinh viên thì có đến 566 hồ sơ không hợp lệ, thường là thiếu bằng tốt nghiệp phổ thông (các trường dân lập Phương Đông ở Hà Nội, dân lập Hùng Vương ở TPHCM, Kỹ thuật Đà Nẵng...). Thậm chí, có trường công khai cho phép vào học

năm thứ nhất đại học sau đó mới đi thi tú tài (lớp luật ở Đà Nẵng của đại học Luật Hà Nội, lớp quản trị kinh doanh ở Hà Tây của Đại học mở Hà Nội ...). Không rõ người ta còn phải gọi là trường đại học hay chỉ là “ học đại ”.

Đầu vào không hợp lệ, đầu ra còn đáng nghi ngờ hơn nữa. Theo qui định của nhà nước, hiện chỉ có hai loại bằng tốt nghiệp đại học là bằng chính quy và bằng tại chức. Song, việc các trường đánh lộn con đen hệ này sang hệ khác trở nên khá phổ biến. Chẳng hạn như cấp bằng chính quy cho sinh viên hệ tại chức (các trường Khoa học Huế, Sư phạm Quy Nhơn, đại học Mở Hà Nội, dân lập Phương Đông, đại học Văn Hóa ...). Hơn thế nữa, chính bộ giáo dục lại cho phép một số trường “ đào tạo chính quy không tập trung ” (các trường Tổng hợp Hà Nội và TPHCM, Kinh tế TPHCM, Bách khoa Đà Nẵng), “ đào tạo tại chức cấp bằng chính quy ” (các trường Ngoại ngữ Hà Nội, Luật Hà Nội, đại học Đà Lạt). Hậu quả của tình trạng này, như báo Lao Động nhận xét, là khó có thể trả lời câu hỏi : Thực chất những tấm bằng của khoảng 400 ngàn cử nhân đào tạo không tập trung trong thời gian qua là gì ? (Thời báo kinh tế Sài Gòn 9.4 ; Lao Động 24 và 25.4 ; Tuổi Trẻ 28.4.98)

Cam-Bốt phản đối hiệp định biển Việt - Thái

Đáp lời mời của thủ tướng Phan Văn Khải, thủ tướng thứ nhất Cam Bốt, kiêm bộ trưởng ngoại giao Ung Huot sẽ đi thăm chính thức Việt Nam vào hai ngày 1, 2.6 tới. Theo nguồn tin bộ ngoại giao Cam Bốt, chuyến đi có mục tiêu đàm phán với Việt Nam về các vấn đề biên giới và Việt kiều tại Cam Bốt, đặc biệt là về hiệp định biên giới biển mà Việt Nam và Thái Lan đã “ bí mật ” ký kết ngày 9.8.1997 (xem Diễn Đàn số 66, tháng 9.1997). Bộ ngoại giao Cam Bốt đã chính thức gửi công hàm tới hai nước Việt Nam và Thái Lan ngày 7.2 phản đối hiệp định này vi phạm chủ quyền của Cam Bốt. Trong một tuyên bố với báo chí ngày 12.5 vừa qua tại Bangkok, đồng thủ tướng Hun Sen đã nhắc lại quan điểm này, và đòi hiệp định được bãi bỏ, song song với việc tiến hành một cuộc thương thuyết tay ba về vùng biển vịnh Thái Lan. Ông Hun Sen cũng đã thông báo ông sẽ cùng với đồng thủ tướng Ung Huot đi Việt Nam, song mấy ngày sau bộ ngoại giao Cam Bốt cho biết vì bận quá nhiều việc trong những ngày chuẩn bị tuyển cử (vào tháng 7 tới), ông sẽ để ông Ung Huot đi Hà Nội một mình.

Về phía Việt Nam, người phát ngôn bộ ngoại giao đã khẳng định là hiệp định nói trên “ hoàn toàn phù hợp với công pháp quốc tế và với công ước Liên hiệp quốc năm 1982 về Luật Biển ”. Còn bộ ngoại giao Thái Lan thì tuyên bố rằng hiệp định này phù hợp với hiệp định biên giới biển mà Cam Bốt đã ký kết với Việt Nam năm 1982, “ cho nên, nếu muốn thay đổi thì Cam Bốt phải cùng với Việt Nam xem xét lại hiệp định 1982 trước đã ”. (Reuters 7.5, Kyodo 12 và 15.5.1998)

Hà Nội xét xử vụ đua xe gắn máy Đêm Noel

Trong trung tuần tháng 4 vừa qua, 17 thanh niên trong đó có 14 người ở tuổi vị thành niên đã ra trước vành móng ngựa về các tội “ gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành

công vụ và huỷ hoại tài sản nhà nước ” trong vụ đua xe gắn máy đêm Noel 1997 tại Hà Nội. Trong số 17 bị cáo, ngoài 5 người thuộc tốp đua xe, có 12 người trong nhóm hàng trăm khán giả và cổ động viên đã không những ném gạch đá chặn đường xe cảnh sát giao thông, mà còn đập phá một xe ô-tô và đốt cháy một chiếc mô-tô của cảnh sát, rượt đuổi và đánh đập những nhân viên cảnh sát chạy lánh nạn vào nhà dân. Xảy ra tại khu vực đường Kim Mã (quận Ba Đình) đêm 24.12, cuộc hành hung cảnh sát đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, gây thương tích cho hơn 20 nhân viên an ninh.

Toà án đã tuyên phạt từ 15 tháng đến 80 tháng tù giam đối với 15 thanh niên bị cáo (2 người được hưởng án treo), và buộc gia đình của họ bồi thường hơn 100 triệu đồng thiệt hại vật chất và thương tích nhân sự.

Trong khi đó tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau gần một năm vắng bóng, những cuộc đua xe gắn máy lại xuất hiện liên tiếp trong ba tuần đầu tháng 4, vào khoảng 1 - 2 giờ sáng, trên các tuyến đường Điện Biên Phủ, Nguyễn Thị Minh Khai, xa lộ Hà Nội... (Tuổi Trẻ 14 và 18.4 ; Lao Động 18 và 29.4.98)

Các ông Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan bị đả thương

Linh mục Chân Tín và ông Nguyễn Ngọc Lan, đi bằng xe gắn máy trên đường đi dự đám tang ông Bảy Trấn ngày 3.5.1998, đã bị hai tên côn đồ ép và đạp xe đổ. Ông Nguyễn Ngọc Lan bị té nằm bất tỉnh vì bị chấn thương ở đầu. Năm nay ông được 68 tuổi. Linh mục Chân Tín, 78 tuổi, bị thương ở chân và tay. Cả hai đã từng bị bắt và quản thúc trong ba năm 1990-93 vì lên tiếng đòi tự do, dân chủ. Sau khi hết hạn quản thúc, cả hai vẫn thường xuyên bị công an theo dõi. Người ta càng khó lòng tin rằng vụ đả thương này chỉ là một hành động vô cớ của những tên côn đồ không biết hai ông là ai.

Người ta cũng được biết, gần đây ông Nguyễn Thanh Giang ở Hà Nội đã bị công an bắt giữ 4 ngày về tội “ tán phát ” tập thơ mới đây của nhà thơ Bùi Minh Quốc. Ở Đà Lạt, nhà cửa của nhà thơ bị côn đồ đập phá, sách vở bị xé nát và cả những con búp bê làm bằng tay của chị Quốc, nguồn thu nhập của gia đình, cũng bị đâm rách. Mặt khác, gia đình giáo sư Đoàn Viết Hoạt cho biết em ông đã không vào thăm được ông ở nhà tù.

Câu hỏi cần đặt ra là, tất cả những thủ đoạn hăm dọa đả đối với những người chỉ có tội đòi tự do, dân chủ cho đất nước có ý nghĩa gì, giữa khi các ông Lê Khả Phiêu, Phan Văn Khải và toàn bộ những nhà cầm quyền gần đây không ngớt lớn tiếng đòi “ phát huy những nội lực Việt Nam ”, hoan nghênh những ý kiến khác biệt của trí thức ?

Những kẻ khủng bố đường phố ở Hà Nội và TPHCM

Người gây thương tích cho khoảng 20 phụ nữ trên đường phố của Thành phố Hồ Chí Minh từ đầu năm nay đã sa lưới công an ngày 10.4 vừa qua. Đó là một thanh niên 34 tuổi, tên Khuu Nhơn Hoa, làm nghề thợ ép keo. Trong thời gian trước và sau Tết Mậu Dần, cối xe đạp trong các quận 5, 6 và 11,

Hoa đã dùng đinh thép đâm vào ngực các cô gái trẻ đẹp rồi bỏ chạy. Giải thích hàng động của mình, hung thủ nói : “ Tôi thích làm cho con gái đau. Nghe họ kêu « ui da đau quá » là tôi thích ...” !

Tại Hà Nội, cũng vào đầu tháng tư vừa qua, trong những ngày từ 2 đến 9.4, theo thống kê không đầy đủ của hai tờ báo **Lao Động** và **Tuổi Trẻ**, có đến ít nhất 18 người mà hầu hết là trẻ em (từ 2 - 13 tuổi) bị kẻ lạ mặt vô cớ rạch mặt, cổ, tay, lưng ở giữa đường phố những quận trung tâm của thủ đô. Theo những nhân chứng, kẻ sát hại trẻ em là một thanh niên khoảng 20 tuổi lái xe gắn máy : kẹp lưỡi dao lam vào lòng bàn tay, hung thủ khi đến gần các em nhỏ trên đường đi cùng chiều thì vượt nhanh vào mặt em rồi phóng xe biến mất. Hung thủ hành động không vì động cơ trả thù cá nhân hay cướp tài sản, và cũng không nhắm vào trẻ em những gia đình có tên tuổi.

Cho đến cuối thời điểm tháng 4, kẻ sát hại trẻ em vẫn chưa bị phát hiện. Người dân Hà Nội đã phải tự bảo vệ con mình bằng cách đội cho các em những mũ bảo hiểm (giá mũ trên thị trường từ 15 000 đồng đã vọt lên 120 000 đ/chiếc trong ngày 8.4). Để chắc hơn, có những gia đình đưa con đến

trường trong một chiếc rọ lớn úp từ đầu tới mông... Ngoài ra, trong tình hình hoang mang này, vô số người bị tố giác oan và áp giải đến đồn công an ; thậm chí, một số không ít thanh niên vô tội (chỉ ít là 5 trường hợp theo sự ghi nhận của riêng báo **Lao Động**) đã bị đồn oan – đôi khi là những trận đòn hội chợ – ngay giữa đường phố thủ đô.

Điều đáng chú ý là đến ngày 7.4 (tức là 5 ngày sau khi kẻ rạch mặt ra tay), giám đốc sở công an Hà Nội, thiếu tướng Phạm Chuyên, mới họp báo và đưa ra một số thông tin cho người dân thủ đô. Trước đó, báo chí chỉ đưa tin dựa trên những nguồn từ các phòng cấp cứu bệnh viện. Song, từ ngày 9.4, bệnh viện cũng “ không được cung cấp thông tin cho báo chí ”, và như báo **Lao Động** nhận định : “ đây không phải là biện pháp tốt để ngăn chặn rạch mặt, càng không phải là biện pháp trấn an dư luận ”. Dù sao thì sau ngày 11.4, hiện tượng rạch mặt bỗng nhiên biến mất, chỉ ít trên mặt báo... (**Lao Động** 6, 8, 10 và 11.4 ; **Tuổi Trẻ** 7 và 9.4.98)

Lừa đảo trong tuyển dụng xuất khẩu lao động

Lợi dụng vào tâm lý của những người dân lao động mong được “ đổi đời ”, một vụ lừa đảo lớn đã được tổ chức ở 16

Độc báo trong nước

Cải cách đại học : có nên liên tục thử nghiệm trên đầu sinh viên ?

LTS : Bộ trưởng giáo dục - đào tạo Nguyễn Minh Hiền đã thông báo quyết định chính thức bỏ chế độ đào tạo hai giai đoạn ở bậc đại học – giai đoạn đại cương và giai đoạn chuyên ngành –, chấm dứt những kỳ thi chuyển giai đoạn và quy chế đại học đại cương. Như vậy, sau 10 năm thực hiện, mô hình “ đổi mới ” đại học Việt Nam được những người lãnh đạo giáo dục xem là một cuộc thử nghiệm bất thành. Manh nha từ những năm 1970, xuất hiện chính thức tại đại hội lần thứ VI của đảng cộng sản (1986), chủ trương cải cách giáo dục đại học theo qui trình đào tạo hai giai đoạn được xác lập năm 1987, rồi đưa vào thí điểm và thể chế hóa năm 1990. Từ bỏ mô hình phân tán và khép kín của đại học Liên Xô, công cuộc cải cách đại học đã từng được giới thiệu như là một xu thế tất yếu để đất nước phát triển và hội nhập vào thế giới, đáp ứng 3 yêu cầu chính là : tiêu chuẩn hóa và nâng cao mặt bằng kiến thức cơ bản ; đại chúng hoá và mở rộng đầu vào đại học ; giúp người học thêm cơ hội chọn lựa ngành nghề cho phù hợp với năng lực cá nhân và nhu cầu xã hội.

Tại hội nghị giáo dục đại học, họp ở Hà Nội ngày 11.4, giải thích quyết định chấm dứt chế độ đào tạo theo hai giai đoạn, tân bộ trưởng giáo dục nói : “ Chúng ta phải tự xây dựng mô hình đại học cho chính mình. Vừa làm, vừa học và điều chỉnh, cho nên nhiều chủ trương đưa ra rất tốt nhưng không phù hợp, không như mong muốn, và chúng ta phải trả

giá cho sự non nớt yếu kém đó ”. Song, ông Hiền không cho biết chủ trương thay thế của bộ, buộc người ta không thể không nêu lên câu hỏi : “ Mười năm trước theo mô hình đại học Liên Xô, mười năm sau theo mô hình Âu - Mỹ, còn mười năm tới ? ” (**Tuổi Trẻ chủ nhật** 12.4.98). Chúng tôi ghi lại dưới đây một số phản ứng của dư luận sinh viên và giáo viên trên các báo **Tuổi Trẻ** (ngày 16.4.98) và **Lao Động** (13 và 17.4.98).

Ai phải trả giá ?

“ Chúng ta phải trả giá cho sự non nớt yếu kém ”. Vị bộ trưởng mới của bộ giáo dục - đào tạo đã nói một câu ẩn tượng như vậy về cuộc thử nghiệm mô hình đại học hai giai đoạn kéo dài gần 5 năm qua.

Phải chăng cuộc thử nghiệm đó đã thất bại, nên lãnh đạo bộ phải đặt một dấu chấm hết ? Không hẳn như vậy. Cuộc tranh luận vẫn đang diễn ra gay gắt. Nhiều vị lãnh đạo các trường đại học cho rằng đó là một sai lầm, và điều gì đến phải đến. Nhiều vị khác lại coi phán quyết của bộ là một cái gì đó quá vội vã, tín hiệu đổi mới bị dập tắt, gây sốc – giống như “ cái chết bất ngờ ” trong bóng đá.

Đào tạo con người, huấn luyện một thể hệ không phải là cuộc chơi bóng đá. Đáng buồn thay, đôi khi là vậy.

Và giới sinh viên – những người được coi là “ nhân vật trung tâm ” trong trường đại học – đón nhận tin này với tâm trạng ra sao ? Những cú điện thoại đầu tiên gọi về **Tuổi Trẻ** cho biết họ “ thở phào nhẹ nhõm ”, vì không còn phải căng thẳng đối phó với “ cửa ải ” chuyển giai đoạn. Nhưng sau cái thở phào nhẹ nhõm đó, giới sinh viên đang tự hỏi : chuyện gì sẽ đến với họ trên giảng đường ngày mai ? Không có ai có thể trả lời rõ ràng cho câu hỏi đó, bởi khi xóa đi một mô hình, người ta vẫn chưa thiết kế ra được cái mới thay thế !

“ Chúng ta đổi mới một vòng rồi... quay lại như cũ ! ”, “ thay đổi xoành xoạch ”, “ trường đại học không phải là

tỉnh, thành, làm 500 người bị hại, mất hơn 400 ngàn đôla.

Hai thủ phạm chính, tên Nguyễn Mạnh Tuyển và Thân Văn Bện, tự xưng là chủ nhiệm “ Trung tâm xúc tiến việc làm tại nước ngoài ” của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Sáng và chuyên viên cao cấp “ Cục Hợp tác Lao động quốc tế ”. Phi vụ của Tuyển và Bện diễn ra từ tháng 6.1997, với một kịch bản khá ly kỳ. Nhân danh “ Trung tâm ”, Tuyển về các thôn xã phát hồ sơ, công bố tiêu chuẩn tuyển dụng lao động đi Hàn Quốc, công bố cả “ điều kiện và nghĩa vụ, quyền lợi của người đi xuất khẩu lao động ” ! Người được tuyển phải đóng 4.500USD, đợt đầu thu 2.000USD, đợt sau thu nốt số còn lại. Nhiều người quá phấn khởi bán cả trâu, bò, ruộng, vườn..., có người thế chấp nhà ở cho ngân hàng để vay tiền cho đủ 2.000USD nộp trước cho ông “ chủ nhiệm Trung tâm ”. Khi nhận tiền, ông chủ nhiệm viết giấy biên nhận dâng hoàng. Chỉ ít ngày sau, số người đăng ký, nộp tiền đợt 1 đã được “ Trung tâm ” “ gọi ” lên Hà Nội để khám sức khỏe và học tiếng Hàn Quốc. Họ được đưa vào Bệnh viện Bạch Mai để khám sức khỏe hẳn hoi. Lệ phí của việc khám sức khỏe mỗi người phải nộp cho “ Trung tâm ” mất đứt 500 nghìn đồng. Sau đó lại được đưa về một nơi khác ở phường

Bưởi (quận Tây Hồ, HN) để học tiếng Hàn Quốc. Công việc được tiến hành khá nhanh. Mọi thủ tục hoàn tất và tất nhiên, số tiền 2.500USD còn lại cũng được giao nốt cho chủ nhiệm Tuyển. Ít lâu sau, nhận được giấy báo lên đường sang Hàn Quốc, họ lại khẩn gói lên Hà Nội và được Tuyển bố trí cho nghỉ tại khách sạn 40A Trường Chinh. Chờ 3 ngày đêm bỗng dùng một cái, họ nhận được thông báo hoãn chuyến đi... Hỏi ra mới biết không có “ Trung tâm xúc tiến việc làm ” nào ở công ty Sao Sáng cả !

Tuyển bị bắt vào ngày 3.4.1998, khai thu được 84 000USD trong phi vụ này. Tuyển nhận về phần mình 25 000USD, một phần chia cho các môi giới, còn lại 50 000USD đã chuyển cho một “ chuyên viên cao cấp ” của Cục Hợp tác lao động quốc tế có tên là Thân Văn Bện. Ngày 10.4.1998, Bện bị bắt ở Hà Nội, với khoảng 3kg giấy tờ có liên quan đến việc lừa đảo : danh sách hơn 500 người bị hại ở 16 tỉnh, thành từ Bắc vào Nam, chứng minh thư, hộ chiếu quá hạn... Tính ra, trong số hơn 500 người bị hại, Bện đã lừa đảo, chiếm đoạt của họ tới hơn 400 000USD. Vụ án vẫn đang tiếp tục được cơ quan điều tra xác minh, làm rõ và truy bắt các đối tượng còn lại. (tin trên mạng Viet-Khsv 5.5.1998)

một phòng thí nghiệm vĩ đại ”... Những lời bức xúc đó không chỉ vang lên trong các phòng họp của các nhà quản lý giáo dục, mà đang trở thành tâm trạng của hàng triệu sinh viên và phụ huynh.

Xã hội không chấp nhận điều đó !

Sự non nớt yếu kém, theo lời ông bộ trưởng, đang được trả giá ! Nhưng ai phải trả giá đây : bộ giáo dục - đào tạo, những nhà nghiên cứu chiến lược và thiết kế mô hình, lãnh đạo các trường đại học, hàng triệu sinh viên và phụ huynh... ? Hay chính tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ phải trả giá, khi cuộc “ khủng hoảng mô hình ” đang bắt đầu diễn ra ở chính nơi tạo nguồn nhân lực ?

Và xin được nhấn mạnh : nếu hành trình đổi mới đại học 5 năm qua đáng phải trả giá, thì ngày mai biết đâu “ chúng ta ” lại sẽ tiếp tục trả giá do những phán quyết ngày hôm nay. Lúc đó, điệp khúc đau buồn lại vang lên : “ *Chúng ta phải trả giá cho sự non nớt yếu kém* ”.

Xã hội không chấp nhận điều đó !

Thay lời kết : Ông bộ trưởng bộ giáo dục - đào tạo hiện nay đồng thời cũng là chủ tịch Liên đoàn cờ Việt Nam. “ Ván cờ đại học Việt Nam ” đang đặt trên bàn làm việc của ông. Hơn ai hết, ông biết mình phải đi như thế nào. Như thế nào, để không trả giá ” ?

Bùi Thanh

Kiên trì bảo vệ cái đúng...

Quy trình đào tạo hai giai đoạn là xu thế chung của đổi mới đại học. Trong quá trình thực hiện có mâu thuẫn thì cần điều chỉnh cho thích hợp hơn. Thực tế, với quy trình đào tạo này ta đã thu được những kết quả nhất định như khuyến khích sinh viên cố gắng học tập nhiều hơn, việc liên thông cũng đã khởi động. Vậy thì tại sao không thừa nhận hai giai

đoạn, khi mà vẫn thừa nhận hai khối kiến thức cơ bản và chuyên ngành ?

Chúng ta đang thực hiện dân chủ trong giảng đường, thì quy trình hai giai đoạn với học chế tín chỉ là cơ hội cho việc chọn trường, chọn thầy tốt hơn. Trong khi thực hiện cái mới, tôi cũng day dứt lắm trước ý kiến này nọ của người ngoài cuộc, những ai không hiểu thì phê rất to. Nhưng tôi nghĩ, phải có bản lĩnh, thậm chí cả lòng dũng cảm để kiên trì bảo vệ cái mới, cái đúng.

Đào Công Tiến (phó giám đốc Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Một mô hình phù hợp cho một xã hội đã phân hóa

Đại học dân lập Thăng Long là trường thực hiện thành công mô hình cải cách đào tạo hai giai đoạn. Các sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 1 đã thực hiện tốt việc liên thông không chỉ giữa các trường đại học trong nước mà cả với một số trường đại học ở Pháp và Mỹ mà trường có đặt quan hệ. Nhiều sinh viên của trường đã vào được giai đoạn 2 của Trường đại học ngoại thương và các trường nước ngoài.

Hiện nay xã hội đã phân hóa đến mức có những gia đình không đủ tiền cho con theo học đại học trong nước, trong khi đó có những gia đình có tiền cho con học ở nước ngoài với chi phí đến 10 000 đô la một năm. Rất nhiều sinh viên nghèo chỉ đủ tiền theo học hai năm giai đoạn 1 ở trường Thăng Long. Sau đó, với kiến thức ngoại ngữ và tin học được đào tạo sâu của trường, các sinh viên này đi làm kiếm tiền sau hai, ba năm quay trở lại trường để làm nốt bằng đại học. Mô hình đào tạo này có lợi cho học sinh nông thôn không có điều kiện và kinh phí để luyện thi đại học cũng như theo học 5 năm đại học.

Hoàng Xuân Sinh (hiệu trưởng trường đại học dân lập Thăng Long)

Những người đã khuất

Nguyễn Cơ Thạch

(1923-1998)

Cựu ngoại trưởng Việt Nam đã từ trần ngày 10.4 tại Hà Nội, mấy tháng sau khi sang mổ tim tại Pháp. Nhà ngoại giao lỗi lạc nhất của Việt Nam trong mấy chục năm qua, ông đã chủ trương rút quân sớm khỏi Campuchia, mở cửa đối với các nước phương Tây. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN (1993) cũng như việc bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ (1995)... là kết quả của chủ trương này. Kết quả hơi muộn màng, vì trước đó, năm 1991, ông đã phải rút khỏi Bộ chính trị (mà ông trở thành uỷ viên chính thức từ năm 1986) và chức vụ phó thủ tướng kiêm ngoại trưởng.

Nhiều nhà quan sát phương Tây cho rằng việc này là do áp lực của Bắc Kinh. Điều chắc chắn là con người và đường lối của Nguyễn Cơ Thạch không hợp với khẩu vị của chính quyền Trung Quốc. Chắc chắn hơn nữa là : cá tính Nguyễn Cơ Thạch tương phản với sự xám xịt của tập thể bộ chính trị 86-91, tầm nhìn của ông không những về tình hình thế giới mà cả về những vấn đề kinh tế quốc gia đã vượt hẳn nhãn quan của các đồng sự. Hai yếu tố này dẫn tới sự loại trừ ông Thạch khi đa số bộ chính trị, bị rúng động trước sự sụp đổ của Liên Xô, tìm cách làm hoà với Bắc Kinh, và một thiếu số (đứng đầu là tướng Lê Đức Anh) còn muốn đi xa hơn : liên minh với Trung Quốc.

Một Việt kiều đến thăm Nguyễn Cơ Thạch sau khi ông về hưu. Trong cuộc nói chuyện, có “ bảo vệ ” ngồi ở phòng bên cạnh, ông Thạch chìa cổ tay, chỉ vào cái đồng hồ và nói : “ Khi tôi nghỉ hưu, người ta tặng tôi cái đồng hồ này ”. Anh bạn Việt kiều của tôi hiểu rằng cái đồng hồ đó không chỉ có chức năng là chỉ giờ giấc. Anh hiểu đúng, hay trong cái không khí lúc ấy của Hà Nội, bạn tôi đã lây bệnh đa nghi ? Người có thể trả lời dứt khoát câu hỏi ấy, nay không còn nữa. Không chừng, còn sống, nếu có ai đặt câu hỏi, chắc ông sẽ chỉ cả cười, đôi mắt loé lên một ánh sáng hóm hỉnh.

Nguyễn Văn Linh

(1915-1998)

Cựu tổng bí thư ĐCSVN đã từ trần sáng ngày 27.4, bốn tháng sau khi ông chính thức không còn là “ cố vấn ban chấp hành trung ương ”. Ở cương vị cố vấn, người ta sẽ ghi nhớ những lời phát biểu chống tham nhũng của ông. Những lời nói hằn học này dường như không nhắm vào quốc nạn tham nhũng, mà chủ yếu là vào ông Võ Văn Kiệt : ít ai hiểu vì sao, nhưng người ta biết rằng đã từ lâu (từ thời Trung ương cục R), “ anh Mười Cúc ” vốn không ưa “ anh Sáu Dân ”.

Sáng giá hơn những năm cuối đời là thời kỳ ông Nguyễn Văn Linh được cử làm tổng bí thư ĐCS (1986-91). Tên tuổi ông sẽ gắn liền với cuộc “ đổi mới ” mặc dầu ông không phải

là người chủ xướng, và mặc dầu chính ông là người tích cực “ hãm phanh ” ngay từ mùa hè 1989, sau các biến cố ở Đông Đức, Ba Lan và Bắc Kinh.

Cuộc đời hoạt động của ông khá tiêu biểu cho cả một thế hệ chiến sĩ cộng sản Việt Nam : tham gia phong trào cách mạng giải phóng từ tuổi học trò (năm 14 tuổi : người đưa ông vào đảng cộng sản, không ai khác, chính là ông Vũ Đình Huỳnh, một tên tuổi trong “ nhóm xét lại chống Đảng ” thập niên 60), tù đầy, hoạt động bí mật, chiến tranh... liên tiếp gần nửa thế kỷ. Không thể nói đó là sự tập dượt tối ưu cho một nhà lãnh tụ quốc gia của thời kỳ hoà bình, nhất là ở cao điểm của một cuộc khủng hoảng quốc tế và quốc gia đa diện và phức tạp. Cũng cần nói thêm : việc cử ông Linh vào cương vị tổng bí thư (tháng 12.86) là một giải pháp thoả hiệp (ông Lê Đức Thọ chịu rút lui, với điều kiện kéo theo cả ông Trường Chinh), ông Linh không đại diện cho một xu thế dứt khoát đổi mới, và xu thế này chưa hề trở thành một lực lượng tổ chức trong hàng ngũ ĐCS.

Archimedes L.A. Patti

(1911-1998).

Cùng ngày 27.4, sau ông Linh mười mấy giờ, ở bên kia trái đất, cựu đại tá Patti từ trần. Đúng 53 năm về trước, một ngày cuối tháng 4.1945, tại một quán trà Tĩnh Tây (miền Nam Trung Quốc), thiếu tá Archimedes L. A. Patti, phụ trách khu vực Đông Dương của cơ quan OSS, đã gặp một “ Mr. Ho ”. Trái với huyền thoại theo đó Mỹ “ ngậy thơ bị lừa ”, OSS và Patti biết khá rõ quá khứ và căn cước chính trị cộng sản của Hồ Chí Minh. Sự hợp tác giữa OSS và Việt Minh năm 45 là kết quả tất yếu của tương quan lực lượng quốc gia và quốc tế lúc đó : trong nước, Việt Minh là tổ chức duy nhất có tầm nhìn và tầm cỡ ; ngoài nước, do thái độ của chính quyền Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch. Sự yếu mệnh của sự hợp tác cũng là tất yếu, một khi Truman lên làm tổng thống (thực ra, sự thay đổi đã bắt đầu lúc sinh thời Roosevelt, với những mâu thuẫn trong nội bộ Nhà Trắng và Bộ ngoại giao). Tối 30.9.45 tại Bắc Bộ phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đãi cơm tiễn biệt Patti. Về Mỹ, cùng với nhóm OSS thân Việt Nam, Patti phải giữ im lặng, nhất là trong thời kỳ McCarthy. Phải đợi đến năm 1980, 9 năm sau khi về hưu, ông mới xuất bản cuốn hồi ký rất có giá trị : *Why Viet Nam ? Prelude to America's Albatross* (University of California Press, Berkeley). Năm 1995, cuốn này đã được dịch và xuất bản tại Việt Nam. Chữ *Albatross*, nghĩa đen là chim hải âu lớn, nghĩa bóng, theo từ điển Webster, chỉ cái gì sinh ra đốn đầu. Tác giả muốn kể lại trang sử 1945 để giải thích nguồn cơn tấn thảm kịch Việt Nam sau này của nước Mỹ. Tựa đề bản dịch tiếng Việt : *Tại sao Việt Nam ? Bản đạo đầu cho con hải âu của Hoa Kỳ*. Cũng đáng âu lo thật.

Nguyễn Văn Trấn

(1914-1998)

Ông Bảy Trấn, tác giả *Chợ Đệm quê tôi* và *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội*, đã chọn ngày Lao động quốc tế (1.5) để tạ thế. Ông tham gia cách mạng từ thập niên 40. Tháng 8.45,

(xem tiếp trang 16)

Nội lực (tiếp theo trang 1)

Nội lực, vẫn theo lời tổng bí thư trong cuộc họp báo đã dẫn, “ bao hàm nhiều nội dung như trí tuệ, sức lao động của con người Việt Nam, tài nguyên đất nước, vốn liếng của nhân dân...v.v... ”. Ông Phan Văn Khải thì nhấn mạnh rằng “ Trong các nguồn nội lực đang có nhiều tiềm năng chưa được phát huy, thì cái đáng chú ý nhất là trí tuệ và tinh thần dân tộc của nhân dân ta, đặc biệt là của đội ngũ trí thức và các nhà kinh doanh ”.

Ông Phiêu không nói cụ thể cần làm những gì để phát huy các nội dung ấy. Chỉ nhắc lại cái ý “ phát huy nội lực không hề có nghĩa là kiểm chế sự hợp tác quốc tế và đầu tư nước ngoài, mà chính là để thúc đẩy hợp tác quốc tế ”. Chắc hẳn ông cũng đã nói ở nơi khác, nhưng người viết bài này chưa được đọc ? Còn theo ông Khải, “ chúng ta có thể tìm được lời giải đối với bất kỳ vấn đề gì, dù khó khăn phức tạp đến mấy đi nữa, nếu chúng ta phát huy được trí tuệ của toàn dân tộc, trước hết là của đội ngũ trí thức nước nhà, tạo được một bầu không khí và một phong cách đối thoại dân chủ, thẳng thắn ”. Trường hợp bài trần tình của tướng Trần Độ cho tới nay vẫn thuộc diện những đồ “ quốc cấm ”, không hề được các báo, đài trong nước đưa ra công khai với những tranh biện nghiêm túc đúng, sai, khiến người ta khó có thể đánh giá rằng “ bầu không khí và phong cách đối thoại dân chủ, thẳng thắn ” đó đã được thực hiện dù chỉ là một bước nhỏ nhoi ban đầu. Xin mở ngoặc để nói ngay, bản thân người viết bài này, dù có chỗ không tán thành ý kiến của ông Trần Độ, sẽ không công khai tranh luận về những ý đó khi cuộc thảo luận chưa được mở ra công khai, nghiêm túc giữa nhà cầm quyền với những trí thức như ông. Cái chiến dịch “ tổng công kích ” ông trên báo chí dĩ nhiên không thể được coi như một cái gì nghiêm túc. Đóng ngoặc.

Tuy nhiên, nếu chỉ bàn về nội dung “ trí tuệ ” trong khái niệm nội lực, người ta phải thừa nhận rằng ông Khải đã nêu lên một điều kiện cần, nếu không nói là tối cần, để phát huy được nội dung ấy. Cần, nhưng chưa đủ, tất nhiên, vì kể cả khi đã có thiện chí, nhiệt tình, hiệu quả của công việc còn tùy thuộc bao nhiêu điều kiện khác : tổ chức, phương tiện vật chất v.v... Nhưng là tối cần thiết, vì hiển nhiên chính những người trong cuộc sẽ góp phần quan trọng vào việc nghĩ ra những hình thức tổ chức phù hợp cho công việc của mình, nghĩ ra trăm phương ngàn kế để có được, trong hoàn cảnh chung, những phương tiện làm việc ngày càng tốt hơn... nếu họ thiết tha với công việc ấy. Vậy vấn đề là làm sao, làm gì để thực hiện được cái “ bầu không khí và phong cách đối thoại dân chủ, thẳng thắn ” đó ? Và rộng hơn, để tạo ra được những điều kiện tốt cho sự huy động đội ngũ trí thức (bao gồm cả trí thức trong kinh doanh) ? Những gì là chướng ngại, ách tắc hiện nay và làm cách nào vượt qua chúng ?

Những câu hỏi đã từng được đặt ra, và nhiều người đã đưa ra những câu trả lời sáng giá. Đề nghị “ việc cần làm ngay ” thứ nhất trong bài viết của ông Trần Độ, “ Ban hành một chế độ, một bộ luật về tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và do đó tất yếu phải là tự do báo chí, tự do xuất bản ”, là một ví dụ. Thực thi đề nghị này, như ông Độ nhấn mạnh, rất “ đơn

giản ”, hợp với Hiến pháp Việt Nam. Nó cho phép tiếng nói thực sự của nhân dân, đặc biệt của các tầng lớp trí thức, góp phần hiệu quả vào việc giám sát, ngăn chặn nạn tham nhũng và các tiêu cực khác v.v... Đó hẳn nhiên chỉ là một trong những tác dụng có thể phát huy của giới trí thức. Tác dụng khác, cũng cần tự do báo chí và ngôn luận không kém, là việc thảo luận, đề ra những giải pháp khắc phục những khó khăn kinh tế, xã hội, những phương hướng xây dựng nền giáo dục, học thuật về mọi mặt. Điều khó chối cãi là tình trạng xuống cấp của học giới Việt Nam, những trang sách, báo mang danh đảng với trình độ đáng xấu hổ, với giọng luôi đoi trực tiếp của sự độc quyền tư tưởng. Về một khía cạnh khác, một thống kê mới đây cho thấy tuổi trung bình của những tiến sĩ Việt Nam lên tới 57, và chỉ có 3 % những nhà khoa học là dưới 35 tuổi. Sự hụt hẫng cả một thế hệ trí thức đầu đàn đó nói lên điều gì, nếu không là sự sợ hãi hoặc chán chường không muốn dấn thân vào lĩnh vực khoa học ? Một lĩnh vực đòi hỏi tự do rất lớn trong khi sự kiểm soát của đảng lại rất chặt chẽ, và mọi suy nghĩ lạ, thậm chí chỉ là khác biệt với một bộ phận của đảng, đều có thể mang lại tai ương cho bản thân và cả cho gia đình, thân thuộc của những người có các ý nghĩ “ sai trái ” đó.

Tôi biết, nhiều người chống cộng vô điều kiện sẽ không ngần ngại phán quyết : ngăn cấm tự do tư tưởng, tự do ngôn luận là bản chất của cộng sản, bản cái làm gì. Nếu đã bằng lòng với nhận định chắc nịch đó, chắc khó đi xa hơn !

Song, có thực rằng trong thâm tâm những nhà lãnh đạo đảng cộng sản, sự độc quyền tư tưởng, độc quyền báo chí, xuất bản là những niềm xác tín không thể vượt qua ? Có phải các ông Phiêu, Khải chỉ nghĩ đến phát huy trí tuệ của những trí thức “ của đảng ”, nghĩa là, chỉ một bộ phận rất nhỏ trong tiềm năng trí tuệ của dân tộc ? Như người đánh võ chấp nhận một cuộc đấu với phần lớn kinh mạch mình bị điểm huyệt mà không cần và không muốn giải vì coi đó không phải là những bộ phận của thân thể mình mà là của kẻ thù ?

Hiển nhiên, có điều gì không ổn trong nỗi sợ vô căn cứ đó. Và tất nhiên, chen với sợ là nỗi căm thù. Không nhất thiết là nỗi sợ và lòng căm thù của chính các ông, nhưng của quá nhiều người trong hàng ngũ của đảng, khiến sự giải toả không dễ dàng. Quá khứ dè nặng lên hiện tại. Song phải chăng, bước đầu không thể thiếu của việc phát huy cái nội dung “ trí tuệ ” trong nội lực của dân tộc chính là bước vượt qua nỗi sợ và căm thù đó, để mở ra cái không gian tự do cần thiết, cái “ bầu không khí và phong cách đối thoại dân chủ, thẳng thắn ” mà thủ tướng Phan Văn Khải đã nêu ?

Quá khứ dè nặng lên hiện tại. Nhưng điều này cũng đúng ở nhiều nơi khác. Nhiều dân tộc khác từng trải qua quá khứ nặng nề đó đã vượt qua được. Những ngày cuối tháng 5 năm này, nhân dân Ireland đang đi bước đầu tiến vào một kỷ nguyên mới, hoá giải dần những kinh huyệt bị điểm tê liệt từ lâu để phát huy nội lực của mình.

Bản lĩnh vượt qua quá khứ ấy, có phải hoàn toàn ra ngoài tầm tay của dân tộc (và các nhà lãnh đạo) Việt Nam ?

Hoà Vân

đọc báo trong nước

Long Vương trong làng báo Sài Gòn

LTS. Vừa qua, chính quyền thành phố đã cách chức Hà Phi Long, tổng biên tập báo Công An Thành Phố. CATP, như mọi người đều biết, là tờ báo in nhiều và ăn khách nhất nước nhờ những tin cướp của giết người, tội ác tính dục... Nhờ thế lực kinh tế của tờ báo, Hà Phi Long đã mua tên tuổi của khá nhiều văn nghệ sĩ, mở ra nhiều cuộc đấu đá tư tưởng, gây ra khá nhiều ô nhiễm tinh thần trong mấy năm qua. Tuy nhiên, sự cách chức Hà Phi Long hoàn toàn không dính tới khía cạnh trên. Bài báo dưới đây (đăng lại từ Tuổi trẻ cười) cũng không đề cập tới điều này.

Rồng vốn là biểu tượng của sự vươn lên. (...) Có lẽ mong muốn con mình sau này làm nên sự nghiệp lớn nên cha mẹ hẳn đã đặt cho hẳn cái tên rất đẹp : Rồng Bay, nhưng chuyện đời đâu phải giản đơn. Đâu phải cứ mang tên thanh cao thì tự khắc con người trở nên thanh cao. Đâu phải mang tên Rồng thì tự nhiên trở thành vua. Thời đại “ nhân bản ” này rồng cũng có lắm loại, có loại rồng bay lượn trên không và cũng có loại rồng lượn... dưới sinh. Oái oăm thay, trong thời buổi kinh tế thị trường hỗn mang này lại có trường hợp lươn, chạch dưới sinh ngoi lên xưng rồng, và được cất nhắc làm Long Vương.

Khi Rồng xưng Vương

Vốn không phải là nhà báo, lại ít học, chỉ chuyên lo chạy giấy in cho một tờ báo, dần dần trở thành người phụ trách trị sự tờ báo. Rồi do một hoàn cảnh éo le bất ngờ là người tổng biên tập tài hoa của báo này qua đời đột ngột, hẳn được cấp trên bổ nhiệm vội vã vào chức quyền tổng biên tập tờ báo chuyên án – chuyên đăng vụ án – lớn này.

Trúng đã giao cho ác.

Hắn bắt đầu xưng vương và sống như lãnh chúa. Từ đây, ta hãy gọi hẳn là Long Vương.

Trước hết, Long Vương tự đặt ra lương của chính mình, mỗi tháng trên 30 triệu đồng, có tháng lên đến 42, 43 triệu đồng. Thí dụ thu nhập tháng 1.1995 của Long Vương là 30 963 614 đồng, bao gồm các khoản nhuận bút làm báo (14 triệu), thưởng tuần (550 ngàn), thưởng tháng (2 triệu), thưởng lễ (3 triệu), chế độ trách nhiệm (1 413 614 đ). Tương tự, thu nhập tháng 4.1995 của Long Vương là 42 triệu, tháng 2.1996 là hơn 45 triệu. Long Vương còn đặt ra cái gọi là “ tiền xây dựng đề cương ”, tiền “ chỉ đạo ” và tiền “ duyệt bài ” để tự thưởng cho mình và hiểu hỉ lobby những người có trách nhiệm với các khoản cộng dồn lên đến 400 triệu đồng cho bản thân của Long Vương. Giám đốc cũ của đơn vị chủ quản được hơn 130 triệu đ. trong các năm 1991-1996 gọi là “ chỉ đạo duyệt báo ”. Số tiền này do một kế toán ký nhận tại thủ quỹ, cho vào phong bì dán kín và giao tận tay người nhận.

Ngoài việc tự chi, tự thưởng, Long Vương còn tự thanh lý tài sản cơ quan mình như một trò ảo thuật, làm thiệt hại nghiêm trọng tài sản cho nhà nước. Có thể dẫn chứng trường hợp biệt thự trên đường Trần Kế Xương, phường 7, Phú Nhuận. Biệt thự này được cơ quan báo mua tháng 10.1992 với giá

1 147 880 000 đ. Năm 1994, báo định bán và có công văn đề nghị Hội đồng Giám Định Giá và Bán nhà xưởng thuộc sở hữu nhà nước tại thành phố xác định giá. Hội đồng cho giá là 1 tỷ 705 triệu 84 ngàn đ. Ngày 12.3.1996, một cuộc họp “ cấp ủy mở rộng ” được triển khai vội vã tại báo, và quyết định bán biệt thự này với giá “ phá huê ” là 1 147 880 000 đ. Người được mua không ai khác hơn là Long Vương, tổng biên tập kiêm bí thư chi bộ. Về mặt pháp lý, ai cũng biết là “ cấp ủy đảng mở rộng ” của báo không có chức năng, nhiệm vụ và không có đủ thẩm quyền quyết định bán nhà của báo cho thủ trưởng. Để đối phó với pháp luật, Long Vương ủy quyền cho NTH làm hàng loạt văn bản, kể cả công chứng bán nhà cho... vợ Long Vương với giá của Hội đồng Giám Định Giá (...). Thế nhưng, bà vợ của Long Vương chỉ trả cho báo giá “ phá huê ” nói trên (phiếu thu số 362 ngày 15.4.1996). Thiệt hại cho báo trong trò mèo này của Long Vương “ chỉ có ” 557 triệu đ. Thủ tục chưa hoàn tất thì Long Vương đã cấp tốc đập phá biệt thự này để xây nhà cao tầng.

Cả họ được nhờ

Không chỉ vun vén cho bản thân từ việc khai thác tối đa bầu sữa ngân quỹ cơ quan, Long Vương còn vung vãi tiền nhà nước để làm lợi cho bà con đồng tộc.

Trong báo cáo do báo này lập thì báo đã giải quyết 114 trường hợp cho vay tiền... để lấy lãi, với tổng số tiền cho vay lên đến 16,6 tỷ đ. Trong đó có trường hợp không thu hồi được do người vay bỏ trốn hoặc phải giảm nợ vì phía mượn than “ khó khăn ”. Theo quy định của ngành ký ngày 15.9.1990, không được sử dụng công quỹ (kể cả ngân sách và vốn tự có) để gửi tiết kiệm hoặc cho vay lấy lãi dưới mọi hình thức, thế nhưng Long Vương bất chấp. Không có gì khó hiểu, những con nợ lớn đều là đồng tộc hoặc người thân cận của Long Vương. Cơ sở Long Phú do em Long Vương đứng tên được vay 445 triệu, sau đó được duyệt giảm 43 triệu. Công ty Trà My (của ai ? bài báo không nêu rõ. – người đánh máy) được duyệt vay 3 tỷ 175 triệu.

Thủ tục cho vay ở đây thuộc loại “ thoáng ” nhất, chỉ cần một đơn viết tay, không tài sản thế chấp và cũng không có cơ sở pháp lý ràng buộc.

Ồn “ mưa móc ” của Long Vương tất nhiên không thể chỉ dừng lại trong họ hàng của mình. Ngay tại cơ quan, Long Vương xây dựng một hệ thống bè cánh khá vững chắc nắm các khâu quan trọng, quyết định vận mệnh tờ báo như nội dung, hành chính - trị sự, thủ quỹ... và cũng ban cho những người này lương thưởng ít nhất cũng 14 triệu đ/tháng.

Tương truyền, đối với cấp trên, Long Vương chơi rất đẹp. Không chỉ là “ con số ” mà còn ở thái độ. Long Vương sẵn sàng khom người xuống đo “ ni ” giầy các anh, các chú, các bác, đề xuất xuống giầy của cơ quan tặng một đôi cho vừa vặn, không đau chân. Số tiền gọi là “ chỉ đạo duyệt báo ”, “ chỉ đạo duyệt bài ” như đã nêu ở trên cũng không có gì khó hiểu.

Đối với việc đời nhân

Long Vương thường xuyên tuyên bố câu này như một nguyên tắc, có điều Long Vương thực hiện nguyên tắc này theo kiểu riêng, thâm nho cách mấy cũng không hiểu nổi.

Anh NTT nhân viên văn phòng, đã phải khóc tâm sự với nhiều đồng nghiệp trong báo rằng vì cuộc sống, miếng cơm manh áo, nên phải cam chịu. NTT đã bị Long Vương ba lần đánh vào

đầu chỉ vì NTT chậm nghe điện thoại và chậm làm khi Long Vương sai khiến. Nhiều cán bộ nhân viên khác cũng được Long Vương “dụng võ” như anh TVT bị Long Vương nắm cà vạt và đánh, do sửa máy nổ chậm khi mất điện...

Biên chế ở đây dành riêng khá nhiều nhân viên chuyên phục vụ cho vua : Long Vương ăn cơm tại cơ quan có người trực để bưng cơm rót nước, quần áo có người giặt giũ, có người chuẩn bị quần áo, cà vạt ... theo mùa, có người chuẩn bị giày vớ, sân bãi chờ Long Vương đi đánh quần vợt, và khi Long Vương đang đánh ten-nít thì đứng ở đằng sau bảo vệ – như là bảo vệ các VIP cỡ tổng thống ! Đặc biệt, để giúp cho long thể được trường thọ, để dai sức đi mây về gió, còn có một tỳ nữ kiểu Ô-sin chuyên làm dải yếm (mỗi chén từ 350 đến 500 ngàn đ, tùy loại) chùng cất với đường phèn từ 9 giờ sáng, đến đúng 2 giờ chiều mỗi ngày bưng lên phòng cho Long Vương ăn ! ... Khi đoàn thanh tra của cấp trên hỏi về chuyện này thì Long Vương trả lời tình quèo : ăn hoài nên rất ngắn !

Chịu không nổi những chướng tai gai mắt này, và sau nhiều lần đấu tranh không kết quả, nhiều cán bộ quản lý, nhà báo gần bó lâu dài với tờ báo đã phải dứt áo ra đi. Như một phó tổng biên tập đương chức, rồi một cán bộ được quy hoạch đề bạt làm tổng biên tập vào các năm 1994-1997, cho đến bà thủ quỹ nhiều năm là chiến sĩ thi đua...

Bao Công, ông ở đâu rồi ?

Tức nước vỡ bờ.

Cuối cùng thì chính nhiều cán bộ nhân viên trong cơ quan này đã làm đơn tố cáo những chuyện trời gằm của ông vua con này. Đơn vị chủ quản của tờ báo đã lập một đoàn thanh tra toàn bộ sự việc bị tố cáo với một bản kết luận về tội lỗi của Long Vương sơ sơ dày có... 19 trang, như số Táo quân, đọc mệt nghĩ.

(... Thế nhưng), từ tháng 10.1996, đoàn thanh tra ngành đã có văn bản chính thức đề nghị cấp trên đình chỉ chức vụ tổng biên tập. Lãnh đạo thành phố cũng đã ra quyết định cách chức, kỷ luật đảng, nhưng không hiểu sao cho đến nay Long Vương vẫn bình chân như vại ? (... Không những thế) hội nghị báo chí nào cũng thấy Long Vương xuất hiện, phát biểu vung vít, phê phán báo này, báo kia “chệch hướng”, tự ca tụng “tia-ra” (số in) báo mình vẫn cao... Long Vương còn tuyên bố : “tôi đã đào tạo ra một lớp nhà báo giỏi, báo nào cần phóng viên hoặc cần ban biên tập, tôi sẽ cho bớt !”.

Nhiều người biết chuyện thì hỏi khéo mấy ông nhà báo Sài Gòn có tiếng là dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực rằng : nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực ở mấy công ty, xí nghiệp nhỏ hơn vụ Long Vương này nhiều mà thấy báo chí “đánh” dữ quá, còn chuyện tiêu cực tày đình như vậy ngay trong làng báo mà sao thấy báo chí mấy ông im re vậy ? Bộ “bảo vệ nội bộ” sao ?

Qua thanh tra, Bao Công các cấp đã phán tội Long Vương rồi, nhưng đến nay 13 tháng trôi qua vẫn chưa thấy xử. Do cầu đầu dao bị rỉ sét hết rồi, không xài được ? Hay do Long Vương biết đường “chạy thuốc” ? Hoặc giả là do có nhiều “họng súng vô hình” bảo vệ Long Vương ?

Hỡi những bậc trưởng thượng của làng báo, với kiến văn uyên bác và uy tín lấy lòng của mình, hãy ra tay tiếp sức cùng Bao Công búng đi cái gốc Rồng này để làm sạch làng báo.

Na-Tra (Tuổi Trẻ Cười số 167, tháng 12.1997)

- Phát biểu trong một cuộc họp báo đầu tháng 5 vừa qua, tổng bí thư Lê Khả Phiêu không loại trừ khả năng chính phủ sẽ phải điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế dưới mức 9 % dự kiến ban đầu. Ông cho biết, trên đà của tình hình quý 1 thì tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ có thể tăng 8,7 % trong năm nay. Còn Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) thì đưa ra dự đoán tăng trưởng GDP Việt Nam năm 1998 ở mức 5 %. Trong khi đó ESCAPE (ủy ban kinh tế xã hội châu Á - Thái Bình Dương của Liên hiệp quốc) vẫn lạc quan dự đoán Việt Nam có thể đạt tỷ suất 8,7 %.

- Các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa, bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu bóng và tất cả các thiết chế văn hóa khác, từ nay áp dụng cho người Việt Nam ở nước ngoài giá vé dành cho người ở trong nước. Đó là nội dung của một văn bản của bộ văn hóa thông tin gửi đến các địa phương và cơ quan liên quan trong tháng tư vừa qua

- Luận án tiến sĩ toán (ngành tôpô - đại số) bảo vệ tại Liên Xô của ông Nguyễn Xuân Tuyến, hiệu trưởng trường đại học Sư phạm Huế, đã sao chép lại công trình khoa học của nhiều tác giả khác. Đó là kết luận của bộ giáo dục - đào tạo đưa ra tháng 4 vừa qua cùng với quyết định cách chức hiệu trưởng của ông Tuyến.

- Tổng doanh số quảng cáo của 9 đài truyền hình lớn nhất Việt Nam chỉ đạt 2,23 triệu USD trong tháng 2 vừa qua, giảm 35 % so với tháng giêng và 56 % so với tháng 12.1997. Các tập đoàn Hàn Quốc, là những khách hàng lớn nhất với bình quân 1,5 triệu USD/tháng trước đây, đã hầu như ngưng quảng cáo trên ti-vi.

- Một bát phở giá 20 Đức Mã (70 FF). Đó là giá kiêu bào tại Đức phải trả để được toà “lãnh sự” Việt Nam tại Berlin nhận hồ sơ xin cấp visa về nước ! Quán phở nằm ngay trong sứ quán, nếu người lên xin thị thực không muốn ăn thì “giấy tờ cứ để đấy, ra khách sạn mà chờ” ! Câu chuyện có tên người kể hẳn hoi, đăng trên tuần báo Doanh Nghiệp số 11 (cuối tháng 3.1998).

- Công ty quốc doanh Nga Zarubezhneft đã nhận hợp tác với Việt Nam trong dự án xây dựng nhà máy dầu Dung Quất. Tổng giám đốc Zarubezhneft, ông Oleg Popov tuyên bố công ty của ông đặt những lợi ích “dài hạn” trên những tính toán khác. Thứ trưởng bộ năng lượng Nga Anatoli Kozyrev tới thăm Hà Nội trung tuần tháng 5 cho biết bộ ứng hộ công ty Zarubezhneft trong việc tìm tài chính cho dự án.

- Theo bộ Lao Động, tỷ lệ những người có trình độ đại học và trên đại học trong số 1 000 người làm việc trong ngành nghiên cứu khoa học và các công việc kỹ thuật cao khác là 0,5 giáo sư, 1,7 phó giáo sư, 0,8 tiến sĩ và 83 thạc sĩ. Sự thiếu hụt người có trình độ ấy còn nặng nề hơn ở lĩnh vực nông nghiệp : chỉ từ 5 tới 7 % các nhà khoa học Việt Nam làm việc cho nghiên cứu nông nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ này còn một nhược điểm nghiêm trọng khác là thiếu lực lượng trẻ : tuổi trung bình những người có bằng tiến sĩ là 57 tuổi, và chỉ có 3 % những nhà khoa học dưới 35 tuổi.

TRẦN ĐỘ
Thư gửi
ông Nông Đức Mạnh
chủ tịch Quốc hội

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1998

Kính gửi : Anh Nông Đức Mạnh

Tôi vừa nhận được văn thư trả lời của anh về việc con dâu tôi.

Trước hết, tôi xin hết sức hoan nghênh và cảm ơn anh đã chu đáo, vừa trả lời là đã nhận được thư kháng cáo lại vừa trả lời kết quả xem xét sự việc. Tôi rất vui lòng và mong rằng bất cứ người nào có việc kháng cáo, khiếu nại cũng được các cơ quan của Đảng và Nhà nước chu đáo như thế.

Một lần nữa, xin hoan nghênh và cảm ơn anh.

Nhân dịp này và sự việc này, tôi muốn được thân tình trao đổi với anh một số ý kiến để anh tham khảo rộng rãi hơn trong cương vị và trọng trách của mình. Tôi tự cho phép tôi được “ thân tình ” với anh dựa trên cơ sở tôi được quen biết anh hàng chục năm nay từ thừa anh là chủ tịch tỉnh Bắc Thái và hết sức nhiệt tình đưa tôi đi thăm Hồ Núi Cốc, trên cơ sở cương vị và trọng trách của anh. Hiện nay, tôi muốn có chút gì giúp ích cho anh.

Tôi cảm ơn anh đã cho tôi biết kết quả việc xem xét của anh và qua đó, tôi hiểu được cách nhìn nhận sự việc của một cơ quan pháp luật “ Bộ Nội vụ ”, tôi tôn trọng cách nhìn ấy và sự ứng xử theo cách nhìn đó nhưng tôi phải trao đổi với anh mấy điểm.

1.- Đối với cơ quan pháp luật, đó là một việc rất nhỏ và giản đơn, nhưng đối với một người dân (người dân đó là con dâu tôi) thì là cả một sự xáo trộn cuộc sống. Tôi sẽ nói với con tôi như thư anh trả lời tôi. Nhưng tôi cũng muốn anh biết cho rằng : Trong mấy tuần cháu bị thẩm vấn, thỉnh thoảng cháu có gọi điện cho tôi, vừa nói vừa khóc là : Có lẽ cháu sẽ không được làm việc để kiếm sống nữa, cháu lo cho cuộc sống, cho việc nuôi chồng, nuôi con. Tôi nghĩ là cơ quan pháp luật nên hiểu tâm trạng đó và mặt đó ở phía người dân. Anh có thể thấy thêm điểm này ở thư Bùi Minh Quốc, tôi gửi kèm đây.

2.- Bộ Nội vụ cho rằng ông BMQ đã vi phạm điều 16 của Nghị Định 31/CP. Tôi đã đọc lại điều này. Thì ra, thế là ông Quốc “ vi phạm pháp luật trong khi bị quản chế, vì ông Quốc đã làm thơ và gửi thơ tặng bạn ”. Ta có thể thấy Bác Hồ cũng đã làm thơ trong tù. Tố Hữu cũng có bài thơ *Tâm tư trong tù* và Lê Đức Thọ cũng có bài thơ *Hận Sơn La*. Thế mà Bùi Minh Quốc, trong khi bị quản chế mà làm thơ lại là vi phạm pháp luật ? Nhà thơ lúc nào cũng có cảm xúc và những

*Xem thư và bài viết của ông Trần Độ đăng trên
Diễn Đàn các số 74 và 72.*

cảm khái cuộc đời. Nhà thơ làm thơ mà là vi phạm pháp luật thì thật khó hiểu !

3.- Còn như cho rằng anh Quốc làm những bài thơ ấy “ xâm phạm đến an ninh của đất nước ” hoặc “ không có lợi cho đất nước ” như anh Quốc và con dâu tôi phát biểu thì tôi tin chắc rằng anh Quốc và con dâu tôi bị thẩm vấn, đồn đến chỗ buộc phải nói như thế.

Tôi có đọc cả tập thơ của Quốc (có độ 10-20 bài) với tinh thần của một cựu chiến sĩ bảo vệ tổ quốc, tôi không hề thấy có gì “ hại cho đất nước ”, xâm phạm an ninh của đất nước. Tôi đã tiếp xúc với các nhà thơ và các bài thơ cảm khái, ví dụ Chế Lan Viên nói đến *Bánh vẽ* và *Trừ đi* anh ấy thấy anh làm thơ mà cứ phải “ trừ bớt đi ” : trừ thịt đi, trừ ước mơ đi, thơ chỉ còn là những khúc xương khô. Tôi đã hủy tập thơ của Quốc, vì tôi thấy nó phiền cho con tôi và tôi, nhưng tôi vẫn chép lại ba bài vào sổ tay. Đó là bài : 1- *Thơ tặng vợ hiền*, 2- *Thơ viết từ xó bếp* và 3- *Cay đắng thay...* Đó là những cảm khái rất đáng yêu. Bài *Cay đắng thay...* có 2 câu dữ dội :

*Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt
Lại đức nên chính cổ máy này.*

Hai câu này nói hộ cho tâm trạng nhiều cựu chiến binh chống Pháp và chống Mỹ. Đó là tâm trạng “ không yên ” với những tệ nạn và bệnh hoạn của xã hội hiện nay. Nó quyết không thể là hại cho an ninh quốc gia !!! Tập thơ có vài ba bài như vậy, còn đa số là *Thơ vợ*, *Thơ bếp*. Nói là nó vi phạm an ninh thì chỉ là cách nói của một cách nhìn !

4.- Tôi xin cung cấp cho anh một thông tin : ở Đà Lạt hiện có 3 trí thức nghèo (một nhà thơ chiến sĩ, một nhà văn chiến sĩ, một trí thức khoa học) đang bị quản chế hành chính và giám sát chặt chẽ. Tôi rất quen biết ba người này, rất yêu mến và quý trọng. Trong đó Bùi Minh Quốc đã cùng vợ là nhà thơ Dương Thị Xuân Quý đi B. Chị Quý đã hy sinh ở Quảng Nam. Bùi Minh Quốc viết nhiều văn thơ. Đó là của quý của đất nước. Nếu cơ quan lãnh đạo và quản lý đất nước không bị một định kiến gì chi phối mà có thái độ và chính sách khoan dung tôn trọng những tấm lòng và tài năng đó, thì đất nước có lợi hơn nhiều. Còn nếu cứ ngặt nghèo cảnh giác thì đẩy mất nhiều trí thức ra xa mãi với Đảng và Nhà nước, và như thế là thật sự có hại cho đất nước. Mà tôi đã nhiều lần chính thức báo với Đảng là trí thức văn nghệ sĩ của ta tuyệt đại đa số là “ đáng tin cậy ”.

Thực ra cứ cảnh giác cao độ thì lợi ích thu được chỉ nhỏ gấp 100, 1000 lần lợi ích thu được nếu ta tạo không khí hồ hởi vui vẻ khoan dung và tin cậy các lớp trí thức (trong đó có văn nghệ sĩ). Đây là một vấn đề tinh thần, chính sách có ý nghĩa quốc gia, chứ không phải chỉ là một số ứng xử cụ thể, nó ảnh hưởng lớn đến uy tín, tình cảm và bộ mặt của cơ quan lãnh đạo và Nhà nước.

Tôi rất thương 3 hàn sĩ ở Đà Lạt mà tôi biết là cuộc sống rất nghèo khó, khổ sở, nhất là BMQ. Tôi rất lo và không biết tin tức gì của Quốc.

Về điểm này tôi nói riêng thêm với anh và với tinh thần tự phê bình. Vì Đảng này là của tôi. Nhà nước này cũng là của tôi.

Ta thường nói “ xã hội văn minh ”. Thái độ và chính sách

đối với trí thức và văn hóa là một điểm văn minh đấy.

Ta cứ giám sát chặt chẽ, cảnh giác, cắt điện thoại, theo dõi và ngăn chặn họ. Bộ Nội vụ lại có A.25 là một bóng dáng khủng bố đối với trí thức và văn hóa. Thế là thô bạo là không văn minh là hại cho đất nước. Ta làm ngược lại thì bộ mặt xã hội ta văn minh hơn, ta xứng đáng hơn khi đối mặt với loài người đang phát triển văn minh hơn, có lợi cho đất nước ta hơn, ta nên xây dựng và tăng cường các văn hóa an ninh, mà không nên tăng cường các an ninh văn hóa.

Tôi đề nghị, nếu anh thấy phải thì anh tìm cách trao đổi thêm với các anh trong Thường vụ Bộ chính trị mà điều chỉnh dần thái độ và chính sách. Còn một vài cuộc đi thăm thì ý nghĩa cũng ít.

5.- Vấn đề quản chế hành chính, tôi đề nghị anh xem lại.

Điều 72 của Hiến pháp ghi : “ *Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án xét tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật* ”.

Thế mà quản chế hành chính là một hình phạt và người quyết định hình phạt không phải là tòa án.

Cả pháp lệnh tháng 7/1995 và nghị định 31/CP tháng 4 năm 1997 đều không sáng rõ được điều 72 của Hiến pháp, là không phù hợp với tinh thần điều 72.

Tôi đề nghị cần phân biệt và xác định :

Có những lỗi hành chính, là lỗi (không phải tội) hành chính cho nên chỉ có phạt hành chính, tức là phê bình cảnh cáo và nặng nhất là phạt tiền.

Còn vi phạm luật hình sự thì nhất thiết phải theo luật tố tụng hình sự, và tùy theo sự kết tội nặng nhẹ của tòa án mà xử phạt nặng nhẹ, phạt hành chính không được xâm phạm đến tự do sinh sống và lao động. Nên sửa chữa ngay pháp lệnh và yêu cầu chính phủ hủy bỏ hoặc sửa chữa nghị định 31/CP. Việc này, tôi chắc được hoan nghênh.

Tôi biết đã có một cựu chiến binh tên là Phạm Vũ Sơn có thư cho anh, nói về vấn đề này rồi.

6.- Gần đây rộ lên những sự việc như Hồi Ký Trần Quỳnh, hoạt động của Đặng Đình Loan, các bài của “ một Đảng viên ” của ông TA, đọt phê phán các “ quan điểm ” rầm rộ ở các báo mà nhiều người biết đó là những “ quan điểm ” của Trần Độ bị trích dẫn cắt xén có dụng ý vu cáo xuyên tạc — và các bài ý kiến của Phan Đình Diệu, Hoàng Hữu Nhân, Thanh Giang, Hoàng Tiến v...v. và v.v.... Tôi có được xem mấy chục bài ý kiến : hưởng ứng hoặc bác bỏ nhau rất lộn xộn.

Tình hình này là không thể dẹp yên. Có tình hình đó là vì không có tự do ngôn luận. Nếu có một vài tờ báo độc lập đăng tải các loại ý kiến, những người có ý kiến có nơi để phát biểu và được phát biểu (tôi theo dõi thì thấy các lớp người “ Lão thành ”, “ Cựu chiến binh ” và “ Trí thức ” là có nhiều ý kiến) thì sẽ bớt đi, hoặc hết hẳn hiện tượng lộn xộn trên để bọn cơ hội mất điều kiện ném đá giấu tay, làm mất trật tự. Đây cũng là 1 chính sách lớn, chứ không phải là cách đối phó vặt.

Tình hình năm 1987, sau Đại hội VI và NQ 05 của BCT bớt hẳn những hiện tượng tiểu lâm, ca dao, hò vè đã chứng

thực điều đó.

Tóm lại nhân dịp này tôi muốn trao đổi với anh mấy ý kiến liên quan đến 2 vấn đề chung mà tôi quan tâm và có hiểu biết ít nhiều.

- Thái độ và chính sách văn hóa đối với trí thức văn nghệ sĩ.
- Vấn đề xử phạt hành chính.

Anh đọc và suy nghĩ, nếu có điều kiện anh lại cho tôi biết thêm về ý kiến của anh. Viết riêng cho anh thì nói được một ít ý kiến cụ thể.

Chúc anh khỏe.

Thân ái

(ký tên)

Trần Độ

97 Trần Hưng Đạo

Cay đắng thay...

*Cái guồng máy nhục mạ con người
Mang bộ mặt hiền lành của người cuốc đất
Ừ lì quay
Quay
Thao thao bài đạo đức
Liệu mấy ai còn ngây ?*

*Cay đắng thay
Mía mai thay
Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cường nhiệt
Lại đúc nên chính cổ máy này.
1997*

Thơ tặng vợ hiền

*Em ngồi đó, quên cả ngày tàn quên đêm khuya khoắt
Mười ngón tay, lau một thế giới dịu hiền
Những con búp bê kia muôn màu lung linh ánh mắt
Em lặng lặng đẩy lùi cơn bão dập đời anh.*

*Gầm rít quanh ta cơn bão phũ phàng
Cuộc vây hãm dằng dai của mắt cú miêng hùm lười răn
Em ngồi đó, mười ngón tay lau dầm thắm
Một thế giới dịu hiền — thông điệp của hồn em.*

*Cái thời nhớ những cận bã hóa vương quyền
Rời lốc hết qua bàn tay em — chỉ sau cùng còn lại
Chỉ sau cùng còn lại
Một thế giới dịu hiền nâng giấc mãi thơ anh.*

28.7.1997

Bùi Minh Quốc

Trần Đạo

Tuyên ngôn đảng cộng sản 150 năm sau

Thay thế chủ nghĩa tư bản bằng cái gì ?

Cuộc giải phóng nào cho con người ?

Hội thảo quốc tế, Paris, 13 đến 16 tháng năm 1998 (tại
Bibliothèque Nationale de France)

Tổ chức : Espaces Marx, 94, Bd A. Blanqui, 75013
Paris ; e-mail : manifeste@internatif.org ;
<http://www.internatif.org/EspMarx/Marx.98>

Trong khi các nước xã hội chủ nghĩa cuối cùng trên thế giới ca ngợi “ kinh tế thị trường ” (tư bản) “ định hướng xã hội chủ nghĩa ”, ở Pháp, có cuộc thảo luận quốc tế về học thuyết của Marx và Engels.

Cuộc thảo luận bắt đầu từ hơn 4 tháng nay trên mạng thông tin quốc tế WEB, sẽ kết thúc trong tháng 5-98 bằng một hội thảo tại Paris. Cuộc thảo luận này có vài đặc điểm đáng chú ý.

1. Tính chất thời cuộc.

Nó tiến hành trong thời điểm chủ nghĩa tư bản toàn thắng, cực thịnh, lúc những trí giả khôn ngoan bĩu môi khi nghe nói tới học thuyết Marx. Hầu hết các người tham gia thảo luận đều chấp nhận tiên đề : những nỗ lực thực hiện chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ 20, nhân danh Marx, đã thất bại. Một số người còn nói rõ : đã đưa tới những tội ác tày đình.

2. Tính chất quốc tế.

Cho tới nay, đã có người ở hơn 65 nước tham dự, từ Mỹ đến Cộng hoà nhân dân Trung Quốc.

3. Tính chất cá nhân và công khai.

Mặc dù người phối hợp là bà Francette Lazard, nguyên uỷ viên của bộ chính trị đảng cộng sản Pháp, mọi người tham dự với tính cách cá nhân, công khai. Cuộc thảo luận, ít nhất trên mạng lưới thông tin quốc tế, hoàn toàn tự do (tôi nghĩ gì về học thuyết Marx trong thời đại này), và cởi mở (ai muốn liên lạc với ai, thảo luận với ai, cứ việc).

4. Tính chất đa dạng.

Người tham dự, không những tú xú, đủ khuynh hướng, còn đủ chuyên môn : triết, kinh tế, lịch sử, xã hội, tâm lý, tâm thần học, v.v. Dĩ nhiên. Nhưng cũng có cả nhà vật lý và toán học. Phải công nhận, đa số có vẻ là trí thức, giáo sư, nhà nghiên cứu, hầu như không có công nông.

5. Tính chất dân thân.

Đây không phải một cuộc hội thảo chuyên đề trong khuôn khổ một bộ môn khoa học, văn học. Người ta dự trong tinh thần tìm hiểu thời đại của mình, tìm một hướng đi cho tương lai.

6. Tính chất đa ngôn ngữ.

Ban tổ chức chủ trương trao đổi bằng tiếng Pháp và tiếng Anh. Sáu tập tài liệu đóng góp đã được in tới nay dùng thêm tiếng Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

7. Tính chất phi Việt Nam.

Ngoài một Việt Kiều tại Pháp, ông Hoàng Ngọc Liêm, giảng sư đại học Paris 1, không có tiếng nói của người Việt. Phải chăng người Việt chủ trương “ kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa ” cũng như người Việt chống lại tư tưởng đó đều không có gì để nói với thiên hạ về chủ nghĩa xã hội mình bảo vệ hay mình chống ? (chú thích của người đánh máy : đến ngày khai mạc, có 10 tập, tập 8 có bài của giáo sư Phạm Nhu Cương (Viện Triết học, Hà Nội), tại hội nghị, có thêm bài phát biểu của ông Nguyễn Khánh, uỷ viên Hội đồng lý luận của ĐCSVN).

*

Hiện nay, 4-98, ban tổ chức đã phát hành 6 tập tham luận (200 FF. Đủ trang trải chi phí in và gửi, không có chuyện kinh doanh). Trong 4 tập đầu, tuy chưa kịp đọc hết, tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc vài bài tôi nghĩ là đáng chú ý :

Tập 2 :

1. Eftichios BITSAKIS (Hy Lạp) : *Is human nature incompatible with socialism ?*

Tác giả là giáo sư khoa triết, đại học Ioannina và khoa vật lý, đại học Athènes. Ông bàn về nhân sinh quan của Marx, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Cũng là đề tài tìm hiểu của Trần Đức Thảo, được ông trích dẫn hai lần. Ngoài những khía cạnh khác, quan hệ giữa kiến thức khoa học hiện đại và triết học của Marx là một nội dung quan trọng của bài này.

2. John EHRENBERG (Mỹ) : *Beyond Civil Society*

Những người thích suy nghĩ về xã hội công dân sẽ tìm được một nguồn kích thích cho suy luận của mình.

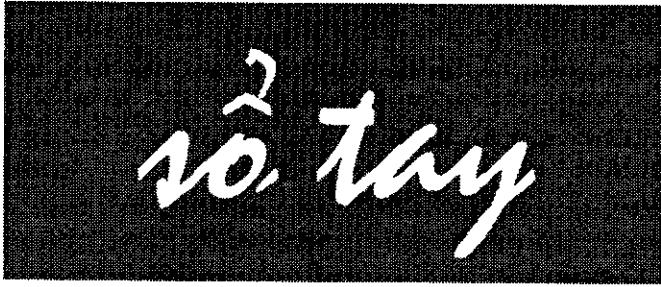
3. Juan GROMPONE (Uruguay) : *Sur la dynamique des classes dans le Manifeste communiste.*

Trong bài này, tác giả có nhận định sắc bén về hai cách hiểu lý thuyết của Marx về đấu tranh giai cấp. Đại khái, người ta thường cho rằng, theo Marx, đấu tranh giai cấp hoặc đưa tới sự tiêu vong của các giai cấp đối nghịch, hoặc đưa tới chiến thắng của giai cấp bị trị, khiến nó trở thành giai cấp thống trị và xây dựng một hình thái kinh tế xã hội mới. Nhưng trong lịch sử hiện thực, điều đó chưa hề xảy ra : giai cấp nô lệ thời kinh tế nô lệ, giai cấp nông nô thời kinh tế phong kiến, tuy có đấu tranh, chưa bao giờ trở thành giai cấp thống trị, chưa bao giờ sáng tạo được một hình thái xã hội hơn hình thái xã hội cũ. Giai cấp công nhân cũng vậy. Sự nghiệp ấy, trong lịch sử hiện thực, do một giai cấp trung gian thực hiện. Thí dụ, giai cấp thay thế giai cấp phong kiến để làm chủ thể của lịch sử không phải là giai cấp nông nô, đối nghịch với giai cấp phong kiến, mà là giai cấp tư sản, một giai cấp trung gian trong thời đại phong kiến.

Nói một cách thô bạo (suy diễn của tôi) : trong thế kỷ 20, giai cấp công nhân trong các nước tư bản phát triển, giai cấp nông dân trong các nước khác, có thể là động lực của cách mạng chống tư bản, đế quốc, phong kiến, không thể lãnh đạo cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội vì, nếu ở mức cá nhân có thể có người xuất chúng, ở mức giai cấp, những giai cấp ấy không thể có kiến thức cần thiết để sáng tạo một hình thái xã hội cao hơn hình thái xã hội cũ. Cụ thể : để đánh gục chủ nghĩa thực dân, tinh thần cách mạng, lòng dũng cảm, sự trung kiên của anh công nhân mỏ Hòn Gai, đồn điền cao-su Ban Mê Thuột hay của anh nông dân đồng bằng sông Hồng, cần thiết. Nhưng đưa anh cán bộ nông cốt công nông có trình độ lớp sáu bổ túc, được trường đảng đào tạo bổ sung, lãnh đạo một nhà máy cơ khí, điện tử hay một khoa sử-triết trong đại học, thậm chí một hợp tác xã nông nghiệp, thì đừng hòng cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản.

Đây là đề tài có tính chất tổng quát : triết, xã hội, kinh tế, chính trị học, v.v. Tóm lại : tính chất lịch sử của sự vận động của những hình thái xã hội thể hiện qua sự hình thành các giai cấp và sự phát triển của những con người cụ thể. Con người làm chủ thể của lịch sử trong điều kiện nào ?

(xem tiếp trang 29)



Ea Sola và cánh đồng âm nhạc

Nếu có một điều phải tiếc nuối, đó là chương trình *Cánh đồng của Âm nhạc* (La Rizière des Musiques) của Ea Sola chỉ được trình diễn vồn vẹn có ba tối ở Forum des Halles tháng 4 vừa qua, trong khuôn khổ *Mùa xuân Việt Nam* do thành phố Paris tổ chức.

Sau *Hạn hán và Cơn mưa*, sau *Ngày xưa ngày xưa...*, một lần nữa, Ea Sola Nguyễn Thuý lại gây ngạc nhiên cho công chúng Paris. Sự ngạc nhiên thuần khiết, xuất phát chỉ từ âm nhạc, giọng ca. Không có múa, dù truyền thống hay hiện đại, không có tích truyện gì cả. Chỉ là âm nhạc, lại là ba thể loại âm nhạc còn quá xa lạ với công chúng Âu Mỹ (thật ra, đối với cả công chúng Việt Nam tại Pháp, mà đa số gốc miền Nam, lại là miền Nam thành thị) : ca trù, tuồng (hát bội), chèo. Sân khấu được trang hoàng tối thiểu với những tấm màn the đen làm phông, chia làm 3 không gian : ca trù ở giữa, tuồng bên trái, chèo bên phải (có lẽ đây là lần đầu tiên, ba hình thức nghệ thuật này sống chung trên cùng một sân khấu).

Ấy vậy mà, từ đầu đến cuối, khán giả bị lôi cuốn bởi ba dàn nhạc và các ca sĩ. Để hiểu rằng khán giả hoà mình vào tiết mục trống kết thúc, tuyệt vời, do Ea Sola sáng tác. Nhưng kỳ lạ và kỳ diệu hơn : chị đã biết tuyển chọn, sắp xếp, xen kẽ các bài nhạc, bài ca, kết hợp những làn điệu trữ tình của ca trù, thẩm thiết của chèo, với thể lương, bạo liệt của âm nhạc tuồng, đưa thính giả đi khắp các âm vực, thanh vực, nghĩa là *tâm vực* của nghệ thuật đồng bằng sông Hồng.

Riêng đối với người giữ sổ tay này (nhưng điều này cũng đúng cả với mấy người bạn Pháp tình cờ gặp tại rạp), ấn tượng sâu sắc nhất là giọng ca *Hồng hồng Tuyết tuyết*, và nhất là *Tỳ bà hành*, của cụ bà Kim Đức (Phó Thị Đức), do cụ Ngô Linh Ngọc cầm chầu. Bà Đức, cùng với bà Quách Thị Hồ, là hai nghệ sĩ ca trù xuất sắc nhất của Hà Nội. Bà Hồ nay đã nghỉ, chỉ còn bà Đức. Được nghe bà *rót* từng âm vào tai, theo nhịp phách khi khoan khi nhặt, là cả một cuộc phiêu du, một niềm hạnh phúc hiếm quý.

Phải nói, các dàn nhạc và các diễn viên chèo, tuồng do Ea Sola tuyển lựa đều là những nghệ sĩ tài năng nhất hiện nay của sân khấu Việt Nam. Công lao lớn của Ea Sola còn là tạo ra sự chung sống của ba hình thái nghệ thuật khác nhau, một sự chung sống không những hài hoà mà còn tương tác, sinh động, vừa bảo đảm cho mỗi dàn nhạc những đặc tính của mình, vừa tạo ra những hiệu ứng của sự tổng hợp, đầy bất ngờ và hứng thú.

Nếu có một ước nguyện, thì chỉ có thể là : Ea Sola sớm trở lại Paris, một lần nữa, với chương trình độc đáo này, và từ Paris, bắt đầu một cuộc chu du Âu châu và Bắc Mỹ như chị đã làm với vở múa *Hạn hán và Cơn mưa* cách đây ba năm. Trong khi chờ đợi, công chúng của Ea Sola (người được xem,

nhất là người chưa được xem) có quyền chờ đợi, có quyền đòi hỏi, một cái đĩa CD *La rizière des Musiques*.

Bản sắc và sáng tạo

Tiếc rằng Ea Sola không có mặt trong cuộc thảo luận mang đề tài *Vietnam : identité et création* do nguyệt san Cyclo và hội AREA tổ chức tại phố Hauteville (vẫn trong khuôn khổ *Mùa xuân Việt Nam*), với sự tham dự của Trương Tân (họa sĩ), Emmanuelle Huỳnh Thanh Loan (múa hiện đại), Jean-Baptiste Huỳnh (nhiếp ảnh), Trần Anh Hùng (điện ảnh), Đỗ Kh. (nhà văn).

Cũng tiếc sự vắng mặt của một nghệ sĩ trẻ khác : anh Phan Quang Phục (P.Q. Phan), tác giả bản nhạc *Tragedy at the Opera*, được ban tứ tấu Kronos Quartet trình diễn tối 19.5 tại Théâtre de la Ville, nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập ban nhạc.

Sự có mặt của Ea Sola và Phan Quang Phục (hiện giảng dạy và sáng tác ở Mỹ) chắc chắn sẽ tăng thêm phần sinh động cho cuộc thảo luận, hay ít nhất, cũng sẽ cho công chúng hiểu thêm những lộ trình sáng tác đa dạng của các nghệ sĩ trẻ hoặc trung niên, và mối quan hệ phức tạp, biền chứng của họ đối với vấn đề thời thượng mà người ta quen gọi là : *bản sắc (dân tộc / cá nhân)*.

Ở đây, tôi sẽ không nói gì về Đỗ Kh. vì anh giữ một vị trí biệt lập : anh là người duy nhất sử dụng Việt ngữ như chất liệu sáng tác, công chúng trực tiếp của anh là độc giả người Việt (ở ngoài nước, hay trong nước, mà hiện nay mới chỉ có tập *Ký sự đi tây* của Đỗ Kh. là đã được xuất bản ở Việt Nam). Vả lại nói riêng về Đỗ Kh. thì phải nhiều bài, Diễn Đàn còn nợ bạn đọc, mà người giữ sổ tay cũng không có khả năng góp phần trang trải, chỉ trông đợi ở các chuyên gia. Những người khác đều sáng tác bằng những thể loại không lệ thuộc tiếng nói.

Cũng khó nói gì hơn về những ý kiến của Trương Tân, vì cũng như phần lớn các họa sĩ, anh phát biểu bằng cây cọ hơn là bằng lời nói.

Người phản ứng mãnh liệt theo nghĩa từ chối không *đặt ra vấn đề bản sắc* là anh Jean-Baptiste Huỳnh, nhà nhiếp ảnh, tác giả tập sách ảnh *Intime Infini* (tạm dịch : Nội tâm bất tận), nhà xuất bản Actes Sud. Thực ra, đó cũng chỉ là một cách nói. Và ở đây, đúng là *ý tại ngôn ngoại*, vì *ý*, hay đúng hơn, cái mà J.B. Huỳnh truyền đạt cho công chúng là những đường nét, sắc độ, ánh sáng... không nằm trong ngôn ngữ, mà ở trong sự cảm nhận, trong sự đồng cảm. Thế nào là *bản sắc* dân tộc khi ta nhìn 18 chân dung người Việt Nam trong tập sách. Hay trong sự đối chiếu rất hay ở phần I : một trang là những mảng trời mây, trang kia mà một làn da, một mảng da. Đây là một *ý* rất độc đáo, biểu hiện sự mẫn cảm hiếm có của nghệ sĩ, nhất là anh không nói tiếng Việt, và chắc không biết trong tiếng Việt, có *da trời*.

Mãnh liệt không kém là phản ứng của Trần Anh Hùng : anh không hề phủ nhận những nét *Việt Nam* trong con người, cảm tính, khẩu vị, kể cả *tạng yêu* của mình, nhưng cũng không chịu lột bỏ những ảnh hưởng văn hoá Đông Tây khác mà anh đã tiếp thu. Vì vậy Trần Anh Hùng không muốn tác phẩm của mình luôn luôn, và ở mọi nơi, bị xem xét, xét nét như là một thông điệp của Việt Nam. Phản ứng, xét cho cùng, rất chính đáng. Song phải nói, được xem xét ở góc độ

hơi thu hẹp ấy cũng là một vinh dự : Hùng thủ so với Luc Besson mà xem, khi phim Besson bị coi là phim Mĩ. Có một nguyên nhân khác giải thích lối nhìn quy chụp này : như chính Hùng đã tâm sự, cho đến ngày hôm nay (sau 2 phim ngắn và 2 phim dài) mỗi lần anh nghĩ ra chuyện phim, nhân vật phim, thì đều là chuyện Việt Nam, người Việt Nam... Làm sao mà người xem không tiếp nhận và đánh giá phim của anh như một phản ánh (hay không) của hiện thực Việt Nam ?

Độc đáo và thanh thản hơn có lẽ là thể đứng của Emmanuelle Huỳnh Thanh Loan. Cái gì đã thúc đẩy cô gái vùng Berry (nước Pháp sâu thẳm) đi đến với Việt Nam ? Chắc chắn không phải là chương trình đại học (triết học phương Tây) mà cô đã đeo đuổi. Cũng không phải là nghệ thuật múa phương Tây hiện đại, mặc dầu một đặc điểm của nó là muốn mở ra, tiếp thu mọi biểu hiện của ngôn ngữ thân thể. Do nguồn gốc gia đình chẳng (cha Việt mẹ Pháp, Emmanuelle là chị em với Jean-Baptiste) ? Không hẳn, vì cũng như một số người Việt chọn lối sống Pháp, cha cô không nói gì với con cái về đất nước, văn hoá Việt Nam. Nhưng cố nhiên là có, và có một cách ý thức ở Emmanuelle : cô đã hai lần tính đi Việt Nam, cho biết, nhưng không thành. Ở đây có một sự trùng hợp thời điểm và thời cơ. Thời điểm : sau một thời gian làm diễn viên múa, nghĩa là cho tác giả và biên đạo mượn thân thể và động tác của mình để gửi gắm sứ điệp, Emmanuelle muốn nói lên sứ điệp của chính mình. Thời cơ : một học bổng của Villa Médicis (cũng như Ea Sola trước đó một hai năm, như Thierry Thiệu Năng cùng năm).

Và chính ở Việt Nam, từ những cử chỉ, dáng đi, thể đứng Việt Nam (tôi nhớ tới một nhận xét của Ea Sola : đó là những thân thể rất *thông minh*), và trước hết từ cái không khí *nồng nàn ướt át* (không cần phải mất một hai giờ thể dục, *làm nóng*, trước khi tập múa), Emmanuelle đã xây dựng sáng tác đầu tiên của chị (trình diễn cách đây 3 năm ở Ferme du Buisson). Vũ múa độc diễn mang tựa đề đa nghĩa : MUA. Ít ra hai nghĩa : *Múa* (tiếng Việt), và *Mua* (tiếng Pháp : *passé simple* của động từ *muer*, lột xác, biến thể).

Nguyễn Văn Trấn (tiếp theo trang 8)

lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại Sài Gòn, rồi chỉ huy công an Nam Bộ, đại biểu Quốc hội đầu tiên của Sài Gòn. Những năm đầu kháng chiến, chính uỷ Khu 9 (tây Nam Bộ), trước khi được gọi lên Việt Bắc dự Đại hội Đảng (1951) và chuyển sang công tác tuyên huấn ở miền Bắc (cho đến 1975). Cái chết “đồng chí” Bảy Trấn được Uỷ ban nhân dân và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc phường 6 quận 3 thông báo trong mấy dòng cáo phó trang 3 của báo Sài Gòn giải phóng. Theo những nguồn tin đáng tin cậy, thì giờ chót, tên của Đảng uỷ phường 6 đã được rút khỏi cáo phó, hàm ý rằng sau Đại hội 8, quyết định khai trừ ông Trấn khỏi hàng ngũ ĐCS đã được thi hành mà không công bố.

Cho đến nay, cuộc tranh luận trong nội bộ ĐCS về cuộc khởi nghĩa năm 45 ở Nam Bộ vẫn chưa kết thúc, vai trò của các nhân vật như Nguyễn Văn Trấn, Trần Văn Giàu... chưa được đánh giá công khai và công bằng. Có điều chắc chắn là

Tư tưởng Hồ Chí Minh

và *con đường cách mạng Việt Nam*, do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (Sự Thật cũ) phát hành năm 1997, 360 trang, là một cuốn sách do đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ biên. Đây là kết quả một *đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước*, cùng tên với sách, mang mã số KX.02.01. Trang 4 cho biết tướng Giáp và ông Đặng Xuân Kỳ là *chỉ đạo biên soạn*, còn đại tá, phó giáo sư Nguyễn Văn Trung là người *biên soạn chính*.

Mọi người đều biết các văn kiện chính thức của ĐCSVN hiện nay đang dùng cái gọi là *tư tưởng Hồ Chí Minh* để lấp chỗ trống do sự sụp đổ của các giáo điều Mác Lê, Stalin và Mao. Không ngạc nhiên nếu như phần lớn cuốn sách là một chuỗi dài văn bia vô vị. Nhưng không chỉ có vậy. Một vài trang, một vài ý đáng chú ý. Thí dụ 4 trang 91-94, khi các tác giả phân tích quan niệm của Nguyễn Ái Quốc được trình bày trong các *chánh cương, sách lược, chương trình tóm tắt* (tháng 2.30), những văn kiện mà 8 tháng sau, theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Trung ương và tổng bí thư Trần Phú đã phê phán nặng nề và ra nghị quyết thủ tiêu. Chú thích ở dưới trang 94 viết : “ *Từ trang 91 đến trang 94 là quan điểm và cách đặt vấn đề của tập thể tác giả cuốn sách này*”. Giải mã như thế này có khiên cưỡng quá không : từ trang 1 đến trang 90, rồi từ trang 95 đến cuối sách, không phải là quan điểm và cách đặt vấn đề của các tác giả.

Bản lĩnh, tầm nhìn kiệt xuất của Hồ Chí Minh được tôi luyện trong những năm 30 là thời gian ông bị kết án là hữu khuynh, dân tộc chủ nghĩa, và đã thể hiện trong thập niên 40, khi thời cơ và tình hình quốc tế cho phép ông thực hiện đường lối của mình, độc lập với Quốc tế Cộng sản, cũng như với các đảng cộng sản Pháp, Trung Quốc. Từ năm 50 trở đi, chủ nghĩa Mao tràn sang, quan điểm của ông bị đẩy lui, vai trò của ông giảm dần đi, tỉ lệ nghịch với sự sùng bái *Bác Đảng*.

Bao giờ những thứ bùa ngải *tư tưởng Hồ Chí Minh* mới nhường chỗ cho sự nghiên cứu lịch sử nghiêm chỉnh ?

Kiến Văn

lịch sử báo chí và xuất bản của nước ta sẽ mãi mãi ghi nhận thành tích không tiền lệ của ông Bảy Trấn : viết, in rồi phát hành hàng trăm bản cuốn sách dày hơn 500 trang *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội* mùa hè năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong một chế độ mà tất cả 400 tờ báo và mấy chục nhà xuất bản đều nằm trong tay một đảng.

Ba năm trước khi “ *đi gặp Mẹ* ” (bà cụ từ trần trước ngày đất nước thống nhất) ông già chợ Đệm *viết cho Mẹ* thì cũng dễ hiểu. Còn tại sao viết cho cả Quốc hội ? Cuối sách, tác giả trả lời : để đặt một câu hỏi thôi. Số là, 60 năm về trước, dưới chế độ thực dân, ĐCS đã phân công ông làm báo. Và theo đúng luật 29-7-1881, được áp dụng ở cả Nam Kỳ, ông đã tự do ra báo Dân Chúng mà không cần xin phép. Cho nên câu hỏi mà ông đặt cho 500 đại biểu Quốc hội (nhiều người gọi ông bằng chú Bảy, như đương kim thủ tướng), là : “ *Làm sao tôi ra được một tờ báo ?* ”. Bởi vì “ *đối với tôi, chỉ có một phương pháp chúng tôi là người tự do, là ra sắc lệnh (décréter) mọi người đều được ra báo không phải xin phép* ”.

P.Q.

Vấn chuyện ông Lê Lai

Nguyễn Dư

Diễn Đàn số vừa qua (số 74, 5.1998) có đăng bài *Ai giết Lê Lai?* của tôi và bài trao đổi ý kiến *Nói chuyện Lê Lai, mà Lê Lai nào?* của Nguyễn Thắng. Trong tinh thần thảo luận nghiêm túc, yêu cầu **Diễn Đàn** cho tôi được trao đổi ý kiến với Nguyễn Thắng. Xin cảm ơn **Diễn Đàn**.

Nguyễn Thắng không đồng ý với tôi, bác bỏ “kịch bản” của tôi trên ba điểm chính:

1) Cự hình của quân Minh dành cho Lê Lai, theo Nguyễn Thắng, có nghĩa là “*giết chết bằng những hình phạt không có ghi trong Hình thư, ác độc có lẽ còn hơn lăng trì*”.

2) Nguyễn Thắng cho rằng tôi đã “*vội hiểu là thành Tây đô bị hạ (năm 1425)*”, đó là “*chuyện hoàn toàn trái ngược với lịch sử*”. Tôi đã “*hiểu sai Nguyễn Trãi, mà sai rất xa*”.

3) Có nhiều Lê Lai. “*Khi nói đến Lê Lai thì phải nói rõ là Lê Lai nào*”.

Chắc chỉ còn phép độn thổ mới cứu tôi được. Sách vở, tư liệu dẫn ra cả đấy, phen này hết chối cãi nhé! Thú thực là tôi... rịn mồ hôi lạnh! Tự ti mặc cảm.

Thế là cờ đã vào thế hiểm!

Sau một đêm trần trọc, sau một ngày “*bình tâm đọc lại sử*”, tôi xin trao đổi ý kiến với Nguyễn Thắng trên ba điểm được nêu ra.

a) Quân Minh có giết Lê Lai không?

Các hình phạt ngày xưa được ghi trong Hình Thư, được Nguyễn Thắng kể rõ ràng. Không có gì cần nói thêm. Có chăng là ở chỗ Lê Lai bị “*xử bằng cực hình khác hẳn các hình phạt thường dùng*”, nghĩa là không có trong Hình Thư.

Nguyễn Thắng kết luận là Lê Lai bị “*giết chết bằng những hình phạt không có ghi trong hình thư, ác độc có lẽ còn hơn là lăng trì*”.

Có thể lắm. Nguyễn Thắng có 50% lí để nói như vậy. Nhưng tôi không loại trừ 50% lí còn lại để đưa ra khả năng ngược lại, nghĩa là cực hình không nhất thiết phải là giết chết. Chính Nguyễn Thắng đã kể ra một trường hợp: có một ông Lê Lai “*đã lấy thân thay (Lê) Thái Tổ trong cơn nguy hiểm, gần chết mà sống lại*”. Ông này có chết đâu. Chúng ta sẽ trở lại chuyện mấy ông Lê Lai ở phần sau.

Năm 1427, Lê Lễ và Lê Xí cầm quân ra trận, bị quân Minh “*bắt được đem về thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất bị giết. Xí về sau nhân ban đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lừa kẻ canh giữ thoát về được, vào ra mắt vua ở dinh Bồ Đề. Vua kêu lên rằng: “Sống lại”*”. (Toàn Thư, tr. 33).

Rất có thể Lê Xí cũng bị cực hình nhưng không bị giết chết.

Còn tôi, tôi dựa vào đầu để cho rằng Lê Lai không bị quân Minh giết? Tôi dựa vào lời... Nguyễn Trãi: “*khác hẳn các hình phạt thường dùng*”. Ai kể cho Nguyễn Trãi biết điều này? Chắc chắn là tác giả của những hình phạt này giữ “*bí mật quân sự*”. Khả năng do chính nạn nhân kể lại chiếm ít nhất cũng là 50%. Ngày xưa cũng như ngày nay, thỉnh thoảng người ta lại được biết những “*tội ác chưa từng thấy*” do những nạn nhân sống sót kể lại.

Thường thường, sử sách xưa viết rõ các hình phạt mà nạn nhân phải chịu hoặc nói rõ bị đánh, bị phạt, bị hành hạ đến chết. Hơn ai hết, các ông con trời ngày xưa quan niệm rằng hạ nhục ai, hành hạ cho “*chết đi sống lại*” có khi còn ác hơn là giết chết.

Lê Lai bị xử bằng cực hình khác hẳn các hình phạt thường dùng, không cho phép ta khẳng định là ông bị tử hình.

Tôi vẫn nghĩ rằng quân Minh dùng những cực hình, tôi diễn dịch theo ngôn ngữ ngày nay là “*tra tấn dã man*”, để hành hạ Lê Lai, nhưng chúng không giết ông. Tôi còn cho rằng quân Minh muốn khai thác Lê Lai giữ ông làm con tin. Và sau này Lê Lai đã kể lại những cực hình này. Biết đâu trong lúc kể, Lê Lai lại chả quá lời, nói ra những lời ngạo mạn?

Dĩ nhiên về điểm này, tôi rất đồng ý với Nguyễn Thắng là “*không thể tùy tiện mà diễn dịch ra sao cũng được*”.

b) Tình hình thành Tây đô năm 1425

Tôi đưa giả thuyết Lê Lai được giải cứu khỏi thành Tây Đô năm 1425. Tôi dựa vào 3 đoạn viết của Nguyễn Trãi và Ngô Sĩ Liên.

Năm 1425, tháng 5, “*vua bèn chia hai nghìn tinh binh, hai thớt voi, sai bọn cháu ngoại là Lê Lễ, Lê Sát, Lê Bị, Lu Triện, Lê Nhân Chú* suốt ngày đi ra đánh úp thành Tây đô. Giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh vỡ, bắt được đảng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Phàm nhân dân ở gần thành giặc, mảy may không xâm phạm.

“*Bấy giờ nhân dân (...) chưa đầy ba ngày, bộ ngũ sắp xong hết, liền vây thành Tây đô*”. (Lam sơn thực lục)

Năm 1425, tháng 5, “*Bấy giờ quân giặc đến cứu thành Nghệ An, vua đoán là các thành Tây đô đều ít quân yếu sức, lại chọn lấy hai nghìn quân tinh nhuệ, và hai con voi, sai bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gấp đường tắt đánh úp thành Tây đô, chém được hơn 500 thủ cấp, bắt sống được rất nhiều. Người Minh đóng cửa giữ thành chống giữ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hoá tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn vây lấy thành*” (Toàn Thư)

(...) Chu Kiệt bỏ củi, Hoàng Thành phơi thây
Đất Nghệ An chiếm lại, Tây đô thu nhanh về tay
Gạo nước đón rước
Người theo đây đường... (Phú núi Chí linh)

Theo **Lam Sơn thực lục**, ta được biết rằng nghĩa quân suốt ngày đi ra đánh úp thành Tây đô. Giặc Minh đóng cửa chống giữ. Nghĩa quân đánh vỡ. Chém và bắt được nhiều giặc. Sau đó vây thành.

Theo **Toàn Thư** thì nghĩa quân đi đường tắt đánh úp thành Tây đô, giết và bắt sống được nhiều giặc Minh. Quân Minh đóng cửa thành chống giữ. Dân quân Lam Sơn bèn vây lấy thành.

Cũng theo Nguyễn Trãi thì đã có lúc “ *Tây đô thu nhanh về tay* ”.

Tôi dựa vào sự kiện “ *đánh úp thành Tây đô* ”, “ *đánh võ* ” và “ *thu nhanh về tay* ” để nghĩ rằng nghĩa quân đã đột nhập vào bên trong thành Tây đô và tôi đưa ra giả thuyết là Lê Lai được giải cứu trong dịp này.

Mục đích của Lê Lợi là đánh úp thành Tây đô. Nghĩa quân đánh võ được. Sau đó (vì một lý do nào đó ?) nghĩa quân rút lui khỏi thành. Nhân dân ngoài thành mới “ *gạo nước đón rước, người theo đầy đường* ”. Lê Triệu ra lệnh “ *phàm nhân dân gần thành giặc, may may không xâm phạm* ”. Dân quân cùng vây thành.

Nguyễn Thắng viết rằng “ *quân Minh bị đánh võ khi ấy là quân ngoài thành* ”. Không thấy Nguyễn Trãi và Ngô Sĩ Liên nói điều này.

Hai chữ “ *đánh võ* ” của Nguyễn Trãi có nghĩa gì ? Nguyễn Thắng trích dẫn một đoạn văn cũng của Nguyễn Trãi : năm Bính Ngọ (1426), “ *Trong một thời gian ngắn, mấy thành (Điêu Diêu, Thị Cầu, Xương Giang, Khâu Ôn) đều võ. Chỉ có Đông đô, Tây đô, Cổ Lộng, Chí Linh là bốn thành chưa hạ được mà thôi* ”. Bốn thành bị “ *võ* ” ở đây là bốn thành bị nghĩa quân đột nhập đánh thắng bắt hàng.

Cùng người viết (Nguyễn Trãi), cùng văn phong, văn cảnh (đánh thành), chắc là chữ võ có cùng một nghĩa. Trong trận đánh úp thành Tây đô, giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh võ, bắt được đấng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Tôi nghĩ rằng nghĩa quân đã có lúc đánh võ quân Minh phòng thủ thành Tây đô, đã “ *thu nhanh về tay* ” và nhân dịp này đã giải cứu được Lê Lai.

Cần nói thêm tí xíu là tôi không hề viết, không hề “ *vội hiểu là thành Tây đô bị hạ* ”. Sứ rành rành ra đó, đọc đi đọc lại cả chục lần (hay hơn), tôi chưa dám bạo gan đến cỡ cho nghĩa quân hạ thành Tây đô năm 1425. Tôi viết “ *nghĩa quân Lam Sơn chiếm thu Nghệ An, Tây đô năm 1425* ”. Tôi thận trọng dùng lại chữ chiếm và chữ thu của Nguyễn Trãi.

Nguyễn Thắng thuyết giảng khá dài về chiến lược vây thành của Lê Lợi - Nguyễn Trãi. Đúng 100%. Nhưng đó là chuyện xảy ra sau trận đánh úp thành Tây đô.

Thứ tự các câu viết của Nguyễn Trãi thật là quan trọng. “ *Suốt ngày đi ra đánh úp thành Tây đô. Giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh võ...* ”. Nguyễn Trãi viết rất rõ, rõ hơn Ngô Sĩ Liên.

Hy vọng rằng tôi không “ *hiểu sai Nguyễn Trãi, mà sai rất xa* ”.

c) Có nhiều ông Lê Lai

Ông Lê Lai tôi nói tới trong bài là Lê Lai theo Lê Lợi từ ngày đầu và ông tư mã Lê Lai bị Lê Lợi giết năm 1427.

Sử ghi rằng sau khi lên ngôi vua (1428), Lê Lợi phong thưởng các công thần, ban họ vua, quốc tước cho một số người

(trong đó có Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi v.v...)

Các ông Nguyễn Thận, Lê Văn An, Nguyễn Bá Lai, được ban họ Lê, được ban quốc tước, sớm nhất cũng là từ năm 1428 trở về sau. Như vậy thì ba ông Lê Lai không phải, không dính dáng gì tới hai ông Lê Lai tôi nói tới. Trừ phi có sự nhầm lẫn của đời sau (chẳng hạn như năm 1427 nhầm thành 1437 ?).

Lê Lai người Dụng Tú tên thật là Lê Lai. Tư mã Lê Lai bị giết năm 1427 cũng có tên thật là Lê Lai (vì năm 1427 chưa có chuyện ban họ Lê). Nếu là hai người khác nhau thì sự trùng tên thật là hi hữu.

Thêm một chi tiết khác. Năm 1427 “ *gia phong thị trung Tư Tề là tư đồ, đại tư mã Lê Nhân Chú là tư không, thiếu úy Lê Vãn, Lê Sát là tư mã, thượng tướng Lê Bôi làm thiếu úy, và răn rằng : “ Chúc tước đã cao, khuya sớm chó lười, không được lãng chí mà bỏ việc ” (Toàn thư)*.

Ông Lê Lai bị giết có chức tư mã là một chức lớn. Các nhà sử học thử tìm chức tước của ba ông Lê Lai - Nguyễn Thận, Lê Văn An, Nguyễn Bá Lai, xem có tìm ra được điều gì bổ ích hay không ?

Nguyễn Thắng trách tôi “ *phải gượng ép ngữ nghĩa và bỏ rơi không kể đến nhiều tư liệu quan trọng thì mới dựng lên việc Lê Lai (...) không bị quân Minh giết hại* ”. Tôi “ *phải moi bằng cớ, uốn dữ kiện chứng minh cho được là Lê Lai còn sống đến 1427* ”.

Nguyễn Thắng trách đúng... một phần. Đã mang thân Việt kiều, lại còn làm Việt kiều tỉnh lẻ, tôi có ít tư liệu lắm, thua xa Việt kiều Paris, nhất là thua xa một trời một vực so với các vị ở trong nước có đầy đủ thư viện, sách báo, sử ta, sử tàu. Nhưng điểm yếu kém này vẫn không cho phép tôi “ *dựng* ” chuyện. Điểm yếu kém thứ nhì của tôi là tin Nguyễn Trãi và Ngô Sĩ Liên hơn các tác giả của mấy trăm năm về sau.

Tôi dựa vào ba văn bản xưa nhất, nghĩa là ít sai lầm nhất, thử lần mò tìm hiểu một trang sử Việt Nam.

Cũng may cho tôi, mấy tư liệu Nguyễn Thắng đưa ra về lai lịch ba ông Lê Lai được phong quốc tước, họ vua, xem ra cũng không cần thiết cho cuộc thảo luận ở đây.

Suy đi nghĩ lại, tôi thấy vẫn có lí do để bảo vệ “ *kịch bản* ” của mình.

Xin chấm dứt bằng câu mở đầu của Nguyễn Thắng : “ *Nghề đọc sách cũng lắm công phu* ” !

Viết thêm cho bạn bè

Tôi nghĩ đến các bạn học của tôi. Đám bạn học tiểu học ở Hà Nội, trung học ở Tân Định, Bà Chiểu Sài Gòn. Chúng tôi được học sử qua cuốn sách được nhà học chính, bộ Giáo dục công nhận, cuốn **Việt Nam sử lược** của Trần Trọng Kim. Tôi còn nhớ chập chờn cả hình vẽ trong cuốn sách tập học lớp ba hay lớp nhì hồi đó : ông Lê Lai mặc áo bào bị hai tên Minh giữ hai tay, tên thứ ba cầm giáo đâm ông. Bài học được mang tựa là *Lê Lai liều mình cứu chúa*.

Rốt cuộc chỉ có Trần Trọng Kim đứng một mình. Ông viết

rằng Lê Lai bị quân Minh “ bắt được giết đi, rồi rút quân về Tây đô ”. Lê Lai bị giết ở chiến trường như hình vẽ minh hoạ.

Nhưng chúng ta được biết Nguyễn Trãi không kể chuyện Lê Lai bị quân Minh giết, Ngô Sĩ Liên không kể chuyện Lê Lai bị bắt. Trần Trọng Kim kể đầy đủ. Tôi đoán là Trần Trọng Kim đã dựa vào bộ **Khâm định Việt sử thông giám cương mục** (gọi tắt là Cương mục) của nhà Nguyễn được khắc in năm 1884.

Dương Quảng Hàm, tác giả một cuốn sách khác cũng được bộ giáo dục công nhận (**Việt Nam văn học sử yếu**, 1941, Nxb Xuân Thu, Hoa Kỳ, in lại) nhận xét về bộ sử của nhà Nguyễn như sau (tr. 376) :

“ *Cách chép : Bộ này chép theo phép biên niên và phép cương mục. Lại có những lời cần án là lời phê bình những điều đã chép ở sử cũ mà các nhà san định bộ Cương mục cho là sai lầm (...).* ”

Giá trị : Bộ này thu thập được nhiều tài liệu ở sử cũ và sách cũ để bổ những chỗ khuyết ở bộ Đại Việt sử ký. Nhưng một đôi khi cũng làm sai sự thực đã ghi ở sử cũ và vẫn theo phép biên niên khiến cách chép việc thành ra gián đoạn không được quán thông nhất trí ”.

Tình cờ đọc **Đại Việt sử ký** mới giật mình, mới vội tra tìm trong **Lam Sơn thực lục**, văn thơ Nguyễn Trãi, hy vọng may ra có hiểu thêm gì chăng ?

Chắc chắn là có rất nhiều người đã đọc và biết “ nghi án lịch sử tày đình ” này. Ít ra là những người dịch Toàn thư và 2400 người có may mắn có bản dịch trong tay (bộ **Đại Việt sử ký toàn thư** tôi có được in 2 400 cuốn). Tôi chỉ là một trong những người may mắn này, nhưng cũng phải hơn 10 năm sau mới tình cờ đọc được một câu nói về tư mã Lê Lai bị giết.

Tôi viết, hay gọi là “ dựng lên kịch bản ” cũng chả sao, trước hết để tặng đám bạn tôi, một lũ được học cùng một bài bản. Nếu có lặp lại những điều có người nói rồi thì tôi xin lỗi đã làm nhầm tai bạn đọc (biết rồi, khổ lắm, nói mãi). Nếu có ý nào mới (đúng hay sai) thì xin gọi là gợi ý hay góp ý.

Nguyễn Dư
(12.5.98)

lời bàn của Nguyễn Thăng

Đã có lời nhắc bạn Nguyễn Dư đọc **Đại Việt thông sử** của Lê Quý Đôn, bộ sử ghi chép một số dữ kiện không tìm được ở nơi khác. Chắc rằng bạn không sẵn quyển này sẵn dưới tay, nếu có đọc qua thì đã tan đi cái phần bạn còn nửa tin nửa ngờ trên những điểm chính của vấn đề thảo luận.

a) Cái chết và tử thi của Lê Lai : Theo truyền thống Trung quốc từ Tả Khâu Minh, Tư Mã Thiên, lối viết sử xưa của ta lời văn cô đọng, mà từ dùng chính xác. Khi Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn đã hạ bút sử gia viết “ xử cực hình ” thì người chịu hình không còn để mà về kể chuyện lại nữa đâu !

Xin trích dẫn Lê Quý Đôn kể về cái chết của Lê Lai :

“ Ông bèn dẫn hai con voi và 500 quân kéo thẳng tới trại giặc khiêu chiến. Giặc dốc hết quân ra đánh, ông cưỡi ngựa tốt, xông thẳng vào giữa trận hô to lên rằng : “ Chúa Lam Sơn chính là ta đây ”, rồi đánh giết được rất nhiều quân giặc. Khi đã kiệt sức, ông bị địch bắt, xử cực hình. (...)

Vua cảm động vì lòng trung nghĩa của ông, trước hết sai người ngầm tìm di hài ông, đem về mai táng ở Lam Sơn. ” (Lê Quý Đôn Toàn tập, tập III, Đại Việt thông sử, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1978, Truyện Lê Lai, tr. 157)

b) ít nhất là có hai Lê Lai : Lê Quý Đôn đã ghi về Lê Lai người thôn Dưng Tú : “ Năm Bình Thân (1416) vua cùng 18 vị tướng thân cận của nhà vua liên danh hội thề, nguyện cùng sống chết có nhau, ông (Lê Lai) cũng có dự trong số đó, ông được trao chức tổng quản phủ Đô tổng quản, tước Quan nội hầu ” (s.đ.đ. tr.156).

Và, sau khi việc chôn cất xong ghi : “ Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), phong ông là công thần hạng nhất, tặng là Suy trung Đồng đức Hiệp mưu Bảo chính Lũng Nhai công thần, hàm thiếu úy, thụy là Toàn Nghĩa. Tháng 12 năm sau, nhà vua sai Nguyễn Trãi (viết) hai bản lời thề ước trước và lời thề nhớ công của Lê Lai, để vào hòm vàng, lại gia phong cho ông hàm thái úy. Năm Thái Hoà thứ nhất (1443) ban tặng là Bình Chương quân quốc trọng sự, ban cho túi kim ngân, ấn vàng, tước huyện thượng hầu ” (s.đ.đ., tr. 157).

Lê Quý Đôn cũng ghi sự việc năm 1427 “ Viên tư mã là Lê Lai, cậy có chiến công, thường thốt ra những lời khinh nhờn. Vua sai xử tử và tịch thu gia sản ” (s. đ. d. tr. 56)

Như vậy, Lê Quý Đôn đương nhiên xem là có hai Lê Lai. Trùng tên, trùng họ, nhưng khác năm chết, khác chức tước.

Lời văn ông trang trọng khi chép việc của đệ nhất công thần Lê Lai người Dưng Tú. Đến tư mã là Lê Lai bị tội xử tử năm 1427 thì giọng văn khác đi, lạnh như tiền.

Sử không nói rõ khi nào ghi tên họ được ban quốc tính, khi nào không. Lam Sơn thực lục chép năm 1425 đi đánh úp Tây đô có các tướng Lê Lễ, Lê Bị, hai người này nguyên tên là Đinh Lễ và Bùi Bị ; Toàn thư ghi Lê Lễ, Lê Xí bị giặc Minh bắt năm 1427, Lê Lễ chính là Đinh Lễ này, còn Lê Xí là Nguyễn Xí. Lê Bị bị bắt năm 1427 sau được quân Minh lấy lễ đưa về nguyên tên là Đỗ Bị, v.v...

c) Tây đô năm 1425 : Lam sơn thực lục chép : “ ... Lê Lễ, Lê Sát, Lê Bị, Lê Triện, Lê Nhân Chú suốt ngày đi ra đánh úp thành Tây đô. Giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh vỡ, bắt được đảng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Phạm nhân dân ở gần thành giặc, may may không xâm phạm. ”

Quân ta đánh vỡ cái gì ?

“ Đánh vỡ ” đi ngay sau câu “ Giặc đóng cửa (thành) chống giữ. ”. Thuận nhất là hiểu “ thành ” bị vỡ.

Có điều hiểu như vậy thì lại trái đi với lô gíc nội tại của Lam Sơn thực lục đã chép ngay sau đó “ Chưa đầy ba ngày, bộ ngũ sắp xong hết, liền vây thành Tây đô ”.

Cũng như trái với Toàn Thư ghi rằng : “ ... bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gấp đường tắt đánh úp thành Tây đô, chém được hơn 500 thủ cấp, bắt sống được rất nhiều. Người Minh đóng cửa giữ thành chống giữ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hoá tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn vây lấy thành ”.

Đại Việt thông sử cũng chép tương tự như Toàn Thư.

Vì vậy tôi hiểu đây là đồn trại bảo vệ thành bị “ vỡ ”. Nghĩa quân chém được 500 thủ cấp, bắt nhiều tù binh, quân Minh rút vào thành Tây đô cố thủ. Nghĩa quân chiêu dụ dân chúng, chiêu mộ lính mới, thu thập lương thực, vây thành.

Bạn Nguyễn Dư cho là “ thành bị vỡ ”. Có dịp giải cứu lấy được Lê Lai, nhưng sau đó phải cho nghĩa quân rút ngay ra ngoài thành “ vì một lý do nào đó ” rồi lại kéo trở lại vây thành.

Tôi trân trọng ghi nhận lối hiểu của bạn Nguyễn Dư. Chỉ xin mạn phép không tin theo thôi. Một khi sách đã in ra và đi vào công chúng, hiểu theo ý riêng của mình là quyền của độc giả. Đó cũng là một trong những cái thú của người đọc sách.

Nguyễn Thăng

Lê Lai đại chiến Hoàng Cầm

Đặng Tiến

Báo *Diễn Đàn* số 74 vừa qua có đăng hai bài đối chiếu về cái chết của Lê Lai. Sáng kiến của toà soạn rất hay và vui. Câu chuyện trao đổi ý kiến bao giờ cũng vui miễn là lễ độ.

Tôi xin thêm vài sự kiện vào bài viết công phu của Nguyễn Thắng. Tác giả Nguyễn Dư nhằm Lê Lai (A) liêu minh cứu chúa với Lê Lai (B) bị quân kỷ năm 1427. Anh không phải là người đầu tiên đặt vấn đề, mà các tác giả *Lam Sơn khởi nghĩa* (1) đã giải đáp thoả đáng. Họ còn cho biết ngoài hai ông A và B này còn có 3 Lê Lai khác cùng thời. Anh Nguyễn Dư đưa ra lý luận : sử cũ không nói là quân Minh giết Lê Lai ; sự thật, Lê Quý Đôn có nói rõ trong *Đại Việt thông sử* : “ quân Minh dẫn Lê Lai vào thành Đông Quan giết chết ” (2) năm 1418. Rất nhiều sử liệu ghi lại việc Lê Lợi chăm sóc con cái Lê Lai, truy phong Lê Lai... Dòng họ Lê Lai rất vinh hiển nhiều đời về sau.

Anh Nguyễn Dư dựa trên *Lịch sử Việt Nam* viết “ Gia đình Lê Lai có 5 người theo cuộc khởi nghĩa, thì 4 người đã hy sinh trong chiến đấu. Còn một người sống sót, đó chính là Lê Lai ”. Sao lại chính là ? Theo tính xác suất, thì Lê Lai phải chết 80 % chứ ? Sự thật thì gia đình Lê Lai chết đến 100 % “ trong chiến đấu ”. Anh là Lê Lân chết trận Khả Lưu năm 1425. Con trưởng là Lê Hy sinh tại Nghệ An cũng năm ấy. Con thứ là Lê Lộ chết trận Trà Lân, tháng 10-1424. Con út là Lê Lâm hy sinh sau ngày giải phóng, tại động Hồng Di, mặt trận Ai Lao năm 1430.

Nhưng đặc biệt là Lê Niệm, con Lê Lâm, cháu nội Lê Lai, làm nên sự nghiệp lớn. Có công phù lập Lê Thánh Tông, Lê Niệm là người cầm quân tiêu diệt Chiêm Thành, chiếm thành Đồ Bàn, bắt Trà Toàn. Lê Niệm còn là nhà thơ, từng xướng hoạ với Thánh Tông, còn để lại tác phẩm.

Một việc nữa cần bàn là chức *tư mã* trong câu “ giết *tư mã* (trùng tên) Lai ”. Có lẽ đây là một chức quan địa phương, vì trong cùng một đoạn (1427) các sử gia đều có ghi “ *tư mã Tuyên Quang là Lương Thế Vinh... Tư mã trấn Thiên Quan là Cao Ngự...* ”. Còn chức *tư mã* “ lập ” cho Đèo Mạnh Vương như Nguyễn Dư đã dẫn là một danh xưng để mua chuộc giới tù trưởng. Nó không quyền uy cấp trung ương như chức *nhập nội đại tư mã* (có lẽ tương đương với tham mưu trưởng hay tư lệnh chiến dịch bây giờ) lúc đó trong tay Lê Nhân Chú hay *nhập nội tư mã* như các *thiếu úy* (= đại tướng) Lê Văn, Lê Sát.

Nhưng vấn đề lại nằm ở chỗ khác : Đèo Mạnh Vương không bị giết năm 1432 như Ngô Sĩ Liên đã ghi và bạn Nguyễn Dư đã trích dẫn ; vì chỉ mười trang sau thì *Đại Việt sử kí toàn thư* (3) lại ghi Đèo còn sống và tranh quyền với em (ngày 14.2.1434) và tự tử vào tháng 2.1448, lúc đó từ chức *tư*

mã đã thăng chức... *tư không* (của Động Phục Lễ). Về chuyện này, Lê Quý Đôn ghi : “ Tháng 11 (1432) Cát Hân và con là Mạnh Vương xin hàng, được nhà vua tha tội. Khi Cát Hân tới kinh tạ tội, được phong chức *tư mã* ” (2). Ở đây là vàng mã. Còn *tư mã* thật, lúc đó là Đinh Liệt, người đã chém Liễu Thăng.

Khi Nguyễn Dư viết : “ sau này Lê Lợi còn giết thêm một *tư mã nữa* ” thì chữ *tư mã* không rõ nghĩa (ở một nơi khác và thời khác có ông Tư Mã đất Giang Châu, chỉ ngồi thuyền, uống rượu, ngắm trăng và nghe hát, mà, mà nước mắt đầm tràng áo xanh. Ông này không ngựa xe đánh chác gì).

Còn việc chém *tư mã* Lê Lai (B) năm 1427 cùng với một số viên chức nhỏ như thiên hộ Lý Vân và tùy tùng vì tội chuyên chở muối trái phép, thì đây là một biện pháp quân kỷ, ở một giai đoạn quyết liệt, một mất một còn với địch. Nghĩa quân Lam Sơn phải tận dụng vũ lực và mưu lược để vừa công thành vừa diệt viện, nhất là diệt viện. Công thành thì nghĩa quân đã có lực lượng và kinh nghiệm sau 10 năm chiến đấu, nhưng lúc đó cũng chao đảo, gây mất hai đại tướng : Lê Triện và Đinh Lễ. Công thành nằm trong quy luật chiến tranh nhân dân và giải phóng ; còn dã viện, thật sự là chặn đứng xâm lược, là nhiệm vụ của quân đội quốc gia, với cấu trúc của nó. Mà Lê Lợi chưa có quốc gia. Vững mạnh như quân đội nhà Trần mà còn phải nhường đất, nhường cả kinh đô cho giặc. Lê Lợi có kinh đô đâu mà nhường ? Nghĩa quân phải tận dụng khả năng, về chiến lược, chiến thuật, ngoại giao, kinh tế, dân vận, binh vận... và không thể để một sơ hở nào về quân kỷ, do đó phải chém Lê Lai B về tội vọng ngôn, chém Lý Vân vì tội giao thương với địch. Hoàn cảnh này vượt quá vấn đề bạn Nguyễn Dư nêu lên, nhưng bổ sung vào bài viết rất đúng của Nguyễn Thắng nhấn mạnh vào chiến lược diệt viện của Lê Lợi. Và để tránh hiểu lầm về câu của Nguyễn Dư. Án tử hình của Lê Lai B nhắc lại vụ án Trần Dụ Châu thời chống Pháp hay Tạ Vinh thời Nguyễn Cao Kỳ.

☞

Chuyện nhầm người vì trùng tên vẫn thường xảy ra. Ví dụ trong văn học : trong một thời gian dài, chúng tôi nhiều người vẫn nghĩ rằng Chu Thiên (1913-1992) tác giả các tiểu thuyết lịch sử *Bút nghiên* (1942), *Nhà nho* (1943), *Bóng nước hồ Gươm* (1970) tên Hoàng Minh Giám là bộ trưởng ngoại giao thời 1946, té ra không phải. Ở Hà Nội, trước đó có hai Nguyễn Tường Lân đều nổi tiếng : một ông là hoạ sĩ, một ông là nhà văn (Thạch Lam) có người nhầm thật, có người lợi dụng cơ hội lấy chuyện người này để chửi người kia ; Vũ Bằng đã thừa nhận từng làm việc đó (1971). Hiện nay việc trùng tên giữa những nhà văn nhà thơ trong và ngoài nước vẫn thường xảy ra : Hoàng Lộc, Nguyễn Chí Trung, Hoàng Ngọc Tuấn...

Cách đây khá lâu một bạn đọc tại Thụy Sĩ, anh Thạch Xuân Hanh có viết thư về toà soạn hỏi về các ông Hoàng Cầm, nay mới có dịp trả lời và xin lỗi đã muộn màng :

1) Thượng tướng Hoàng Cầm : tên thật là Đỗ Văn Cầm sinh ngày 30.4.1920 tại Hà Tây ; lấy họ Hoàng, vì thời thượng lúc đó : Hoàng Văn Thái, Hoàng Minh Thảo... Năm

1954 chỉ huy trung đoàn Sông Lô, đơn vị chủ lực đánh vào Điện Biên Phủ, bắt sống tướng de Castries. Năm 1964 vào nam đánh các trận Phước Long, Đồng Xoài, tháng 4.1975 đánh trận Xuân Lộc, tư lệnh quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn ; 1979 đưa quân sang Campuchia ; 1982 : tư lệnh quân khu IV rồi đưa quân sang Lào 5 năm (chắc là đi du lịch) rồi về làm tổng thanh tra quân đội. Hiện nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh, đường Pasteur.

2) Người phát minh ra bếp Hoàng Cầm (không khói) là một bộ đội trùng tên với ông tướng, hiện sống ẩn cư tại một ngôi chùa heo hút tại Tam Đảo.

3) Nhà thơ Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt, tên như vậy vì quê làng Phúc Tăng, huyện Việt Yên (Bắc Giang), sinh ngày 22.2.1922 tức là đêm 12 tháng giêng năm Nhâm Tuất, mấy tiếng đồng hồ trước giờ mở hội quan họ, hội Lim. Thân mẫu là một cô gái quan họ. Ông ấy rất hứng thú về nguồn cội, kể đi kể lại mãi. Thời kháng chiến chống Pháp, nổi tiếng về bài *Bên kia sông Đuống*, làm trưởng đoàn Văn công Trung ương. Tham gia phong trào Nhân văn Giai phẩm, nổi tiếng về vở kịch thơ *Trương Chi* và bài viết bênh vực Trần Dần (1956). Bị trừ yếm một thời gian dài. Mới được phép in sách từ mười năm nay, chủ yếu là thơ. *Diễn Đàn* đã dành nhiều số báo cho nhà thơ.

Hiện sống tại Hà Nội, phố Lý Quốc, Su. Súc yếu nhưng vẫn bay bướm.

4) Nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm mang tên thật, sinh ngày 7.2.1952 tại Hà Nội. Tốt nghiệp khoa văn Đại học Hà Nội. Bộ đội binh chủng phòng không, chiến đấu chủ yếu ở khu IV. Giải thưởng báo Văn Nghệ 1973, giải thưởng Hội nhà văn 1993. Hiện làm việc tại Xưởng phim truyện Việt Nam tại Hà Nội. Tác giả 3 tập thơ và nhiều kịch bản phim.



Nhà thơ Lê Đạt có câu thơ nổi tiếng

Chiều Ấu Lâu bóng chữ động chân cầu

Bóng chữ là tên tập thơ, Ấu Lâu là sinh quán tác giả, nhưng tôi không biết ở đâu, không biết hỏi đâu. Tra danh mục cuối sách *Le paysan du delta tonkinois* của Pierre Gourou thì thấy Ấu Lâu là một làng phù cư, sống trên thuyền bè dọc sông Đuống, miệt Thuận Thành, gần quê Hoàng Cầm. Thú vị và thi vị quá ! Tha hồ mà tán trời trăng sông nước. Về sau mới biết là Bắc Bộ có hai Ấu Lâu ! Ấu Lâu của Lê Đạt ở miền trung du Vĩnh Phú.

Viết lách ở nước ngoài chủ yếu là để sống một giấc mơ. Lịch sử đất nước, ngôn ngữ dân tộc thay thế cho một quê hương đã xa xôi. Vậy bản thân tôi, hoặc bất cứ ai, có nhầm lẫn thì cũng mong được thông cảm, trong hoàn cảnh cô đơn và thiếu tư liệu.

Đặng Tiến
14.5.1998

(1) Phan Huy Lê & Phan Đại Doãn, *Lam Sơn khởi nghĩa*, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 152-157.

(2) Lê Quý Đôn, *Toàn tập*, tập III, nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 36 và 94.

(3) Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, nxb Khoa học Xã hội, 1968, cuốn III, tr. 76, 84 và 138.

Phan Huyền Thư

Tôi đi trên đường đầy bụi, thành phố của tôi

*Những cô nàng chân cong váy ngắn
loé xoé tiếng địa phương,
những cô nàng văn chương chữ nghĩa
chê nhau cổ uốn giọng thị thành.*

*Tôi đi trên đường đầy rơm
đồng quê cựa quây,
thôn nữ quần jean giầy da làm sao để cày cấy,
những trai làng ngày đêm vĩa hè đợi việc,
chầu chực một tương lai đô thị hoá nông thôn,
xe dream phóng thẳng vào thế kỷ "hai mốt"...*

*Tôi đi, hàng cây xanh
những nhà thơ uống bia và chủ tục,
chị lao công (người Hà Nội chính gốc)
đang lặng lẽ quét đường.*

*Tôi đi, tiếng còi hú dẹp đường,
xe đi họp lao như tia chớp
để lại đằng sau phố xá nườm nượp
những người chẳng hiểu mình sẽ về đâu.*

*Tôi đi, những thằng bé lau nhau,
chạy long đường bán vé số,
đánh giầy, " tử vi " và " kết quả " .
Thành phố của tôi,
mọi người sống và biết kết quả từng ngày.*

*" Kết quả đây ! "
một nghìn đồng một mẫu giấy
Mua đi, kết quả
để sống tiếp ngày mai...*

Ngựa đêm

*Như ngựa non tập phi nước đại em hí lên hân hoan
trong vũ điệu thảo nguyên gió liềm vào gáy đêm
một mùi cỏ thơm của sương âm thầm làm giọt.*

*Em là con ngựa đau chẳng khiến tàu thềm bỏ cỏ
bòm rôi tung và úc căng đầy trong màu đêm còn
trùng rên rí ngất ngậy ngựa non em cứ liềm mãi
vết thù trên lưng nhỏ giọt.*

*Thảo nguyên mênh mông những cây thông ghen
tuông nước mắt ứa ra mùi hăng hắc một con ngựa
điên vì không biết khóc đang nín thở nghe tiếng
anh tới mênh mang trong nhịp vó đàng lừng.*

1996

Album hay sổ tay ký họa ?

Văn Ngọc

Tình cờ tôi được một anh bạn họa sĩ người Pháp tên là Philippeaux cho xem một cuốn album ký họa của cụ cố thân sinh ra ông nội anh để lại.

Nguyên cụ Philippeaux (1860-1945 ?) sinh thời đã từng sang làm việc ở Đông Dương. Làm chức vụ gì thì con cháu bây giờ không ai được biết rõ. Chỉ biết rằng cụ đã từng làm cận vệ cho bà hoàng hậu Eugénie de Montijo (1826-1920), vợ của Nã Phá Luân đệ tam. Thời kỳ ở Đông Dương cụ làm trong ngành đo đạc gì đó. Cuốn album do một người Việt Nam làm việc dưới quyền tặng cụ.

Trong cuốn album, ở phần cuối có mấy tờ bị xé đi chắc là để có chỗ kẹp một tấm hình dán trên bìa cứng vào đó — hình chụp một người đàn ông Việt Nam tuổi trạc 30, mặc áo ta, đội khăn xếp — trên có mấy chữ đề tặng : *Affectueux souvenir à Mr Philippeaux, Hanoi le 7 Mars 1922*. Ký tên : *Đắc* (hay *Đạt*). Khi lật xem mặt sau tấm hình, lại thấy đề : *Mr Vũ Đình Long, Instituteur à Hadong (mon gendre)*. Như vậy, tấm hình là hình ông Vũ Đình Long (1896-1960), lúc đó còn làm giáo học ở Hà Đông, sau trở thành nhà soạn kịch nổi tiếng và chủ nhà in Tân Dân. Còn ông Đắc (hay Đạt), người tặng tấm hình cho cụ Philippeaux (có lẽ là để giới thiệu con rể mình), chính là bố vợ ông Vũ Đình Long.

Nhưng ông Đắc (hay Đạt) có phải cùng là một người đã tặng cuốn album cho cụ Philippeaux không ? Và ông có phải là một nghệ nhân, tác giả của những ký họa trong cuốn album đó không ? Nếu không thì ai là tác giả những ký họa đó ? Điều này khó mà biết đích xác được (1). Cũng như khó mà khẳng định được là những ký họa kia được vẽ vào năm nào, trước hay sau 1922 ? Vào thời Đồng Khánh hay thời Khải Định ?

Dẫu sao, thì cuốn *album*, hay chính xác hơn, cuốn *sổ tay ký họa* này cũng là một tư liệu hiếm hoi, một chứng tích cụ thể của cái *buổi giao thời* xã hội Việt Nam tuy ở trong hoàn cảnh bị trị từ lâu, nhưng cũng chỉ mới bước vào giai đoạn Âu hoá. Đó là thời kỳ mà người ta đang “*quảng bút lông đi nắm bút chì*”, bỏ chữ Nho đi học chữ Quốc ngữ (2).

Tác giả có thể là một trong những nghệ nhân đầu tiên đã sử dụng bút chì than để vẽ ký họa, mà lại vẽ vào một cuốn sổ tay, trên giấy bìa cứng. Đúng là một sự kiện mới mẻ. Tuy nhiên, cuốn sổ tay đã được dùng không phải là để ghi nhanh, với mục đích ghi chép, nghiên cứu, mà là để giới thiệu một số

đối tượng mà tác giả nắm rõ.

Về mặt dân tộc học, đây không phải là một tư liệu giàu thông tin và đa dạng như tập tư liệu của H. Oger (1909), vì nó chỉ tập trung vào một mảng đề tài nhỏ hẹp. Tuy nhiên, qua những trang ký họa, người ta có thể nhận thấy rằng tác giả là một nghệ nhân am hiểu khá tường tận về một mảng của nền văn hoá vật chất của người Việt Nam, đặc biệt là mảng đồ thờ cúng và trang trí truyền thống.

Cuốn sổ tay hình chữ nhật, khổ 13,5 x 22 cm, được đóng gáy và sử dụng theo chiều ngang (*à l'italienne*), dày hơn 100 trang, nhưng chỉ có 27 trang có hình vẽ. Giấy dày như giấy Canson 100g, nhưng mịn hơn, được dùng cả hai mặt, giữa hai tờ giấy có dính một tờ giấy bản mỏng để che chỗ cho các hình vẽ. Bìa bằng giấy bồi bọc vải lanh. Một mẫu bút chì than, loại bút chì *Conté* dài 7,5cm còn giắt ở gáy cuốn sổ. Trên mẫu bút chì còn đọc được nhãn hiệu H.C.A. PARIS in lần lên gỗ (3). Mặc dầu cả cuốn sổ đã vàng úa, trang đầu hơi bị hoen ố, nhưng nói chung các hình vẽ không bị phai mờ, nét chì than vẫn còn sắc nguyên.

Tất cả có 58 hình vẽ, chủ yếu xoay quanh một mảng đề tài, đó là những đồ thờ cúng : cờ, trống, giá gương, chuông, khánh, voi, ngựa, kiệu, cồng, võng, long, đỉnh đồng, và những mô típ trang trí truyền thống : Long Ly Qui Phượng, Thanh Long Bạch Hổ, Lưỡng Long Châu Nguyệt, v.v...

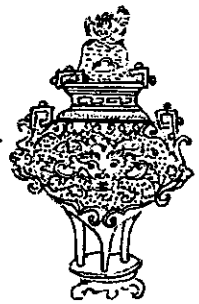
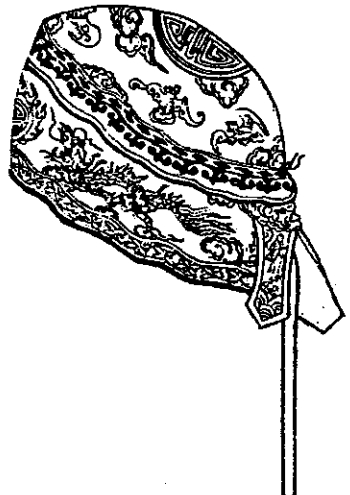
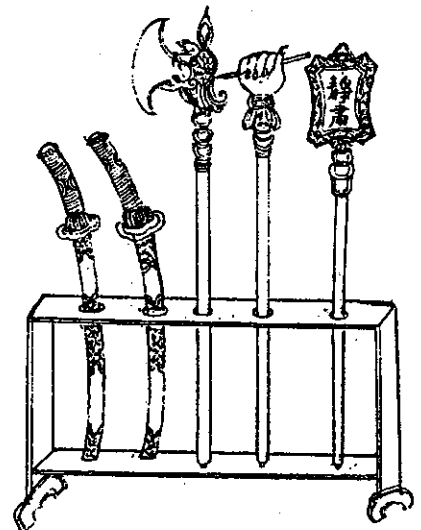
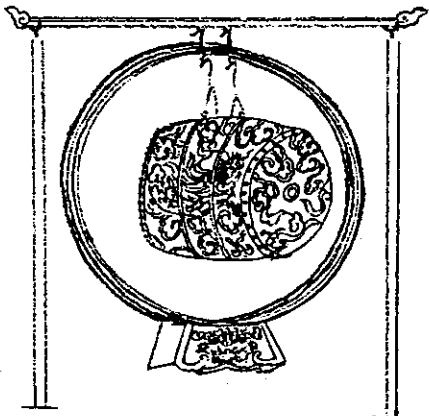
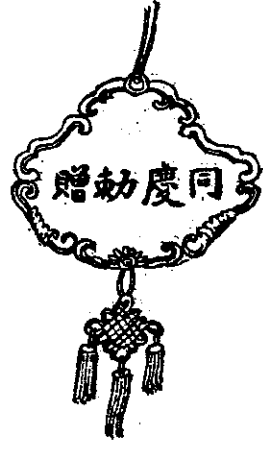
Mỗi trang sổ tay có từ một đến nhiều hình vẽ, không theo một thứ tự đặc biệt nào cả. Nét vẽ không phải là nét vẽ phác thảo, mà ngược lại là nét vẽ chính xác, tỉ mỉ, người vẽ tỏ ra rất thoải mái trong mảng đề tài này, và dường như thuộc lòng các đối tượng (trừ các nhân vật !)(4).

Các mô típ trang trí truyền thống phần lớn được vẽ theo trí nhớ, còn các đồ thờ cúng, một số được vẽ theo quan sát trực tiếp. Kỹ thuật vẽ là kỹ thuật truyền thống Á Đông, không sử dụng những quy tắc của phép viễn cận, của hình học, cũng như của kỹ thuật hình họa phương Tây, nói chung (xem hình vẽ cái giá trống, cái chuông, cái đỉnh, v.v...).

Điều đáng chú ý là tác giả đã sử dụng cây bút chì một cách khá thuần thục, nét vẽ già dặn, và không thấy dấu vết tẩy xoá. Nhiều chi tiết vẽ rất tỉ mỉ, nếu vẽ bằng bút lông, dù nhỏ đến đâu cũng chưa chắc vẽ được như thế (Đây là tôi nói vẽ, chứ *khắc* thì có thể khắc tỉ mỉ hơn cũng được). Đặc biệt hình vẽ bìa báo *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo* với những chi tiết trang trí và những hàng chữ Nho nhỏ li ti.

Tác giả vẽ thẳng vào cuốn sổ tay, lại vẽ lên giấy Canson cứng, rõ ràng không có ý định khắc ván in. Vì, như chúng ta biết, muốn khắc ván để làm tranh mộc bản theo kỹ thuật xưa, thường phải vẽ bằng bút lông và mực tàu lên giấy bản mỏng, để cho nét mực thấm qua mặt sau của tờ giấy bản, khi dán lật ngược lại lên ván gỗ, người thợ khắc chỉ cần theo đó mà khắc. Tranh khắc gỗ dân gian, từ tranh Đông Hồ đến tranh Hàng Trống đều sử dụng kỹ thuật này. Tập tranh của H. Oger cũng vậy (5).

Song, chúng ta cũng không loại trừ giả thuyết tác giả đã được đặt hàng để vẽ lên cuốn sổ tay này, và người đặt hàng có thể có dụng ý in thành một tập tư liệu bằng những phương tiện hiện đại mà thời đó đã có rồi.



ký họa thu nhỏ 61 %

Nét vẽ bằng bút chì than trên cuốn sổ tay đương nhiên khác với nét vẽ cổ truyền bằng bút lông mực tàu, do kỹ thuật vẽ và chất liệu sử dụng khác hẳn nhau. Nét bút lông vốn mềm mại, lại có khả năng vẽ nét to nét nhỏ linh hoạt, dễ dàng và thường sắc như nét khắc (trừ khi vờn màu, hay cấn màu như trong truyền thống tranh Hàng Trống), còn nét vẽ chì than thì xa với nét khắc hơn, cứng hơn và không sắc bằng, nhưng ngược lại có thể vẽ đậm hay nhạt tùy theo ấn mạnh hay nhẹ lên mặt giấy.

So sánh những ký họa vẽ bằng bút chì than trong cuốn sổ tay với những ký họa đã được khắc lên ván gỗ như tranh dân gian, nói chung, hoặc tập tranh của Oger, người ta còn có thể thấy một sự khác nhau nữa, đó là sự khác nhau giữa nét vẽ và nét khắc.

Sự khác nhau này chủ yếu do cách thao tác, và do dụng cụ khắc và vẽ khác nhau. Nét khắc gỗ thường sắc, gọn hơn. Đường khắc cũng thường dứt khoát hơn, không ngập ngừng, run rẩy, nhất là những đường cong, và nhất là trên những hình vẽ nhỏ (6).

Người thợ khắc, nếu là một nghệ nhân tài hoa, hay nếu lại chính là tác giả hình vẽ, thường hay thanh lọc và hoàn thiện nét vẽ lúc khắc lên gỗ. Vô hình trung, đây chính là một hình thức khái quát hoá và *cách điệu hoá*. Người nghệ nhân, trong động tác khắc, chỉ giữ lại những nét cơ bản, sống động nhất và tiêu biểu nhất cho *cấu trúc* của sự vật trong sự chuyển động, tức *nhịp điệu* của chúng. Có thể nói rằng, nét khắc nhiều khi có chất lượng nghệ thuật cao hơn nét vẽ, do mức độ cách điệu hoá cao hơn.

Do đó, mà tranh khắc gỗ khi đã đạt tới một trình độ nghệ thuật nào đó, thường có một phong cách và một vẻ đẹp riêng biệt, nhận biết được ngay, mặc dầu không chỉ có một hình thức cách điệu hoá, cũng như không chỉ có một loại nhịp điệu : có loại tranh nét khắc to và đều nhau, như nét chữ triện, có loại tranh nét linh hoạt, uyển chuyển, và sắc như dao. Trong tranh khắc gỗ dân gian Á Đông cổ, nói chung, nhiều thí dụ cho ta thấy rõ điều đó (7).

Những ký họa trong cuốn sổ tay, mặc dầu chưa được đưa lên ván khắc, chưa được *cách điệu hoá*, song không vì thế mà không có một giá trị nhất định về mặt nghệ thuật, cũng như về mặt tư liệu, do tính chất trung thực của chúng.

Ở đây sự phân biệt giữa nét vẽ bằng bút lông và nét vẽ bằng bút chì than thật ra cũng không còn lý do tồn tại nữa : nét bút chì than trên thực tế đã tỏ ra thích ứng với mảng đề tài này và đã hoàn thành được nhiệm vụ của nó một cách hiệu quả. Các đồ thờ đã được vẽ với những đường nét phong phú và một sự tỉ mỉ hiếm thấy. Những mô típ trang trí truyền thống (Long, Ly, Quy, Phượng), dường như cũng có thêm hồn dưới nét bút sinh động và đầy sáng tạo của tác giả.

(1) Các nghệ nhân dân gian xưa không mấy khi ký tên trên tác phẩm của mình, nhất là tác phẩm vẽ. Các tác giả vẽ ký họa trong tập tranh của Oger cũng đều không để lại tên tuổi, trừ mấy nghệ nhân khắc ván gỗ người Hải Hưng (Xem Nguyễn Mạnh Hùng, *Ký Họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, NXB Trẻ, TP HCM 1989, trang 85).

(2) Theo Nguyễn Văn Trung, trong *Chữ, Văn Quốc Ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*, NXB Nam Sơn, Sài Gòn 1974 : ngay từ sau khi đánh chiếm được đất Nam Kỳ (1860), chính phủ bảo hộ đã thực hiện chủ trương bỏ chữ Nho và dùng chữ Quốc ngữ. Năm 1869, đã ra nghị định bỏ buộc phải dùng chữ Quốc ngữ trong các văn kiện chính thức, nhưng thực ra, cũng phải chờ đến năm 1882, mới thi hành được nghị định này trên toàn cõi Nam kỳ. Ở Bắc và Trung kỳ, mãi đến những năm 1906-1910, mới có những nghị định liên quan đến việc phổ biến chữ Quốc ngữ. Kỳ thi Hương năm 1912 bắt đầu có môn Quốc ngữ.

Nhưng rồi chế độ thi Hương và thi Hội sẽ chấm dứt hẳn sau khoa thi cuối cùng vào năm Kỷ Mùi 1919, dưới thời Khải Định (theo *Văn Hoá Việt Nam Tổng Hợp 1989-1995*).

(3) Cuốn sổ tay mặc dầu làm bằng giấy tây nhưng có lẽ đã được đóng tại chỗ. Mẩu bút chì mang nhãn hiệu H.C.A. PARIS có thể là bút chì mua ngay tại các cửa hiệu tây ở Sài Gòn hay Hà Nội vào thời ấy, như nhà Gô-đa, chẳng hạn.

(4) Trong rất nhiều tranh ký họa dân gian trước kia, người ta nhận thấy các nhân vật nhiều khi được thể hiện một cách khá vụng về, tỉ lệ các bộ phận thân thể đến khuôn mặt, nét mặt. Tập tranh của Oger là một ngoại lệ hiếm hoi. Hiện tượng này có nhiều lý do kỹ thuật (sự thiếu hiểu biết về cấu trúc, nhịp điệu, tỷ lệ, v.v...), song một trong những lý do dễ hiểu nhất chỉ là vì *không quen tay*. Người ta vẽ thân, thánh, rồng, phượng, v.v... rất thoải mái, nhưng đến khi vẽ con người bình thường nhìn thấy hàng ngày, thì lại rất ngưng ngáp ! Điều này sẽ còn tồn tại lâu dài cho đến mãi nhiều năm sau khi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương ra đời (1925), và nhiều thế hệ họa sĩ Việt Nam sau này cũng vẫn còn vấp phải cùng một vấn đề.

(5) Lúc đầu Oger vẫn định cho khắc gỗ rồi in bằng máy, vừa nhanh, vừa được nhiều bản, nhưng vì ván gỗ bị cong, không đưa được vào dưới trục lăn của máy in, nên cuối cùng phải in bằng tay theo cách in tranh dân gian (ở đây chắc hẳn là in theo truyền thống tranh Hàng Trống, vì khổ giấy của tập tư liệu khá lớn 65 x 42cm).

(6) Còn có một sự khác nhau nữa giữa nét vẽ bằng bút lông đã được khắc gỗ và in theo lối truyền thống (tập tranh Oger) và nét vẽ cũng bằng bút lông nhưng chưa được khắc gỗ và in bằng những phương tiện hiện đại (bản kẽm, chẳng hạn). Điều này thấy rất rõ khi chúng ta so sánh những bức tranh cùng đề tài trong tập tranh của Oger và trong những cuốn sách của G. Dumoutier, *Essais sur les Tonkinois* và của P. Huard & M. Durand, *Connaissance du Viet nam* : Đá cầu, Đánh tam cúc, Lấy ráy tai, Lợp nhà, v.v...(Xem trong *Ký Họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, sđd, từ tr. 72 đến tr. 77).

(7) Trong số những bức tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam được giới thiệu trong cuốn *Imagerie Populaire Vietnamienne* của Maurice Durand, EFEO, 1960, có nhiều bức tiêu biểu cho phong cách thứ hai này : *Sĩ Nông Công Thương*, trang 45, *Du xuân đồ*, trang 48, *Tiên tẩm đồ*, trang 63, cũng như loạt tranh minh họa *Truyện Kiều*, ở các trang 307, 310, 323, 325. Trong tập tranh của Oger, cũng có rất nhiều bức ký họa được khắc với những nét khắc tương tự. Xưa hơn nữa, tranh khắc gỗ Phật giáo của Trung Quốc, Nhật Bản, hay ngay cả tranh thờ của các dân tộc miền núi ở nước ta (đặc biệt dân tộc Tày) đều có những điểm giống nhau về phong cách (Xem Vương Thụ Thôn, *Trung Quốc Cổ Đại Dân Tục Bản Hoạ*, Bắc Kinh 1992 ; Musée Cernuschi, *Estampes Bouddhiques Japonaises XIIIe - XVIIIe s.*, Paris 1978).

Văn Ngọc

câu chọn TT

Vịnh Khai

“ Cái gì ta không thể nói được về nó thì ta phải đẩy nó vào thinh lặng ”

L. Wittgenstein

-1.

Có một cái gì hồi thúc tôi viết. Viết để thanh lọc tâm hồn, như một nhà văn Mỹ Latinh nói. Viết để tìm ra cái đẹp mới, như tôi nói. Và còn muôn vàn lý do nữa bạn có thể nghĩ tới và tôi không nói ra. Xin dành cho bạn việc đánh giá quan niệm thẩm mỹ của câu chọn này, là tả thực, tả ảo, siêu thực, siêu giả, hay chẳng gì hết.

0.

“ Câu chọn ” là từ Việt tôi mới nghĩ ra : một câu *chuyện loạn, chaostory*. Còn TT là một từ viết tắt, bạn sẽ tìm thấy những nghĩa của nó sau khi đọc hết câu chọn này.

1.

Khởi thủy là to tiếng (“ Word ”, “ big bang ”). Một vụ cãi vã. Cãi vã về sự bịp bợm có tính trí thức cũng như sự bịp bợm của trí thức (xem các bài *Tri thức bợm* của Hàn Thủy trên Diễn Đàn số 69 và số 70 và cuốn *Impostures intellectuelles* của Alan Sokal/Jean Bricmont, Paris 1997).

Sự “ bịp bợm ”, nói đúng hơn là tư duy mờ mịt (*sloppy thinking*), của một lô “ trí thức lớn ” bị vạch trần. Tôi đang thắc mắc : Có thể đánh đồng tư duy mờ mịt (*sloppy*) với tư duy rẻ tiền (*floppy*) được không ? Georg Pólya trong cuốn *Mathematik und plausible Schliessen* phân biệt hai loại tổng quát hóa : loại *làm nhòa* (Verwässerung) thì rẻ tiền, loại *cô đọng* (Verdichtung) thì đáng giá. Tổng quát hoá kiểu cô đọng, theo ông, là quy đồng các ý tưởng rải rác ở nhiều khu vực khác nhau về cùng một mẫu số chung. Ta sẽ còn phải trở lại vấn đề liên tưởng thông qua tổng quát hoá, trừu tượng hoá, ví von (*metaphor*) và tương tự (*analogy*) sau. Trong khi chờ đợi, cũng nên để ý rằng không khí là món đồ rẻ nhất song lại quý nhất.

Thật hơi bất ngờ, bạn hãy xem, có những đầu óc biết nhiều như Paul Virilio mà dám phán một câu xanh rờn : “ Các nhà vật lý gọi sự tăng tốc và sự giảm tốc là vận tốc dương và vận tốc âm ” (gia tốc dương và gia tốc âm mới đúng). Rồi Jacques Lacan áp dụng toán học vào phân tâm học như sau : Đời người là một số không, một số vô tỷ (irrational). (Trong toán học, số không là số hữu tỷ [rational], và khái niệm vô tỷ [irrational] trong toán học không giống với khái niệm vô lý [irrational] của đời thường.) Lacan cũng cho căn số của -1 là irrational, trong khi thực ra đó là một số ảo (imaginary). Ở đây, Lacan nhập nhằng giữa các ý niệm của toán học và đời thường về tính hữu tỷ/hữu lý (rational). Sỡ dĩ ông có thể trơn một cách trơn tru — ít ra Lacan và nhiều người đọc của ông cảm thấy như vậy — từ vùng ý niệm này sang vùng ý niệm kia có lẽ là thông qua kênh ngôn

từ : sự đồng âm khác nghĩa của khái niệm hữu tỷ và hữu lý (rational) trong các ngôn ngữ châu Âu.

Một ví dụ nữa về “ buôn lậu xuyên biên giới ” giữa các vùng ý niệm là Julia Kristeva. Bà suy luận thế này : Trong khoảng số thơ ca từ 0 đến 2 có một điều cấm, cấm về ngôn ngữ, tâm lý, xã hội, đó là số 1. Và số 1 là Trời, là Luật, là Định nghĩa. Cách duy nhất để tránh điều cấm là dùng thơ ca. Và logic Aristotle (tức logic 0-1, logic loại trừ) không dùng được cho ngôn ngữ, điều này được nhà ngôn ngữ học Chang Tung-sun làm mạnh thêm qua việc đặt Đối thoại, tức Âm Dương, tức số 2, vào vị trí của Trời, của số 1. Sau đó Bakhtin cũng vượt qua chủ nghĩa hình thức [formalism] bằng việc biện thuyết động. Với ông, truyện kể là một độc thoại luận [monologism], tức là một thứ nằm trong luật của số 1, của Trời. Như vậy mọi thứ truyện kể hiện thực tuân thủ logic 0-1 đều là giáo điều. Tiểu thuyết hiện thực, của Tolstoy chẳng hạn, được phát triển trong khu vực này : sự mô tả, định nghĩa một cá tính, sự hình thành một nhân cách, sự phát triển một chủ đề, thấy mọi thành phần này của truyện kể đều nằm trong khoảng 0-1, đều mang tính độc thoại. Cái trò duy nhất thực hiện được hoàn toàn logic 0-2 của thơ ca là hội hóa trang. Nó vượt qua những luật tắc của ngôn ngữ, vượt qua cả những quy phạm của đạo đức xã hội bằng cách nó sử dụng logic của giấc mơ. Những cú nhảy thoản thoắt của Kristeva từ điểm qua trục (mà Sokal/Bricmont ngỡ là từ logic qua lý thuyết số) và ngược lại có lẽ đã làm Sokal/Bricmont chóng mặt. Đang dùng cặp số 0 và 1 để trở logic loại trừ của Aristotle, vô được số 2 của nguyên lý Âm-Dương, bà vội gọi ngay nguyên lý này là logic 0-2 (số 0 từ đâu nhảy ra vậy? - chắc là từ hư không!), rồi tỉnh bơ đánh đồng các cặp số (0,1) và (0,2) trong logic với khoảng số (0,1) và (0,2) trên trục số. Cũng giống như Lacan trong thí dụ kể trên, Kristeva chạy từ vùng ý niệm này sang vùng ý niệm khác qua những cây cầu hết sức mong manh, ở đây là cây cầu của con số.

Vụ “ Bịp bợm trí thức ” không nằm trong “ không gian độc thoại ” của Sokal/Bricmont, có thể gọi vụ này là cuộc đối thoại, là hội hóa trang, là số 2 à *la Kristeva*. Chẳng hạn như Kristeva phản pháo trên *Le Nouvel Observateur* rằng đòn chơi của Sokal và công ty nằm trong một chiến dịch bài Pháp. Người ngoài cuộc như tôi chẳng hạn thì thích thú lắm vì hình như con người ai cũng khoái nghe cãi nhau. Đôi khi những lời bình của người ngoài cuộc còn gây khoái chí hơn cả lời cãi vã của các bên trong cuộc. Chẳng hạn như Robert Maggiori trên *Libération* bảo Sokal/Bricmont là những nhà mô phạm khoa học thiếu hài hước đang sửa lỗi chính tả trong những bức thư tình.

Nhưng tôi không hẳn đã là người ngoài cuộc. Có một mối liên quan mật thiết giữa vụ “ Bịp bợm trí thức ” này với một người làm khoa học như tôi. Và có lẽ cũng vì thế mà bài báo này không thể không được viết. Vấn đề mà Sokal/Bricmont nêu ra, ngoài việc lật tẩy sự “ bịp bợm ” của một loạt “ nhà ” lâu nay nhiều người trong chúng ta vẫn ngỡ là những trí thức hàng đầu trong ngành họ, còn đụng chạm đến những câu hỏi căn cốt đối với mọi người làm khoa học. Những câu hỏi như : “ Khoa học là gì ? ”, “ Thế nào gọi là làm khoa học một cách thực sự khoa học ? ”, “ Đâu là sự thật ? ”, “ Có thực tại khách quan hay không ? ”, “ Khoa học đi tìm cái gì ? ”, “ Khoa học để mà làm gì ? ”... Những câu hỏi đụng thẳng vào căn cước, nền tảng, phương pháp, mục đích, đối tượng và ý nghĩa của khoa học.

2.

Trên bình diện chính trị, có thể ví dụ này như một cuộc tranh luận “ khoa học vị nhân sinh hay khoa học vị nghệ thuật ”. Sokal đại diện cho phái “ khoa học vị nhân sinh ”. Ông cực lực đả phá các quan niệm tương đối chủ nghĩa (*relativism*) và chủ quan chủ nghĩa (*subjectivism*) về mặt nhận thức (*cognition*), chẳng hạn như quan niệm cho rằng những thứ mà khoa học phát hiện ra chẳng phải là sự thật gì ráo mà chỉ là những *thiết kế xã hội* (*social construction*) mà thôi, tóm lại chỉ là sản phẩm của sự tưởng tượng không hơn không kém. Và Sokal thách vị nào còn khăng khăng cho rằng khoa học chỉ để ra sự tưởng tượng thì hãy nhẩy từ căn phòng trên tầng 21 của ông xuống đất xem sự *tưởng tượng* đó là cái gì. Sokal chỉ ra rằng vin vào triết thuyết thiết kế chủ nghĩa (*constructivism*), một loạt vị khoa học nhân văn mặc sức thả cho tư duy bay bổng bất kể đến logic và tính đúng đắn. Mặt khác, các vị này lập thuyết một cách *lơ lửng trên trời* không cần động chạm gì đến thực nghiệm, đến thực tế. Sokal cho rằng cung cách làm khoa học thế này không giải quyết được gì cho cuộc sống nhân quần, ít nhất sự biện thuyết về *thiết kế xã hội của hiện thực* cũng không đóng góp được gì để tìm ra cách trị bệnh AIDS hoặc ngăn ngừa tình trạng nóng lên của địa cầu. Mục tiêu đánh phá chính của Sokal/Bricmont là cái ý hệ hậu hiện đại biểu lộ trong các chủ nghĩa mới như chủ nghĩa nữ quyền (*feminism*) chẳng hạn, nói chính xác hơn, Sokal không đả phá chẳng hạn chủ nghĩa nữ quyền nói chung mà đả phá cái chủ nghĩa sau hiện đại (*post-modernism*) làm nền cho các thứ tư duy chủ quan chủ nghĩa và tương đối chủ nghĩa về mặt triết học, cụ thể hơn là về khoa học luận.

3.

Khoa học là gì ? Câu hỏi *bản thể luận* được đối đáp bằng câu hỏi *hiện tượng luận* : Theo khía cạnh nào ? Về mặt nào ? Bởi khoa học như mọi thứ khác, là một thực thể phức hợp, và với mỗi cách nhìn, mỗi góc độ, mỗi sự khoanh vùng, ta lại thấy “ nó ” trong một hình ảnh riêng. Tại sao ? Có thể tại tính nhiều mặt cố hữu của thể (*substance* ; bản thể : *ontos* ; thực thể : *entity*). Cũng có thể tại đầu óc con người đòi hỏi được nhận ra thế giới qua những lát cắt của nó. Tôi đề nghị cách lý giải thứ ba : Tại thời gian. Vấn đề này ta sẽ còn luôn luôn phải trở lại. Bây giờ hãy xem đây như một câu hỏi về căn cước của khoa học, ta sẽ phải chỉ ra đâu là nét đặc thù, cái để phân biệt khoa học với những thứ khác, cũng như đâu là cái bất biến, cái *hằng số lịch sử* của khoa học. Nếu nói chuyện bằng tiếng Đức, chắc chúng ta đã dễ dàng có câu trả lời : *Wissenschaft schafft Wissen* khoa học tạo ra cái biết, khoa học sản xuất ra tri thức. Cụ thể hơn, khoa học hướng tới một cái biết chắc chắn, khách quan và chính xác. Nhưng có thể cái biết của khoa học là chắc chắn, khách quan và chính xác hay chẳng ? Muốn rõ sự thực ra sao, ta có thể hỏi chính khoa học, hy vọng rằng “ nó sẽ cho ta một cái biết chắc chắn, khách quan và chính xác ” :-)

Như nghịch lý vừa nêu cho thấy, một ngành học khả dĩ trả lời cho ta câu hỏi trên phải vừa nằm trong khoa học vừa nằm ngoài khoa học, nói một cách tĩn, nó phải nằm giữa khoa học và siêu khoa học (triết học). Và có một ngành học như thế. Khoa học luận mới nổi lên trong vùng giáp ranh giữa triết học và khoa học kể từ khi có cuộc *cách mạng khoa học* vào kỷ nguyên Khai sáng, kỷ nguyên mà dường như chúng ta đang chứng kiến sự kết thúc của nó nếu tin vào một

số “ thiên sứ ” của *Sau hiện đại*. Nằm ở vùng biên địa này có thể coi khoa học luận như triết học (tiếng Anh : *philosophy of science*) mà cũng có thể coi là một khoa học (tiếng Đức : *Wissenschaftstheorie*), một thứ meta khoa học, trên khoa học hay thượng khoa học.

4.

Xét về một mảng chủ đề văn hoá nhất định, ví dụ như khoa học và triết học, lịch sử dường như hay tụ lại nơi một vài nhân vật, những người, về phần họ, dường như cũng thích tụ lại với nhau. “ Cuốn phim ” của sự hội tụ này hiện ra như vậy : Một thời kỳ nào đó trong lịch sử nổi lên như một “ thời trực ”, làm bàn xoay cho lịch sử. Trong giai đoạn này, hoàn cảnh xã hội đặc thù của một (số) địa bàn nhất định tạo điều kiện cho xuất hiện một vài nhân vật kiệt xuất mà tư tưởng và hành động của họ sẽ ảnh hưởng lớn đến cộng đồng người trong mảng chủ đề kia. Ta thường nói : Thời thế tạo anh hùng, anh hùng tạo thời thế.

Với triết học và khoa học luận ở thế kỷ 20, ta hãy đến nước Áo vào thời kỳ giữa hai Thế chiến. Anh lính Ludwig Wittgenstein về nhà sau cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất với những chiêm ngẫm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với thực tại ngoài đời, những suy nghĩ mà thời gian giữa hai trận đánh đã dành cho anh. Wittgenstein khởi đi từ ý tưởng sau : Có một thế giới hiện thực mà ta muốn miêu tả. Để mô tả thế giới này, ta phải dùng đến ngôn ngữ, có thể là ngôn ngữ toán, ngôn ngữ khoa học hay các ngôn ngữ khác. Nếu ngôn ngữ là diễn tả hiện thực thì phải có một cái gì chung giữa cấu trúc của ngôn ngữ với cấu trúc của hiện thực. Và logic là cây cầu nối giữa hiện thực với sự diễn tả (*representation*) hiện thực trong ý nghĩ : Sự diễn tả hiện thực thực hiện được trong suy nghĩ là nhờ logic. Ở đây, Wittgenstein đã tiên giả thiết tính chặt chẽ (*consistency*) của hiện thực. Nhưng các mệnh đề logic tự bản thân chúng và trong bản thân chúng lại không diễn tả bất cứ trạng thái nào của hiện thực. Như vậy, logic chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để mô tả các trạng thái của thực tại khách quan. Có nghĩa là logic sẽ chỉ ra những trạng thái nào là có thể về lý thuyết và những trạng thái nào là không thể, nhưng logic không chỉ ra được sự có thể này có chắc chắn hay không. Phát triển Wittgenstein một chút nữa, ta có thể nói : Với logic, ta có một “ thước đo đại khái ” để phân biệt đâu “ đúng ” đâu “ sai ”. Nhưng logic không giúp ta đo được “ đúng ” ở đây là đúng đến đâu, cũng như “ sai ” là sai đến mức độ nào. Nói cách nôm na hơn, sau khi dùng xong con dao cùn logic để biện biệt sự đúng sai thật giả, thì trong cái đúng vẫn còn *có thể* lẫn cái sai cũng như trong cái sai vẫn còn *có thể* vương cái đúng.

Ta hãy lấy vài ví dụ cho dễ hiểu. Chẳng hạn tôi nói : “ Tình yêu không cần đến tính dục mới là tình yêu đích thực.” Bạn sẽ phải hỏi lại : “ Tình yêu đích thực ở đây cần được hiểu thế nào ? ”. Nếu tôi trả lời : “ Tình yêu đích thực là tình yêu không cần đến tính dục ” thì tôi đã lý luận vòng tròn, câu hỏi của bạn không được thoả mãn. Tôi sẽ lại phải giải thích cho bạn về tình yêu đích thực mà không được quy về tính dục, chẳng hạn tôi nói : “ Tình yêu đích thực là tình yêu mà hai bên hoàn toàn không vụ lợi.” Bạn sẽ phải hỏi tiếp : “ Vụ lợi ở đây nghĩa là sao ? ”. Nếu tôi không sa vào lý luận vòng tròn hoặc không bắt bạn phải chấp nhận một số điều định trước, và bạn muốn biết điều tôi nói đúng hệt như ý tôi hiểu, cuộc lục vấn sẽ phải kéo dài vô tận. Để giải quyết sự hồi quy vô hạn này, Wittgenstein đưa ra “ lý thuyết bức

tranh”. Ông so sánh các mệnh đề logic với các bức tranh. Một mệnh đề ngôn ngữ, cũng như một bức tranh, miêu tả một trạng thái nào đấy của hiện thực qua các biểu tượng, các ký hiệu. Chẳng hạn bức tranh :- vẽ một bộ mặt cười, hoặc bức tranh :- (tả một bộ mặt mếu. Thế nhưng không hẳn ai cũng nhận ngay ra như vậy bởi bức tranh còn sơ sài quá. Thế là ta lại phải thêm vào các đường nét, các sắc màu, các cự ly, v.v. Cuối cùng, để vẽ nên một bức tranh thật ăn khớp, thật đúng với điều muốn mô tả, ta sẽ sa vào sự hồi quy vô hạn (*infinite regress*) nếu không muốn rơi vào lý luận vòng vo (*circular reasoning*) hoặc giáo điều (*dogmatism*). Hans Albert gọi vấn nạn này là tam nan (*trilemma*) Münchhausen. Ở đây có một điều khó hiểu : Ta không chấp nhận sự vô hạn, ta không chấp nhận sự giới hạn (giáo điều), ta cũng không chấp nhận sự vừa vô hạn vừa giới hạn (vòng tròn), vậy ta chấp nhận cái gì ? Vấn đề này ta tạm bỏ lửng ở đây và quay trở lại với Wittgenstein.

Song theo Wittgenstein trẻ — về sau, triết học của “Witt” có thể coi là phủ nhận của chính ông thời trước nên ta phải phân biệt một “Witt” trẻ và một “Witt” già — một bức tranh vẫn chỉ ra được điều nó muốn nói, bởi vì nó không nói. Như thế, một mệnh đề logic chỉ có thể vẽ nên một trạng thái nào đó của hiện thực mà nó muốn miêu tả, song cái điều tốt cùng nó muốn nói, rằng nó ăn khớp (correspondent) với cái nó mô tả, thì nó không nói ra được, mà chỉ có thể chỉ ra được mà thôi. Một mệnh đề không nói lên được mối liên hệ của nó với điều mà nó diễn đạt. Ta không thể bằng chính ngôn ngữ đang dùng để nói lên mối quan hệ của nó với hiện thực. Wittgenstein cũng viết trong cuốn *Tractatus logico-philosophicus* : Cuối cùng, bạn sẽ thấy các mệnh đề của tôi là vô nghĩa một khi bạn đã vượt ra ngoài chúng. Bạn hãy coi chúng như cái thang, sau khi bạn dùng nó để trèo thì bạn phải quên nó đi. Bạn phải siêu việt các mệnh đề này, và khi đó bạn sẽ thấy thế giới chân thực như nó có.

5.

“Chân lý” nói trên không mới. Chẳng hạn, từ cách đây hơn hai ngàn năm, người ta đã kể câu chuyện bàn tay Phật chỉ mặt trăng. Ý nói ta hãy nhìn vào mặt trăng, đừng nhìn vào bàn tay chỉ nó. Trong một công án Thiền, ta cũng có câu chuyện qua sông : Khi vượt sông ta phải dùng thuyền, nhưng khi đã lên tới bờ, ta phải bỏ thuyền lại dưới sông, đừng cố bê thuyền lên vai mà đi tiếp. Hoặc một câu chuyện khác kể hai ông sư đến bến sông kia thì gặp một cô gái nhờ công qua. Nhà sư từ bi giúp người nên một vị sư đã kiêu cô gái trên vai. Qua bờ bên, đi được một quãng, nhà sư kia hỏi bạn : “Ông chạm vào da thịt đàn bà thế không sợ phạm giới à ?”. Ông sư bạn trả lời : “Tôi tưởng ông để câu chuyện ấy lại bờ sông rồi chứ.” Trước lời nhắn hãy im lặng nếu không thể nói ra được của Wittgenstein hàng chục thế kỷ, Thiền tông đã biết đến điều này, và do đó thay vì giáo lý, tức những mệnh đề, nó thuyết pháp bằng các công án, là những ví dụ trực quan. Ở đây là vấn đề cứu cánh — phương tiện. Trong trường hợp của Wittgenstein, đó là mối quan hệ giữa ngôn ngữ mà ông coi như phương tiện của tư duy, với sự thực trong tư cách cứu cánh của tư duy.

“Chân lý” cứ trở về trong những ví dụ ngày càng đặc thù hơn.

Vĩnh Khai

(có thể còn tiếp)

Hội văn hoá giáo dục Cam Tuyền

Ngày 15.5.98 vừa qua, anh Đinh Ngọc Thanh, giảng viên Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, đã bảo vệ luận án tiến sĩ về đề tài toán học *Régularisation de problèmes mal posés* (*Chính quy hoá những bài toán đặt sai*) tại Viện Galilée, Trường Đại học Paris Nord (Villetaneuse). Luận án này được soạn thảo dưới sự hướng dẫn chung của hai giáo sư Đặng Đình Áng (TP HCM) và Alain Grigis (Paris Nord).

Đây là luận án tiến sĩ thứ nhì được tiến hành dưới sự bảo trợ của Hội văn hoá giáo dục Cam Tuyền (do cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn sáng lập). Phối hợp với giới đại học trong nước, Hội Cam Tuyền tìm những giáo sư tại Pháp nhận hướng dẫn từ xa, phối hợp với một giáo sư Việt Nam. Trong thời gian làm luận án, Hội Cam Tuyền cấp một học bổng nhằm bảo đảm cho nghiên cứu sinh có thể tạm sống (hiện nay, mỗi học bổng là 4000 F, gồm 3500F cho nghiên cứu sinh và 500F tổn phí chung).

Cách đây 2 năm, anh Đặng Đình Trọng đã sang Pháp để bảo vệ luận án tại *Ecole Polytechnique*.

Hiện nay, Cam Tuyền đang bảo trợ hai nghiên cứu sinh khác : anh Nguyễn Thành Quang (Đại học Vinh) dưới sự hướng dẫn của hai giáo sư Hà Huy Khoái (ĐH thành phố HCM) và A. Panchiskin (Viện Fourier, Grenoble) ; anh Phạm Việt Sơn (ĐH Đà Lạt) dưới sự hướng dẫn của hai giáo sư Hà Huy Vui (Viện Toán học, Hà Nội) và Lê Dũng Tráng (ĐH Marseille).

Hội Cam Tuyền cũng vừa nhận được hồ sơ của hai nghiên cứu sinh ngành toán : Hoàng Mai Lê (ĐHQG Hà Nội) và Phan Nhật Tĩnh (ĐH Huế). Việc tìm sáo sư hướng dẫn từ Pháp sẽ được giải quyết nhanh chóng. Còn lại là tìm quỹ học bổng (như đã nói trên : 4000 F một năm). Các vị hảo tâm thiết tha với tương lai nền đại học Việt Nam có thể liên lạc với hội Cam Tuyền : **38 rue de Lozère, 91400 ORSAY, Pháp** (điện thoại **01 60 10 42 25**).

Mặt khác, Cam Tuyền cũng dự định hợp tác với Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc mở lớp cử nhân khoa học tài năng (*magistère*) nhằm hướng dẫn những sinh viên xuất sắc tới trình độ tiến sĩ. Trong khuôn khổ chương trình này, sinh viên được cấp mỗi tháng 200 000 đồng và được quyền sử dụng trang thiết bị của trường. Cam Tuyền có ý định giúp đỡ về hai mặt :

- bổ sung học bổng cho những sinh viên mà gia đình thiếu phương tiện tài chính (hiện nay, để đủ sống, mỗi sinh viên ở Hà Nội cần khoảng 500 000 đồng)

- cung cấp tài liệu giáo khoa (nhất là những sách mới).

Cam Tuyền kêu gọi sự giúp đỡ của bạn hữu về mọi phương diện.

Bạn đọc muốn theo dõi sự hợp tác giữa các trường đại học Pháp và Việt Nam về việc đào tạo nghiên cứu toán học, có thể tìm thông tin trên mạng internet do giáo sư F. PHAM phụ trách, ở trang FORMATHVIETNAM :

<http://math.unice.fr/FMVN/accueil.html>

Hoa Ngõ Hạnh

xôn xao yên tử

Nghe ca sỹ Mỹ Linh hát “*Mênh mênh mang mang Phù vân Yên Tử...*” (1), tôi cứ ước ao một ngày nào đó lên đỉnh non thiêng cho thoả cái khát khao “*Dục cùng thiên lý mục*”. Đứng ở đó, trên đỉnh Ô-lanh-pơ của Việt nam, con người phàm tục trần đời phải chăng sẽ lần ra một mối dây thông linh nào đó giữa trời và đất...

Ra Bắc đúng kỳ lễ hội. Trời xuân khép lại, thỉnh thoảng có mưa bay. Hà Nội người vẫn đông đến chóng mặt. Tôi chợt nghĩ đến người xưa thường lên đi “*ăn trộm cái nhàn trong nửa ngày*” theo cách nói của Nguyễn Phi Khanh. Vậy là tôi quyết chí đi Yên Tử. Thử rủ một vài ba người bạn đều nhận được lời khuyên và thái độ rất ồm ờ. Họ đã lên đến đỉnh non thiêng để thắp hương ở chùa Đồng hay chưa? Hay là chỉ nghe các cụ già kể lại. Tôi không biết. Chỉ biết rằng họ bảo đường rất khó đi. Mùa này “*trên ấy*” bao giờ cũng có mưa rả rích. Ở độ cao 1068 mét, lên đến chùa Đồng không mưa cũng ướt (!)

Một đêm ngủ lại Ưông Bí, 6 giờ sáng hôm sau đã có mặt tại chân núi Yên Tử. Khác với sự tưởng tượng của tôi, người ta đi chùa Đồng chẳng kém gì đi lễ hội chùa Hương. Đồng nhất vẫn là các cụ già. Không có khách Tây. Mọi bánh mắt đã thấy hàng ngàn ôtô, xe máy đỗ ken dày. Họ đến đây từ lúc nào. Hầu hết là đêm trước! Người đến sớm leo lên ngủ lại ở chùa Hoa Yên để chờ lên chùa Đồng. Người đến trễ thì ngủ ngay dưới chân núi. Trước bãi giữ xe, một con hươu cỡ chừng hai tạ đang được xả thịt. “*Đêm qua, 12 tay thợ săn cùng 12 con chó đã vào rừng cấm Yên Tử bắt được con hươu này*”. “*Mời bác! Ba chục một ly huyết nhé! Đây là hươu thật chứ không phải “Hươu vượn” ở chùa Hương đâu nhé! Nào, uống không?*”. Một người cùng đoàn cản ngay: “*Này, đi chùa thì phải giữ cái tâm trong sạch chứ*”. Vậy là thôi. Rút kinh nghiệm hội chùa Hương, tôi thừa ngay một cái gậy trúc già năm trăm đồng nhưng vì không có tiền lẻ nên đưa luôn hai ngàn. Không sao. Chuyện nhỏ. Vừa lúc ấy, một đoàn người sẵn tới. “*Các bác thuê gánh đỡ lên núi nhé*”. Ừ thì thuê. Tôi chỉ ngay một thanh niên có khuôn mặt hiền lành. Anh ta tên là Vũ Văn Thái, quê ở Nhân Công, đã có vợ, một con và làm nghề gánh thuê này đã ba năm. Năm nào đến mùa lễ hội anh ta cũng lên xuống núi mỗi ngày một lần.

Tôi hỏi: “*Gánh lên chùa Đồng mỗi ngày được bao nhiêu?*”. Anh ta nói ngay: “*Anh ạ, tùy tâm, đi chùa phải phát tâm chứ!*”.

(1) Đó là bài *Trên đỉnh phù vân* của Phó Đức Phương. Bạn đọc chưa biết, nên mau mau tìm nghe Mỹ Linh hát bài này. Tuyệt hay (chú thích của người đánh máy).

Lên đến chùa Hoa Yên, người đứng không có chỗ chen chân. Anh chàng gánh thuê bảo: “*Các bác tự gánh lên nữa đi, em mệt quá rồi!*”. Một người trong đoàn tôi năn nỉ: “*Anh làm ơn gánh lên đến đỉnh, tôi trả thêm bốn chục*”. Anh ta giãy nảy: “*Không được, đi chùa phải phát tâm các bác ạ, thôi thì tám chục em gánh!*”. Cái giá cuối cùng là sáu chục. Nhìn khuôn mặt anh ta, tôi biết là mệt thật. Sức người đâu phải để một ngày leo lên tụt xuống 1068 mét mà trên vai phải gánh vài chục ký?

Yên Tử là đỉnh núi cao nhất vùng đông bắc nước ta. Ngót hơn 7 thế kỷ qua, Yên Tử nổi tiếng là non thiêng, nơi phát tích thiên phái Trúc Lâm và gắn liền với sự nghiệp của vị vua anh minh đời Trần: Trần Nhân Tông. Nơi đây, cảnh trí thiên nhiên ngoạn mục. Hiện tại, trên núi Yên Tử còn hàng chục ngôi chùa, hàng trăm am tháp và những cổ vật giá trị. Hàng năm, lễ hội Yên Tử kéo dài từ mùng mười tháng giêng đến mùng mười tháng tư. Người ta đến với các ngôi chùa ở Yên Tử với một niềm tâm niệm của con người hành hương về đất tổ Trúc Lâm. Một cụ già 76 tuổi quê ở Hạ long vừa đi lên vừa niệm Phật. “*Phúc đức lắm cậu ạ! Mấy năm nay năm nào tôi cũng lên chùa Đồng để dâng hương. Đi về là thấy khoẻ ngay, con cháu đều phát lộc*”. Cụ tiếp: “*À, cậu làm nghề gì? Nhà báo hả? cẩn thận đấy, trẻ người non dạ... Nơi này là thiêng lắm, năm ngoái có tay nhà báo không đi Yên Tử mà ngồi nhà viết bài phê bình môi trường trên này ô nhiễm. Bị ngay, vừa ra khỏi nhà là xe tông gãy chân...*”. Nghe cụ nói, tôi không biết tay nhà báo ấy bút danh gì, ở báo nào, có thật hay không nhưng nghe vẫn sờ sờ. Cái sợ của con người quanh năm viết lách, thỉnh thoảng vẫn phải bịa ra một tí cho có “*không khí*”. Ấy vậy là tôi tin. Tôi mua một chuỗi tràng đeo vào cổ cho đúng model lễ hội. Vừa đi vừa khấn. Qua khỏi chùa Một Mái là muốn khuyu nhưng vẫn phải đi. Chả lẽ ngồi dưới này rồi bịa? Cụ già cùng đi với tôi cứ phẩm phẩm tiến bước. Các cụ ở trên xuống luôn miệng “*A di đà Phật*”. Một cô cậu choai choai nhìn cụ già và đùa rất ác: “*Cụ ơi, cụ chôn của chõ nào thì chỉ chõ cho cháu biết nhé*”. Cụ già không trả lời, chỉ khấn “*A di đà Phật*”. Đi một đoạn cụ mới bảo tôi: “*Cậu ơi, các cậu không có cái tâm nên mới leo một tí đã mệt. Cậu xem, đi chùa mà quần áo ngắn ngắn. Họ đu đưa với nhau chỉ thiếu điều công nhau trên lưng. Lúa tuổi các cậu bây giờ vô thần quá!*”. Nghe cụ nói tôi cũng chợt chợt dạ. Hàng trăm cặp nam thanh nữ tú vừa đi vừa ngả ngón trên vách đá cheo leo. Họ coi sinh mạng có ra gì đâu. Ngay cả lúc trước chùa Yên Hoa, tôi vẫn thấy nhiều đôi ngồi trên lan can sân chùa ôm nhau thắm thiết. Thắm thiết tưởng như đến ngày mai là quả đất... nổ tung. Trên nhà trọ phía sau chùa, những bức đá được xây theo kiểu “*giường tù*” có nhiều cặp đang ôm nhau ngủ ngon lành. Họ không biết là xung quanh đang có hàng ngàn người đi hội. Hàng ngàn cụ già chỉ mong có một lần lên đến non thiêng.

Thế là hết — cụ già than vãn — bổ báng quá! Kể đi lên, người đi xuống. Đường lên Yên Tử hẹp. Hàng ngàn người già trẻ trai gái đang chen lấn nhau. Ở mỗi đoạn đường tôi đều thấy các dịch vụ lễ hội mọc lên. Thú rừng, chim chóc, cây thuốc nam, măng rừng và hàng lưu niệm. Một cô bé bán hàng rất xinh gọi anh bạn tôi í ới: “*Mua cho em một chuỗi*”

tràng anh nhé ! Anh mà đeo vào trông giống sa tăng lắm !” . Anh bạn tôi lại đùa : “ Anh thường ngày là quý sử rồi, không muốn làm sa tăng nữa ”. Sao hôm nay anh ta lại “ hiền ” đến thế. Mỗi hôm qua còn ăn nhậu quây phá tưng bừng. Còn hôm nay... anh ta thuộc cả hai câu do một cụ già ở Ưông Bí đọc :

*Trăm năm tích đức tu hành
Chưa về Yên Tử chưa đành lòng tu.*

Thế nghĩa là làm sao ? Tôi không biết ! Chỉ biết leo lên đến cổng trời là tưởng như con người thoát tục hẳn ra. Xung quanh mây trắng lớp. Nhìn xuống chỉ thấy mênh mông một màu trắng. Cách nhau vài mét nhận ra nhau đã là điều khó. Các cô, các cậu, các cụ ông, cụ bà thành kính đứng trước chùa Đồng thấp hương. Tôi cũng chen vào gần chùa. “ Nam mô a di đà Phật con từ Thành phố Hồ Chí Minh ra đây... ” “ Nam mô a di đà Phật con là sinh viên trường kiến trúc bị “ gãy ” giai đoạn... ”. “ Nam mô a di đà Phật anh ấy bỏ con... ”. Thôi thì đủ chuyện cầu mong. Toàn là những thứ đầy ấp dục vọng. Mong cho được tiền, được tình, thoát đi tù tội ... Không hiểu các cụ già khẩn gì. Chỉ thấy các cụ run run trước bàn thờ Phật. Cả đời chỉ mong một lần đến đây thế là yên tâm về nằm với đất mẹ ở tuổi thất thập. Cả đời mới một lần đi. Nghĩ thế, tôi lại thấy tất cả mọi người đều có lỗi với các cụ.

Trong mùa lễ hội Yên Tử hàng năm có đến hàng vạn người đi. Tôi là một trong số đó. Tận chân đi, tận mắt thấy chỉ xin chép ra một vài chuyện “ ngoài lễ Yên Tử ”. Vừa vào đến cổng khu danh thắng, cả đoàn người chúng tôi bị người gác cổng chặn lại đếm đầu từng người theo kiểu đếm vịt vào chuồng. Leo lên một đoạn lại gặp các chậu “ nước rửa tuý tâm ”. Tuý tâm là bao nhiêu ? Thì tuý ! Không có dịch vụ đổi tiền lẻ mười ăn chín như ở chùa Hương nên có người khoát một ngậm nước phải bỏ lại mười ngàn. Tuý tâm nhưng có sẵn một khay đựng tiền có người canh gác. Rửa mặt mà không có “ tâm ” là coi chừng đấy nhé ! Hàng trăm dịch vụ mọc lên suốt dọc đường Yên Tử chỉ kêu gọi một chữ “ tâm ” : qui ra tiền. Tỷ như chuyện đi toa lét, cũng đi vào rừng cả thôi nhưng ở lối ra có người chờ sẵn thu tiền. Rác rưởi tanh tưởi và nhộp nháp. Người ta trải nilon ngay giữa sân chùa Yên Hoa bày lễ cúng Phật bằng những... con gà vàng ươm. Cúng xong cả gia đình ăn ngay trên mâm. Rượu bia ngả ngón và đủ mọi thứ trò đời ngay trong cửa Phật. Ngay sát bên cạnh nhà trọ ở chùa Yên Hoa. Hàng vạn con người, hàng vạn thứ rác thải và đủ mọi thứ nhơ nhớp đã biến danh thắng Yên Tử thành một túi rác khổng lồ. Những người quản lý ở đâu ? Cách bảo vệ môi trường danh thắng như thế nào ? Không thấy ! Chỉ thấy rất nhiều người đứng ra thu tiền và ghi phiếu công đức.

Một ngày đi lên và đi về, mọi người trong đoàn bảo thế là “ kinh ” rồi. Là thoải mãn lắm rồi. Chen chân đến được chùa Đồng thấp hương là quá phúc đức. Chập choạng tối, len xuống đến chân núi được rồi vẫn thấy hàng ngàn người đang ngược lên. Các cụ già gồng gánh từng tốp luôn miệng “ A di đà Phật ”. Các cặp nam nữ thì vẫn ngả ngón với nhau. Họ gấp gấp tự nhiên như thế ngày mai... quả đất nổ !

(*Văn nghệ trẻ* số 10, phụ san của tuần báo *Văn nghệ*)

150 năm sau

(*tiếp theo trang 14*)

Tập 3 :

1. Zagorka GOLUBOVIC (Fédération Yougoslave) : *Socialism and Personalism - an appraisal. Le problème de la personnalité dans la pensée marxiste.*

Có những nhận xét đáng chú ý về mối quan hệ giữa tính xã hội của con người và tính tự do của cá nhân.

2. Juan Grompone (Uruguay) : *Marxisme, troisième acte.*

Giai đoạn 1 : Marx mở cửa cho một thời đại tư tưởng.

Giai đoạn 2 : học thuyết của Marx biến thành tôn giáo của một thời đại.

Giai đoạn 3 : hôm nay, người còn muốn dựa vào học thuyết của Marx để đương đầu với thời đại này cần phải làm sáng tỏ 12 điều gì.

Toàn những vấn đề cơ bản, triết, khoa học, những khoa học xã hội, nhân văn.

3. Isaac Johsua (France) : *Le Manifeste et le dépérissement de l'Etat.*

4. Maria Célia M. de Moréas (Brésil) : *150 years later : some notes on reason and the new irrationalism.*

Triết. Có một bình luận đáng chú ý về quan hệ giữa tính cá thể, tính loại thể, tính đặc thù (le singulier, le particulier, le général (ou l'universel), trong ngôn ngữ của Hegel). Tôi không dịch *le général* hay *l'universel* bằng từ *phổ cập* vì ở đây người ta không nói tới tính phổ biến mà nói tới bản chất của sự kiện. Thí dụ, bình luận của Engels về hình thái biện chứng, theo Hegel, của tư bản trong Tư bản luận của Marx : Tư bản biểu hiện dưới dạng một món tiền A là một hình thái cá thể (singulier) của tư bản. Biểu hiện dưới dạng một món tiền được dùng để mua hàng hoá (A - M) là một hình thái đặc biệt (le particulier) : tiền cũng như hàng hoá là biểu tượng của giá trị. Biểu hiện dưới dạng mua để bán lấy lời (A - M - A') là biểu hiện trọn vẹn, không thể hơn được (*le général, l'universel*) của khái niệm tư bản : giá trị để ra giá trị.

5. Dimitri UZUNIDIS, Sophie BOUTILLIER (France) : *Le cosmopolitisme actuel de la bourgeoisie financière et les valeurs économique-sociales qu'il véhicule.*

Nhiều nhận xét bổ ích về cái mà các học giả và báo chí tây âu gọi là *thị trường tài chính* trong tư cách một tác nhân trong xã hội loài người. Thí dụ : tranh thủ sự tin cậy của các thị trường tài chính (gagner la confiance des marchés financiers). Chỉ dịch ra tiếng Việt cũng đã thấy vô nhân lý ! Ngôn ngữ Việt Nam chưa đến nỗi tha hoá như ngôn ngữ của một số học giả tây âu !

Tập 4

1. Danielle Bleitrach (France) : *Le Manifeste communiste, l'Europe et le parti prolétarien.*

Có một số nhận xét thú vị về quan hệ biện chứng giữa tính hữu lý của kiến thức, tư duy và tính phi lý của sự kiện, dẫn tới suy luận về vai trò của lý thuyết và phương pháp suy luận trong hoạt động cách mạng.

3. Jean Lojkine (France) : *Quelle révolution aujourd'hui.*

Tranh luận với Hannah Arendt, Habermas, Touraine, về vấn đề chính quyền.

Mấy lời giới thiệu trên, tôi viết vội vã để kịp thông tin cho độc giả. Tôi đọc lướt qua chưa hết 4 tập trên 6 tập tham luận. Trong 4 tập ấy, chắc còn bài đáng chú ý. Những bài tôi giới thiệu không nhất thiết tôi tán thành, có thể vì chúng khiến tôi phải suy nghĩ, đặt lại vấn đề.

Trần Đạo

Lời hứa của thời gian

truyện ngắn

Nguyễn Quang Thiều

Khi hoàng hôn đỏ xuống những đồi thông thì gió nổi lên. Tiếng gió u u không rút cho đến tận sáng sớm hôm sau. Đối với ông Miêng, giấc ngủ không còn quan trọng nữa. Ông có thể thức suốt đêm, hoặc ngồi trong ngôi nhà dưới chân đồi, hoặc đi lang thang trong rừng thông sẫm tối và sạch sẽ. Buồn ngủ lúc nào thì ông ngủ lúc đó. Có ngày, ông ngủ suốt buổi chiều trên lớp lá thông dày ở đỉnh đồi. Ông tin, một ngày nào đó, ông sẽ ngủ mãi mãi trên tấm thảm lá thông này. Ý nghĩ ấy làm ông hạnh phúc. Chính trên những quả đồi này, năm 1972, cả tiểu đội của ông chỉ còn sót lại một người. Đó chính là ông. Sau trận đánh chiều đó, ông ngắt đi vì ba vết thương trên người. Khi ông tỉnh dậy trời đã khuya. Đêm ấy trời đầy sao. Cả vùng đồi im phắc. Ông gượng ngồi dậy. Và trong ánh sáng mờ của sao và vầng trăng đầu tháng, ông nhận ra đồng đội ông đang nằm như ngủ bình yên trên đỉnh đồi. Ông đã cất tiếng gọi. Tất cả đã hi sinh. Tiếng gọi của ông đêm ấy vang trên những quả đồi trơ trụi và vọng mãi đến bây giờ.

Sau chiến tranh, ông về thăm quê và quyết định trở lại vùng đồi này. Trở lại vùng đồi này, ông mang theo một người đàn bà trẻ. Người đàn bà đó là vợ ông. Người đã chờ đợi ông suốt mười năm cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Ngày ông dắt vợ đến vùng đồi người đàn bà trẻ ngơ ngác nhìn cõi hoang vu và hỏi :

– Chúng mình đến đây để làm gì hở anh ?

– Để sống.

Ông Miêng nói một câu ngắn gọn như vậy. Rồi những ngày sau đó ông dựng một ngôi nhà nhỏ dưới chân đồi. Chính quyền địa phương không một chút đắn đo cho phép ông được sống ở đó. Một năm sau ngày đến vùng đồi, ông bắt đầu trồng thông. Ông nói với vợ :

– Anh sẽ trồng thông kín những quả đồi này.

– Bao giờ mới kín được? Người vợ lo lắng hỏi.

– Anh không biết — Ông nói — Nhưng

anh sẽ trồng và sẽ trồng kín.

Những đêm sáng trăng, ông thường ngồi im lặng nhìn lên đỉnh đồi. Mây lững lờ bay qua đỉnh đồi, và ông nghe tiếng ông gọi đồng đội mình. Những đêm như thế, ông thường đi lên đỉnh đồi và trở về nhà rất khuya. Vợ ông sợ hãi hỏi :

– Anh lên đó làm gì ?

– Anh lên thăm bạn anh.

– Có ma nào ở trên đó mà anh thăm. Anh làm sao thế ? Em sợ lắm.

Anh ôm chặt vợ vào lòng và rì rầm :

– Tất cả đang ngủ trên đó.

Vợ chồng ông Miêng sống trên vùng đồi như sống trên một vùng đảo hoang. Có những tuần lễ không một bóng người đi qua. Người dân ở đó không biết làm gì ở vùng đồi sỏi đá và còn sót lại cả mìn từ chiến tranh này. Ông Miêng trồng tất cả những thứ gì có thể mọc được trên đất đồi này quanh ngôi nhà nhỏ và nuôi tất cả những gì có thể sống được ở đó. Sau một năm. Vùng đồi đỡ hoang vu hơn bởi những màu xanh đầu tiên được nhen lên và bởi tiếng gà tiếng chó. Ngày đầu tiên ông Miêng đến Sở Lâm nghiệp tỉnh xin cây thông non để trồng. Người Sở Lâm nghiệp nói giá mỗi cây thông non cho ông biết. Và nhanh hơn máy, ông ta tính ra một món tiền khổng lồ mà ông Miêng phải trả.

“ Tôi không có tiền. Tôi chỉ xin để trồng thôi ”. Ông Miêng nói. Người Sở Lâm nghiệp tròn mắt : “ Thế thì ông lấy lá thông mà trồng ”. Nghe vậy, ông Miêng bỏ đi. Ông gặp lãnh đạo tỉnh. “ Không. Tôi giúp tỉnh trồng thông kín những quả đồi đó. Tôi chỉ trồng thông thôi. Tôi không lấy công, không lấy gì hết ”. Lãnh đạo tỉnh nhìn ông khó hiểu. Ông nói : “ Tất cả đồng đội tôi đã chết trên quả đồi kia. Bây giờ họ đang ngủ ở đó. Khi nào thông mọc kín những quả đồi thì tôi sẽ trở về quê ”. Lãnh đạo tỉnh ôm lấy ông. Sau đó Sở Lâm nghiệp cấp cây giống cho ông. Ông Miêng bỏ hết số tiền ông có mua một con trâu để chở cây giống và giúp ông những việc khác. Mỗi tháng, ông đánh xe trâu đưa vợ xuống thị xã một lần để mua sắm

những thứ cần thiết cho hai vợ chồng hoặc mang bán một ít gia súc. Những buổi chiều bớt việc, ông thường dắt con trâu đi lang thang quanh vùng đồi để tìm cho nó một đám cỏ ngon.

Có lúc, con trâu dừng bước ngẩng cao đầu nhìn về dãy Trường Sơn xanh mờ. Nó bứt rứt lắc chiếc mõ tre đeo nơi cổ. Tiếng mõ tre vang lên đơn độc và khắc khoải. Nhiều đêm, con trâu đánh sừng suốt đêm vào những gióng tre chắn cửa. Và tiếng nó thở hắt ra như một tiếng thở dài. Những lúc ấy, ông Miêng tỉnh giấc. Ông cầm chiếc đèn bão ra chuồng trâu. Con trâu ngước đôi mắt ướt nhìn ông. Ông bước lại bên con trâu, vuốt ve cái khoáy trắng trên trán con trâu và thì thầm : “ Khi thông phủ kín những quả đồi, tao sẽ thả mày về với rừng ”.

Hai năm sau, những cây thông được trồng đã bắt đầu rít gió. Đêm đêm, gió u u thổi qua rừng thông non trên sườn đồi. Và trong tiếng gió thổi lúc gần sáng có tiếng trâu khua sừng và thở gấp vừa náo nức vừa buồn bã. Những đám mây mang hình người lơ lửng trôi qua những đỉnh đồi trong ánh trăng non. Nhiều đêm như thế, vợ ông đã khóc và đôi ông đôi bỏ vùng đồi về quê.

Rồi vợ ông mang thai, ông ôm vợ và nói : “ Chúng mình sẽ có một thằng con trai. Vùng đồi này sẽ có thêm một người và ông có thêm một người trồng thông ”. Nhưng ngày vợ ông sinh là ngày khủng khiếp nhất trong đời ông. Đứa bé không thành người. Nó chết ngay sau khi được sinh ra. Ông đã bọc đứa con trong chiếc áo lính bạc trắng của mình và đi quá nửa ngày đường xe trâu đưa đứa bé về vùng đồi. Ông chôn đứa bé trên đỉnh đồi nơi cả tiểu đội của ông đã nằm ở đó. Những ngày sau đó thỉnh thoảng ông để cho vợ đánh chiếc xe trâu lọc cọc về thị xã chơi với người quen cho khuây khoải. Còn ông lại lao vào trồng thông từ sáng đến tối. Vợ ông xuống thị xã và đôi khi ở lại đó vài ba ngày. Nhiều đêm chị hoảng hốt đòi ông trở về quê. Nhưng ông chỉ im lặng. Ông quyết liệt trồng thông phủ kín những quả đồi và quyết liệt có con. Vợ ông mỗi ngày một ít nói và đánh xe trâu về thị xã nhiều hơn. Cho đến một ngày, ông không thấy vợ trở về. Ông về thị xã tìm vợ. Vợ ông để lại chiếc xe trâu ở nhà người quen cùng với lời xin ông tha thứ và vĩnh biệt ông. Vợ ông đã không chịu nổi cuộc sống ngày dương đêm âm của vùng đồi. Và chị quá sợ hãi phải sinh nở với ông. Người bạn chị nói với chị là ông nhiễm chất độc da cam. Ông

chỉ có thể sinh ra những đứa bé không thành người. Chị đã bỏ ông, bỏ vùng đồi đi theo một người đàn ông khác mà chị gặp và trở nên thân thiết trong những lần đánh xe trâu về thị xã.

Ông chết lặng khi nghe tin ấy. Và lần đầu tiên trong đời ông thấy mình như không còn một chút sức lực nào nữa. Ông tựa vào con trâu và run lấy bầy. Ông không đi tìm vợ. Ông cũng không có ý đánh xe trở về vùng đồi. Ra khỏi thị xã, ông nằm xuống thùng xe và mặc cho con trâu kéo cỗ xe đi về đâu thì đi. Ông nằm trên đống cỏ đã héo khô trong thùng xe, người như lên cơn sốt. Mặt trời dần tắt. Bóng tối phủ dần lên con đường. Con trâu vẫn kiên nhẫn bước đi từng bước.

Khi con trâu lắc mõ và rống lên một tiếng dài thì ông mới tỉnh khỏi cơn sốt của đau đớn. Ông ngồi dậy và sững sờ nhận ra cỗ xe đã dừng trước ngôi nhà của ông dưới chân đồi. Ngôi nhà nằm im lìm trong bóng tối mờ. Hai con chó thấy ông về mừng rỡ tru lên khe khẽ. Ông mệt mỏi bước xuống khỏi thùng xe. Gió đêm bắt đầu thổi. Những lá thông rung lên. Ông lặng lẽ bước lên đỉnh đồi. Hai con chó lặng lẽ, lẻo đẻo theo sau ông. Ông đến ngồi xuống cạnh nắm mộ nhỏ của đứa con xấu số bên một gốc thông nhỏ. Ông khóc.

Đêm đó, ông lên cơn sốt thật. Trong cơn mê, ông thấy đồng đội ông ôm sủng nằm phủ kín những quả đồi. Ông đi lang thang trên những quả đồi và gọi tên đồng đội. Không ai trả lời ông. Tất cả đã ngủ mãi mãi trên những quả đồi kia. Ông nằm bệt trên giường hai ngày liền. Một nhân viên của trạm cây giống lên thăm ông. Thấy ông ốm, nhân viên của trạm cây giống vội đi đón một nữ y tá đến thăm bệnh và chăm sóc ông. Mấy ngày sau ông khỏi và lại đánh xe đến trạm cây giống lấy thông con. Ông lại trồng thông từ sáng đến tối mịt. Lúc nào đói thì nấu ăn, lúc nào mệt thì nằm ngủ, không theo quy luật nào cả.

Cứ khoảng một tháng, ông Miêng lại đánh xe về thị xã. Sau khi mua sắm những thứ cần thiết cho sinh hoạt và công việc, ông ghé qua nhà người quen của vợ chồng ông.

“ Có thấy cô ấy về đây không ? ”

Khi gặp người quen, ông thường hỏi câu đó. Người đàn bà nhìn ông vừa ái ngại vừa như có lỗi và lắc đầu. Và trước khi bước lên xe để trở về, ông đều nói : “ Có gặp vợ tôi thì bảo với cô ấy là tôi vẫn đợi cô ấy ”.

Mỗi lần từ thị xã trở về, ông Miêng

thường ghé thăm cô y tá đã chăm sóc ông cái bận ông ốm. Cô y tá tên là Hoa, làm việc ở một trạm xá một xã gần đó. Ông thường mang cho chị lúc thì một ít trái cây, lúc thì một hai chục trứng gà. Hai người ngồi nói chuyện vắn vơ về vùng đồi. Dần dần họ trở nên thân thiết nhau. Những lúc rảnh rỗi, Hoa đạp xe đến thăm ông. Ông Miêng dẫn chị lên đỉnh đồi để chỉ cho chị những cây thông mới trồng.

Những cây thông cứ từng ngày mọc lên trên những quả đồi sỏi đá. Ngày nào đến thăm ông, chị cũng ở lại ăn cơm chiều với ông. Hai người ngồi ăn cơm bên ngọn đèn chai trong tiếng gió thổi qua những đồi thông.

Một buổi chiều đưa Hoa lên đỉnh đồi, ông Miêng đã nói với chị : “ Không có người thì chẳng làm sao, nhưng đã có người đến đây rồi thì tôi thấy mình lẻ loi quá ”. Nghe ông Miêng nói vậy, Hoa im lặng và đi xuống chân đồi. Ông Miêng bước theo và nói khẽ : “ Ngày nào không có Hoa lên đây, tôi buồn lắm ”. Càng nghe ông Miêng nói, Hoa càng bước vội hơn. Đến ngôi nhà của ông Miêng dưới chân đồi, Hoa vội vàng lấy xe đạp và nói : “ Em phải về ”. Ông Miêng vội hỏi : “ Sao không ở lại ăn cơm với tôi ? ”. Hoa không trả lời, chị đạp xe xuống con đường đất đỏ chạy ven chân đồi.

Một tuần sau đó, Hoa không lên đồi thăm ông Miêng. Ông nóng ruột xuống làng tìm chị. Họ ngồi im lặng trước nhau. Hoa không nói một câu gì cho tới khi ông Miêng đứng dậy ra về. Hoa tiễn ông ra đến đầu ngõ và bỗng nói : “ Anh đừng giận em. Chiều mai em lên ”.

Buổi chiều hôm sau, Hoa lên thăm ông Miêng. Đó là một chiều hạnh phúc trào lên bất tận với ông Miêng. Ông dùng xe trâu đưa Hoa đi thăm xung quanh vùng đồi. Ông nói say sưa và náo nức về vùng đồi. Hoa nghe ông và đôi mắt giàn dụa. Những ngày sau đó, cứ khi nào rảnh rỗi công việc ở trạm xá xã, Hoa lại đến với ông Miêng. Chị dọn dẹp nhà cửa cho ông và cuốc những vạt đất ven chân đồi trồng chuối và rau.

Một buổi chiều đang trồng thông non trên sườn đồi, ông Miêng giật mình nghe một tiếng nổ dưới chân đồi. Ông nhìn xuống và kinh hoàng nhận ra Hoa nằm úp mặt trên đất. Khói đen như trùm kín người chị. “ Hoa! ”. Ông Miêng rú lên và lao xuống chân đồi. Những cây thông non mới trồng gãy rạp dưới chân ông. Khi ông chạy đến chỗ Hoa nằm thì khói đã tan hết. Chị

nằm sấp trên mặt đất đồi, một bàn tay vẫn nắm chặt chiếc cán cuốc. Một quả mìn của địch cài lại trong chiến tranh đã cướp đi mạng sống của chị. Ông Miêng từ từ quy xuống bên chị. Bỗng ông ngửa mặt lên trời và rống lên. Bầu trời trên đầu ông trong và xanh thẳm. Khói mìn đã tan đi trong gió. Cả vùng đồi yên tĩnh lạ thường.

Ông Miêng bế Hoa lên “ Hoa ơi là Hoa ”. Ông gọi và bế chị về phía ngôi nhà của mình. Ông múc nước trong chiếc lu sành rửa mặt mũi, chân tay cho chị. Rồi ông đặt chị nằm ngay ngắn trên chiếc giường của mình. Ông mở hết cửa cho gió thổi buổi chiều lùa ào ạt vào ngôi nhà. Ông ngồi xuống bên chị và kể lể cho chị nghe về cuộc đời ông cho đến khi bóng tối phủ kín ngôi nhà...

Sau ngày vợ ông bỏ ông đi và Hoa bị chết bởi mìn, ông Miêng bỏ rất nhiều thói quen của cuộc sống hàng ngày. Chỉ còn lại vùng đồi và những cây thông non là niềm vui của ông. Đêm đêm ông lẩn thẩn với những công việc không đâu vào đâu. Gần sáng ông thức giấc, ông ra hiên nhà ngồi nghe gió, réo u u qua rừng thông đã lên cao. Có một thời Sở Lâm nghiệp mời ông làm đội trưởng đội trồng rừng của tỉnh. Ông từ chối. Ông muốn sống một mình trên vùng đồi này. Ông muốn tự tay trồng kín thông trên những quả đồi sỏi đá và đầy mảnh bom đạn cùng với những quả mìn còn sót lại đâu đó trong đất đồi. Đêm đêm, ông sống cùng tiếng gió những đồi thông. Thỉnh thoảng ông lại nghe thấy chính tiếng ông gọi đồng đội xưa kia vọng về. Đồng đội ông đã yên nghỉ ngàn đời trên những ngọn đồi kia. Và ông cũng được yên nghỉ vĩnh viễn nơi đó. Hàng tháng ông vẫn đánh xe xuống thị xã. Và lần nào ông cũng chỉ cho xe đi qua cửa nhà người quen của vợ ông. Ông cho trâu dừng lại. Ông nhìn vào ngôi nhà rồi lại bỏ đi. Với vợ ông, ông không hề thù oán, ông chỉ thấy buồn. Người đàn bà ấy đã chờ đợi ông suốt mười năm không một điều tiếng gì. Nhưng chỉ ba năm sống với ông trên vùng đồi này, chị đã không chịu đựng nổi. Nói đúng hơn là chị khiếp sợ. Chị khiếp sợ phải sinh cho chồng những đứa con bất thành nhân dạng.

Bây giờ thông đã mọc kín và cao trên những quả đồi. Tóc ông Miêng đã bạc tuy ông mới ngoài 50 tuổi. Con trâu ông mua từ ngày mới đến vùng đồi, nay đã già yếu. Đôi sừng như dê nặng hơn trên đầu con trâu làm mặt nó như chúm xuống sát đất. Hơn một năm nay, ông không bắt nó kéo xe. Đã có lần, nhớ đến

lời hứa trước kia với con trâu, ông đã dắt nó đến sát những cánh rừng Trường Sơn và nói với nó : “ Mày hãy trở về rừng đi ”. Nói xong, ông tháo con trâu và quay về. Nhưng đêm hôm sau, trong giấc ngủ chập chờn, ông nghe có tiếng con trâu thở gấp. Ông tỉnh giấc và nghĩ mình ngủ mê. Ông nhớ con trâu nhưng ông giữ lời hứa của mình. Rồi ông lại chập chờn bước vào giấc ngủ. Ông nghe thấy có ai gõ cửa. Ông lại tỉnh giấc. Ông ngồi dậy, lắng nghe và nhận ra có ai đó đang đẩy cửa. Ông bước vội ra mở cửa và nhận ra con trâu trở về. Ông sẽ kêu lên và ôm lấy cổ con trâu già. Rồi ông đốt đèn ra sau nhà hái một ôm lá sắn cho nó. Con trâu vừa ăn vừa nhìn ông. Ông âu yếm nhìn con trâu và nói : “ Mày không muốn về rừng ư ? Thôi thế thì ở lại với ta. Những quả đồi này cũng thành rừng thông rồi. Có công của mày đấy ”.

Những ngày sau đó, chiều chiều ông dắt con trâu đi lang thang trên những đồi thông. Và những lúc ấy, ông nhớ đến đồng đội ông, nhớ đến đứa con đã chết của ông, nhớ đến người vợ đã bỏ ông đi không có tin tức gì và nhớ đến cái chết của Hoa trong một buổi chiều của hoà bình. Nỗi nhớ bây giờ của ông không còn mang nỗi đau tê tái nữa, mà chỉ như gió thổi qua những đồi thông vào những đêm gần sáng vừa da diết, bồn chồn, vừa xa xăm, thốn thức.

Một buổi chiều, ông dắt con trâu già từ rừng thông trở về nhà. Một chàng trai đã đứng ở sân nhà đợi ông. Ông lặng lẽ bước đến trước chàng trai.

– Cháu chào bác — Chàng trai nói khẽ
– Cậu tìm ai ? — Ông hỏi.
– Cháu tìm bác Miêng.
– Tôi đây — Ông nói — Tôi là Miêng.

Mặt chàng trai chợt biến động lạ lùng. Ông nhận thấy đôi môi chàng trai run lên.

– Cậu tìm tôi có việc gì ?

Chàng trai không trả lời. Nước mắt chàng trai trào ra. Bỗng chàng trai nức nở. — Có chuyện gì vậy ? sao cậu lại khóc ? Chàng trai cứ đứng trên sân khóc một hồi lâu. Rồi chàng trai lấy tay lau nước mắt. Chàng trai bước một bước về phía ông và nói, giọng như lạc đi :

“ Ba, ba Miêng. Con là con của Ba ”. “ Con tôi — ông Miêng khẽ kêu lên — cậu nhầm rồi ”. “ Ba hãy tha thứ cho má con ”. “ Má cậu ? má cậu là ai ? ”. “ Má con là Lợi. Má nói con đi tìm Ba ”. Mọi cảnh vật trước mắt ông

Miêng nhoà đi. Tim ông nhói lên như một mũi kim đâm vào. Hai chân ông run lên. “ Cậu là con tôi à ? ”. Ông Miêng nói như bằng hơi thở của người ốm nặng. “ Con là con của ba. Má nói con đến đây đi tìm Ba mà nói ba hãy tha thứ cho má ”. “ Má cậu đâu ? ”. Chàng trai khóc và nói : “ Má mất rồi, ba ơi ! Ông Miêng cúi đầu im lặng. Một lát sau ông bước đến bên chàng trai, đặt bàn tay chai sạn, đen đúa lên vai chàng trai và nói : “ Vào nhà đi ”. Chàng trai xách chiếc túi du lịch nhỏ theo ông vào nhà. Chàng trai mở túi lấy một bọc vải nhỏ và mở ra. Trong đó là một chiếc nhẫn. Ông Miêng nhận ra chiếc nhẫn đó. Chàng trai lấy chiếc nhẫn đưa cho Ông Miêng. “ Trước khi mất, má đưa chiếc nhẫn cho con và nói con phải đi tìm ba. Đến lúc đó, con mới biết ba con là ai và ở đâu ”. “ Má cậu nói gì nữa không ? ”. “ Má nói, má đã phản bội ba, không phải vì má không yêu ba mà là má quá sợ ”. “ Má cậu sợ cái gì ? ”, ông Miêng hỏi. “ Con cũng hỏi má vậy, nhưng má không bao giờ nói cho con hay ”. “ Lâu nay má con cậu sống ở đâu ? ”. “ Dạ, ở Nha Trang ”, chàng trai đáp giọng đầy nước mắt. “ Má con cậu sống với ai ? ”. “ Chỉ hai má con thôi ”, chàng trai nói, “ Từ lúc sinh ra con chỉ biết có má ”.

Nói xong, chàng trai nhìn ông Miêng vừa sợ vừa chờ đợi. Hai người ngồi im lặng. Mặt Ông Miêng bất động. “ Trước khi má mất — chàng trai nói — Má bắt con hứa là phải tìm được ba. Má nói con thay má tạ lỗi ba và mong ba tha lỗi cho má để má được thanh thản nơi chín suối. Má nói con phải đến đây và sống với ba hết đời. Ba sẽ che chở cho con. Ông Miêng nhìn gương mặt non nớt, trong sáng và tội nghiệp của chàng trai. Lòng ông nhói đau. Ông biết chàng trai không phải con ông. Vì ông không bao giờ sinh được một đứa con lành lặn. Ông cũng

chợt hiểu người đàn ông đã lừa dụ vợ ông và cũng đã ruồng bỏ người đàn bà ấy cùng hồn máu của mình. “ Ba sẽ che chở cho con ”. Giọng nói nức nở và như một lời cầu nguyện của chàng trai vang trong lòng ông. Và hơn thế, người đàn bà, vợ ông, đã quá yêu thương đứa con mình và cầu ông che chở cho một con người. Thấy ông ngồi bất động, chàng trai lại khóc và nói : “ Ba ơi, má mất rồi... ”. “ Ba ơi ! ”, ông lẩm bẩm như người ngủ mê, nhắc lại tiếng gọi của chàng trai. “ Ba hãy thứ tội cho má ”. Giọng chàng trai đã khản. “ Ba cho con về ở với ba. Ba đừng bỏ con ”. Ông Miêng nhìn chàng trai. Nếu lúc này ông nói ra sự thật với chàng trai thì có nghĩa ông đập tan mọi hy vọng và sự chờ đợi của nó. Và nghĩa là, ông không chấp nhận lời cầu xin của một người đàn bà tội nghiệp trong cơn hấp hối. Và cũng chính lúc này, sự xuất hiện của chàng trai lại làm ông thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Nếu bây giờ chàng trai bỏ đi, ông sẽ gục ngã không thể đứng lên được bởi chính sự cô đơn mà bấy lâu nay ông cố vùng vẫy chống chọi. Khi chỉ có mình ông, ông không nhìn thấy hết sự cô đơn. Nhưng khi có một con người khác đứng trước ông, ông mới nhìn thấy toàn bộ sự cô đơn khổng lồ của mình. Lúc này nhìn ông như một người cổ xưa, không tuổi tác và lặng phắc như đá. Bỗng từ trên những đỉnh đồi, gió ào ạt đổ về. Ngon gió lớn cuộn cuộn thổi qua hai người. Trong tiếng gió vọng lên những tiếng thì thầm bất tận. Ông Miêng chống gối đứng dậy. Ông bước đến trước chàng trai. Chàng trai ôm đỡ lấy ông. Ông thấy hơi người ấm rục từ chàng trai phả vào cơ thể ông đang run lên như một cơn sốt rét. Ông quờ tay ôm lấy chàng trai và kêu lên như một tiếng rên.

Nguyễn Quang Thiều
(Văn Nghệ số 13 ra ngày 28/3/98)

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ♦ Imprimé par nos soins ♦ Dépôt
♦ Légal : 178/91 ♦ Commission Paritaire : AS 73324 ♦ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện : BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58, quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) : diendan_forum@hol.fr

Đại diện ở các nước Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử : ldloc@polbox.com

Thế lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt)
hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)